

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẲNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



40

THÁNG 03.2015



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: HT. Thích Thiện Long

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **MỘT CHUYẾN ĐI THĂM** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 8
- ♦ **TỬ TUYỆT XUÂN** (thơ Phù Du), trang 9
- ♦ **TRUY TÌM TỰ NGÃ** (Tuệ Sỹ), trang 10
- ♦ **CHÀO NGUYÊN XUÂN** (thơ Bùi Giáng), trang 12
- ♦ **DUY THỨC VÀ TỊNH ĐỘ** (Thích Đức Trí dịch), trang 14
- ♦ **ÁO HOA HẪY RỪ BỤI VÀNG** (thơ Huệ Trân), trang 16
- ♦ **THÔNG BÁO: KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V (2015)**, trang 17
- ♦ **SÁCH THIỀN UYÊN TẬP ANH...** (Nguyễn Lang), trang 18
- ♦ **TÂM SỰ VỚI BA** (thơ TN Giới Định), trang 22
- ♦ **SÁNG TẠO LÀ CON ĐƯỜNG THI SĨ** (Tâm Nhiên), trang 23
- ♦ **QUÁN CHIẾU, TRĂNG CÓ BẢNG KHUẢNG...** (thơ Mặc Phương Tử), trang 26
- ♦ **PHẬT GIÁO YẾU LƯỢC / Vô ngã hay không có linh hồn** (Thích Trí Chơn dịch), trang 27
- ♦ **CÂY CÂY TRÊN ĐẤT TÂM – Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), tr. 32
- ♦ **MÓNG TÂM, THOẢI TÂM – Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ **ANH EM NHƯ THẺ TAY CHÂN – Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ **BỜ ÁO, BÁT KHẢ TƯ NGHÌ** (thơ Tâm An – Xuyên Trà), trang 34
- ♦ **CON TRAI TÍ PHÚ ĐI TU** (TM Ngô Tăng Giao), trang 35
- ♦ **ĐẠI ĐẾ QUANG TRUNG, XUÂN VỌNG** (thơ Chân Minh Trí), trang 36
- ♦ **NGOÀI KIA XUÂN ĐÃ VỀ** (Hoang Phong), trang 37
- ♦ **NGHỆ THUẬT THƠ** (Phan Quỳnh Trân dịch), trang 38
- ♦ **TỰ KHÚC NGÀY** (thơ Nguyễn Hậu), trang 39
- ♦ **ĐỌC BÀI THƠ 'ĐÀNG VƯƠNG CÁC TỰ' CỦA THI HÀO VƯƠNG BỌT** (Lam Nguyên), trang 40
- ♦ **PHIẾU GHI DANH THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V (2015)**, trang 43
- ♦ **ĐỊA ĐIỂM GHI DANH THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V (2015)**, trang 44
- ♦ **NỮ GIỚI MỸ CHÂU ĐANG THAY ĐỔI PHẬT GIÁO NHƯ THẾ NÀO** (TN Tịnh Quang dịch), trang 48
- ♦ **NGHE EM NÓI MUỐN TỰ TỬ** (Tâm Thường Định), trang 52
- ♦ **LỜI NHẮN TÌNH THƯƠNG** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 53
- ♦ **ĐẾN PHẬT ĐÀI QUAN ÂM TP. BẠC LIÊU** (Tuệ Như), trang 54
- ♦ **CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT, CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT** (Hình của Đặng Đức Cường), trang 55
- ♦ **NẤU CHAY: CHẢ LỰA** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ♦ **THIỀN THẦN VỀ ƯỚC MƠ** (Lam Khê), trang 58
- ♦ **ĐẦU LÀ SỰ THẬT?** (Thích Minh Chiếu), trang 60
- ♦ **GỬI NHỚ, SÔNG LÒNG...** (thơ Vĩnh Hữu), trang 61
- ♦ **DÒNG NƯỚC ĐÔI BỜ** (Ấn Kiên), trang 62
- ♦ **GIẢI TRÍ TUỔI GIÀ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 64
- ♦ **TRUYỆN NGÁN TRĂM CHỮ** (Steven N.), trang 65
- ♦ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG, Chương 2** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 66
- ♦ **STORY OF THE PACIFICATION OF THE RELATIVES OF THE BUDDHA** (Daw Mía Tin), trang 72
- ♦ **CẢM TẠ**, trang 73

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 40, tháng 03.2015, do Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

THẾ GIỚI ẢO

Mai năm nay nở sớm trước Tết. Qua Tết thì những cánh hoa vàng đã rụng đầy cội, và trên cây, lá xanh ươm lộc mới. Quanh vườn, các nhánh phong lan tiếp tục khoe sắc rực rỡ giữa trời xuân giá buốt. Đêm đến, trời trong mây tĩnh, vườn sau đón ngập ánh trăng, tạo một không gian huyền ảo lung linh.

Đã không có những ngày xuân rực nắng, không có những đêm xuân ấm cúng tiếng đàn câu ca và những chung trà bằng hữu; nhưng chân tình của kẻ gần người xa, vẫn luôn tỏa sự nồng nàn, tha thiết. Cái gì thực thì còn mãi với thời gian thăm thẳm, vượt khỏi những cách ngăn của không gian với với.

Nhân loại ngày nay đang tiến, và còn tiến xa hơn, trong công nghệ thông tin điện tử, thế giới mạng, không gian mạng. Kỹ thuật hiện đại như trao cho mỗi cá nhân phép thần thông biến hóa để giao tiếp, liên lạc, tìm và thấy nhau qua câu nói có dây (internet), câu nói không dây (wifi), trên màn ảnh lớn, màn ảnh nhỏ, nơi bàn làm việc, và ngay cả trên bàn tay nhỏ bé. Nhưng thần thông cách nào thì thế giới mà họ đang đắm mình, tiêu phí gần hết thời gian của mình vào đó, vẫn được xem như là thế giới ảo (the virtual world), không gian ảo (the virtual landscape, cyberspace).

Ảo ở đây không có nghĩa là không có, mà là có trong ý nghĩa không thực, không hiện hữu như thực tế (fact, reality). Biết là ảo, nhưng người ta không thể phủ nhận nó; trái lại, đối với một số người, đó là cả đời sống thực của họ, không thể thiếu vắng mỗi ngày. Hậu quả là có những nhân vật ảo, công ty ảo, hàng hóa ảo, tiền bạc ảo, trò chơi ảo, tình yêu ảo... tạo thêm khổ đau,

khủng hoảng, bất an cho cuộc đời và những con người đang tìm kiếm hạnh phúc. Các nhà giáo dục luôn cảnh giác tuổi trẻ (mà cũng ngầm nhắc luôn cho những người lớn ham vui), chớ đắm mình trong thế giới ảo mà hãy trở về với thực tế đời sống—tức là phải đủ can đảm và nghị lực để rời khỏi máy vi tính, máy chơi game, điện thoại cầm tay... Nhưng theo khảo sát của các nhà tâm lý, đa phần những người nghiện “thế giới ảo” đều không có hạnh phúc, hoặc có nhiều khúc mắc trong đời sống thực—những người này tìm quên trong thế giới ảo, hy vọng có thể khóa lấp sự bất toàn của cuộc sống hoặc biết đâu, may mắn tìm ra một nhân dạng hay sự việc ảo (mà cũng là người thật, việc thật) cho đời mình.

Suy cho cùng, dù có ra khỏi thế giới ảo, trở về với đời sống gọi là “thật” đi nữa, chưa hẳn là con người có thể tìm thấy hạnh phúc, an lạc cho đời mình. Bởi vì, hãy tự hỏi đời sống “thật” này có thực sự là “thật” không. Nếu là thật thì phải còn mãi trong không gian, thời gian. Thực tế cho thấy không có gì, từ vật chất đến tinh thần, có thể giữ nguyên vẹn tính nguyên thủy của nó. Những lâu đài, tượng đài nguy nga kiên cố có thể tan thành tro bụi trong vài phút; những ngai vàng, các chế độ, các tổ chức và đảng phái được cho là bền vững, trường trị muôn năm, có thể bị lật đổ bởi các cuộc cách mạng, canh tân; và tình yêu, dù là tình yêu chân thật, keo sơn, thủy chung nhất, cũng phải có lúc dẫn đến chia lìa khô đau.

Thực tế cũng cho thấy, ngay trong đời sống thực, chúng ta lại luôn sống trong ảo tưởng, quá nhiều ảo tưởng. Từ người ít học đến hàng trí thức, từ kẻ vô danh đến kẻ nổi danh, từ hàng thuộc cấp đến kẻ lãnh đạo... từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn, từ văn học đến

chính trị, xã hội, tôn giáo... đều dễ vương cái bệnh ảo tưởng, hoang tưởng—được vài tiếng khen đã cho mình là thiên tài, trung tâm vũ trụ; được người khác bầu chọn (hoặc ép họ bầu chọn, hoặc tự mình bầu chọn mình) đã cho mình là trên hết, nổi trội hơn hết. Tự cao tự mãn, say đắm trong ảo tưởng về sự vĩ đại của bản ngã, thì sẽ không bao giờ thấy được thực tánh, thực chất của con người và cuộc đời.

Theo kinh nghiệm và tuệ giác của những bậc minh triết để lại, muốn tìm ra sự thực, chân lý, trước hết phải nhận thức đúng đắn về cái ảo, cái không thực. Phải “**giải ảo**” thì may ra mới thấy được cái Chân. Một khi cái Chân xuất hiện, mọi điều tốt (Thiện) và đẹp (Mỹ) mới thực sự có mặt, trong cuộc sống toàn diện, cũng như trong văn học nghệ thuật. Và điều mà tất cả chúng ta có thể áp dụng là hãy sống rất thực, rất chân tình, như là bước khởi đầu để thoát khỏi thế giới ảo và các ảo tưởng.

Dù thế nào, hai vầng nhật nguyệt vẫn luôn lơ lửng trên bầu trời ngày đêm. Có hay không nền công nghệ thông tin hiện đại, có hay không thế giới ảo và không gian ảo, thì trời và trăng vẫn thế, vẫn tỏa sáng từ vạn cổ.

Dưới ánh trăng xuân, chiêm nghiệm trần gian ảo hóa: *Như giấc chiêm bao của người mỗi mết, như trò huyền mị của ảo thuật gia, như bọt nước lao xao bờ sông mé biên, như ảo ảnh xuất hiện trên sa mạc bỏng cháy khô khan, như sương mai đọng trên đầu ngọn cỏ, như ánh chớp xuyên qua trời đêm mịt mù...* (*) Thế giới ảo không có gì xấu xa, tội lỗi. Nó huyền diệu và đẹp như thơ, nếu được lặng nhìn và lắng nghe như là chính nó.

(*) Ý kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

NHẬT BẢN: Triển lãm các tượng Phật giáo của vùng bị thảm họa động đất và sóng thần Tohoku

Triển lãm "Các Kiệt tác của Điêu khắc Phật giáo từ miền Bắc Nhật Bản", khai mạc vào hạ tuần tháng 1-2015 tại Bảo tàng Quốc gia Tokyo ở Ueno, Tokyo, phản ánh một sự tập trung chú ý đối mới về các tượng Phật giáo của vùng Tohoku sau trận động đất và sóng thần lớn tại Nhật vào năm 2011.

Trong số những tượng trưng bày tại triển lãm này có những tượng đã bị hư hại trong trận động đất ngày 11-3-2011 và các dư chấn, và những tượng mà mọi người hướng nhìn để tìm sự an ủi và sức mạnh khi họ nương tựa tại các chùa trên vùng đất cao của các vùng duyên hải sau khi nhà cửa của họ bị sóng thần cuốn trôi. Có cả một tượng vẫn tồn tại qua 2 thảm họa động đất và sóng thần "một-lần-trong-một-thiên niên kỷ" của vùng Tohoku này.

Với 26 tượng được trưng bày, đây không có nghĩa là một cuộc triển lãm lớn. Nhưng rõ ràng là các tác phẩm đã được tuyển chọn kỹ để cho thấy sự đa dạng của điêu khắc Phật giáo tại Tohoku.

Triển lãm kéo dài cho đến ngày 5-4-2015.

(The Japan News – February 2, 2015)



*Tượng Phật và thiên tượng được trưng bày tại cuộc triển lãm ở Bảo tàng Quốc gia Tokyo
Photos: The Japan News*

THÁI LAN: Chùa Phra That Doi Suthep trên đỉnh núi Suthep

TIN ẢNH: Chùa Phra That Doi Suthep là một ngôi chùa Phật giáo Nam tông tại Chiang Mai, Thái Lan, tọa lạc trên đỉnh núi Suthep. Được thành lập cách đây hơn 600 năm, chùa Suthep được xem là một trong những đền thờ linh thiêng nhất tại miền bắc Thái Lan.

Truyền thuyết kể rằng có một con voi trắng mang xá lợi của Đức Phật lên núi Suthep. Voi ré lên 3 lần rồi chết tại đây, đánh dấu địa điểm này là nơi phù hợp để xây chùa.

Ngôi chùa và là điểm đến hành hương nổi tiếng Phra That Doi Suthep này có cảnh quan tuyệt đẹp, thu hút du khách vượt 10 dặm đường quanh co để lên vãng cảnh chùa trên đỉnh núi.

(tipitaka.net – February 2, 2015)



Du khách và người hành hương đi lên hơn 300 bậc cấp để đến chùa Phra That Doi Suthep



Những chuông lớn của chùa Suthep



Các cộng đồng địa phương thường "trồng" những cây tiền trước khi cúng dường để giúp duy trì ngôi chùa





Tượng sếp của một vị đại sư bản tự



Tín đồ xếp hàng và đánh lễ một nhà sư bản tự



Du khách cầm hoa và kính cầu nguyện đi quanh chùa Suthep
Photos: Brian Pellot

ẤN ĐỘ: Tượng Phật thời kỳ Chola được phát hiện tại Thanjavur

Gần đây một nhóm các nhà nghiên cứu đã tìm thấy một tượng Phật không đầu tại làng Manalur ở huyện Thanjavur, bang Tamil Nadu. Pho tượng bằng đá granite này được cho là thuộc thời kỳ Chola của thế kỷ thứ 10 hoặc 11.

Các học giả Phật giáo là

B.Jambuligam và Tamil Pandit tại Thư viện Manimaram Raja Serfoji Sarasvati Mahal đã xác định pho tượng nói trên trong cuộc nghiên cứu thực địa của họ trên một cánh đồng tại làng Manalur ở khu Papanasam thuộc huyện Thanjavur.

Khi được phát hiện, phần bàn tay phải giờ lên ở độ cao 80 cm của pho tượng đã bị gãy.

Với những đặc điểm về hình tượng giống với những tượng Phật khác của nước Chola, tượng này có thể đã được chạm khắc vào thế kỷ thứ 10 hoặc 11 sau Công nguyên, các nhà nghiên cứu nói.

(the hindu.com – February 1, 2015)



Tượng Phật thời Chola được phát hiện tại Thanjavur, Ấn Độ
Photo: ibtimes.com.in

ÚC ĐẠI LỢI: Khóa học Phật giáo Mùa hè năm thứ 32 tại Maitripa

Từ ngày 10 đến 13-1-2015, Viện Kagyu E-Vam đã tổ chức Khóa học Phật giáo Mùa hè (BSS) thường niên lần thứ 32 tại Trung tâm Tu học Maitripa của Viện ở Healesville, bang Victoria.

Viện được thành lập bởi Sư trưởng Traleg Kyabgon sau khi ông chuyển đến Úc, và BSS bắt đầu sau đó không lâu.

Năm nay BSS giảng dạy về triết học Phật giáo và thiền định từ các truyền thống Nguyên Thủy, Đại Thừa và Kim Cang Thừa, cũng như về triết học và tâm lý học đối chiếu. Trong 4 ngày, những người tham gia đã có cơ hội nghe 5 diễn giả nổi tiếng truyền đạt nhiều chủ đề, từ cơ bản đến nâng cao.

Sinh năm 1955, Sư trưởng Kyabgon đã được công nhận là hóa thân thứ 9 của dòng truyền thừa Traleg khi ông 2 tuổi, và sau đó được phong làm trụ trì Tu viện Tra'gu tại Kham, Tây Tạng.

Ông đã trải qua đào tạo học tập và thiền định nghiêm ngặt từ các đại sư dòng Kagyu và Nyingma ở Ấn Độ, và chuyển đến Úc vào năm 1980. Ông thành lập

Viện Kagyu E-Vam vào năm 1982 và Trung tâm Tu học Maitripa vào năm 1995, cũng như mở các trung tâm tại Tân Tây Lan và Hoa Kỳ. Ông viên tịch vào năm 2012.

(Buddhist Door – February 2, 2015)



Sư trưởng Traleg Kyabgon IX.
Photo: evaminstitute.org



Một Phật điện tại Trung tâm Tu học Maitripa, Úc Đại Lợi
Photo: maitripacentre.org

CAM BỐT: Hàng nghìn tăng ni, Phật tử dự lễ Phật giáo cổ xưa Meak Bochea

Sáng ngày 3-2-2015, chư tăng ni đã diễn hành đến chân núi Oudong ở tỉnh Kandal để kỷ niệm lễ hội Meak Bochea, tương truyền là ngày Đức Phật tiên đoán về sự nhập niết bàn của Ngài.

Sau đó khoảng 4,000 Phật tử, trong số đó có Phó Thủ tướng Yim Chhayly, cũng đã tập trung tại chân núi để cùng đường chư tăng ni.

Meak Bochea, lễ lớn nhất của đất nước Cam Bốt, đã được tổ chức theo lịch sử tại núi Oudong vì trên đỉnh núi từng có một bảo tháp lưu giữ các xá lợi của Đức Phật.

Đây là lần thứ 2 buổi lễ được tổ chức tại núi này, sau khi các xá lợi - tương truyền là tóc, răng và xương của Đức Phật - bị đánh cắp

vào tháng 12 năm 2013. Các xá lợi sau đó đã được thu hồi và hiện đang được lưu giữ ở Cung điện Hoàng gia tại Phnom Penh.

Rong Phearum, giám đốc sở giáo phái và tôn giáo tỉnh Kandal, cho biết trong buổi lễ rằng mặc dù các xá lợi không còn trong bảo tháp đã đóng kín nữa, nhưng các nghi lễ của Meak Bochea vẫn giữ ý nghĩa rất lớn đối với Phật tử Cam Bốt.

(The Cambodia Daily – February 4, 2015)



Phật tử cúng dường chư tăng trong lễ Meak Bochea tại núi Oudong —Photo: Siv Channa

NEPAL: Ngôi chùa cổ Kakre Bihar sẽ được trùng tu

Kakre Bihar là một phế tích chùa cổ Ấn giáo-Phật giáo tọa lạc trên một đỉnh đồi nhỏ ở Thung lũng Surkhet. Chính phủ Nepal đã bắt đầu các việc chuẩn bị với một dự án kéo dài nhiều năm để trùng tu ngôi chùa Kakre Bihar 'Shikhar Sali' này, vốn được cho là có niên đại từ thế kỷ thứ 12.

Được xem là đứng thứ 2 chỉ sau Lâm Tì Ni về mặt ý nghĩa khảo cổ học và lịch sử, chùa Kakre Bihar xây bằng đá rắn với những tượng Đức Phật bằng đồng cùng với rất nhiều tượng thần Ấn giáo là một biểu tượng của sự hòa hợp tôn giáo giữa người dân trong khu vực.

Bhesh Narayan Dahal, tổng giám đốc Cục Khảo cổ học (DoA), nói rằng cơ quan của ông sẽ sớm mời đầu thầu cho việc cải tạo ngôi chùa cổ này. Với kế hoạch hoàn thành công việc tu sửa trong vòng 3 năm, ông Dahal nói dự toán ngân sách ban đầu để thực hiện việc cải tạo là khoảng 90 đến 110 triệu Rupee, và họ cũng sẽ phục chế những đồ tạo tác quan trọng nếu chúng đã bị mất.

DoA nói rằng các công trình cải tạo sẽ bảo tồn phong cách kiến trúc độc đáo của ngôi chùa, và rằng các kiến trúc sư sẽ phục chế những cấu trúc bị phá hủy hoặc không thể khắc phục. Theo DoA, di tích này sẽ được trùng tu

giữ lại hình dạng ban đầu của nó chứ không có bất cứ thay đổi nào.

(ekantipur.com – February 9, 2015)



Phế tích chùa cổ Kakre Bihar, Nepal — Photo: Google

VƯƠNG QUỐC ANH: Phát hiện bản thảo cổ của Phật giáo Miến Điện tại ủy ban Quận Trafford

Sau khi một bản thảo đáng kinh ngạc có tính lịch sử của Miến Điện được phát hiện trong một hộp đầy bụi tại kho lưu trữ ủy ban quận Trafford, giảng viên lịch sử Tilman Frasch của trường Đại học Đô thị Manchester đã làm sáng tỏ nguồn gốc của văn bản nói trên.

Tiến sĩ Frasch tin rằng tài liệu này là một 'nissaya' – gồm những đoạn ngắn viết bằng tiếng Pali, xen kẽ với các phần dịch bằng tiếng Miến Điện.

Văn bản lạ thường này được cho là tập điều luật lịch sử dành cho tu sĩ Phật giáo. Các trang được làm bằng lá cọ xử lý bằng dầu để làm cho chúng mềm dẻo. Đáng tiếc là trang cuối, thường có ghi ngày tháng thực hiện bản thảo, đã bị mất.

Nhưng Tiến sĩ Frasch đã xem xét tình trạng của lá để ước tính tuổi của bản thảo nói trên và ông nhận ra nó được làm vào khoảng năm 1850.

(Manchester Evening News – February 10, 2015)



*Tiến sĩ Tilman Frasch và bản thảo cổ của Miến Điện
Photo: Todd Fitzgerald*

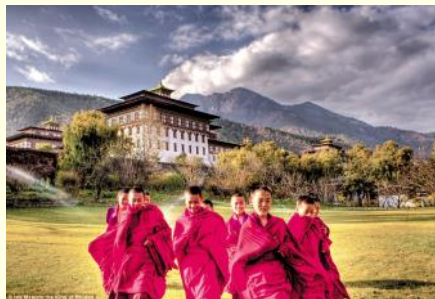
BHUTAN: Lễ hội Quốc tế lần đầu tiên được tổ chức trùng với Năm mới Phật giáo (Losar)

Bhutan được biết đến là quốc gia hạnh phúc nhất trên thế giới, và nó luôn luôn thu hút những du khách tò mò là nhờ có phong cảnh vùng Hi Mã Lạp Sơn hoang sơ hùng vĩ. Và từ ngày 14-2-2015, Bhutan dự kiến sẽ tiếp một làn sóng du khách chưa từng có khi đất nước này tổ chức lễ hội quốc tế đầu tiên về nghệ thuật và văn hóa kéo dài 10 ngày của mình.

Trùng với lễ kỷ niệm sinh nhật thứ 35 của Quốc vương thứ 5 và lễ Losar (Năm mới Phật giáo), lễ hội nói trên sẽ có sự tham gia của 80 nghệ sĩ và nghệ sĩ biểu diễn, bao gồm ngôi sao nhạc pop Lucky Ali (Ấn Độ) và nghệ sĩ dẫn gian Ấn Nick Mulvey (Anh quốc) cộng tác với các nghệ sĩ hàng đầu của Bhutan.

Trong lễ hội, các vũ công mang mặt nạ truyền thống sẽ trình diễn cùng với các tiết mục đương đại từ khắp thế giới, và du khách có thể tham dự các cuộc nói chuyện về các lý thuyết mới nhất về hạnh phúc.

(dailymail.co.uk – February 10, 2015)



*Các tiểu tăng Bhutan trước Hoàng cung ở thủ đô Thimpu, ảnh do Đức Vua Bhutan chụp
Photo: Mail Online*

ẤN ĐỘ: Hội nghị Phật giáo Quốc tế lần thứ 3 tại Bhubaneswar

Trong một nỗ lực để quảng bá các mạng mạch Phật giáo ở cấp quốc tế, chính quyền bang Odisha đã quyết định tổ chức Hội nghị Phật giáo Quốc tế lần thứ 3 tại Bhubaneswar từ ngày 13-2, Bộ trưởng Du lịch và Văn hóa Ashok Chandra Panda cho biết vào ngày 11-2-2015.

Ông nói sự kiện 3-ngày này sẽ có sự tham gia của khoảng 150 học giả Phật giáo và tăng sĩ từ khắp thế giới, trong số đó có Nhật Bản và Tích Lan. Họ sẽ dự hội nghị để thảo luận kỹ về lịch sử và văn hóa Phật giáo.

Bộ trưởng Panda nói các đại biểu sẽ thảo luận về các di tích Phật giáo tại Ấn Độ và bang Odisha, và về tiềm năng du lịch ở khu vực này.

Sẽ có một phiên họp riêng về kinh doanh dành cho các nhà khai thác tour du lịch để thu hút du khách đến thăm các di sản Phật giáo.

Trong khi có hơn 340 di tích Phật giáo tại Odisha, chính quyền bang đã đánh dấu 3 khu liên hợp Phật giáo Lalitgiri, Udayagiri và Ratnagiri là vùng Tam giác Kim cương.

(IANS – February 11, 2014)



Lối vào một tu viện ở Lalitgiri, bang Odisha (Ấn Độ)
Photo: wikipedia.org

PAKISTAN: Các di tích Phật giáo cổ đại ở Pakistan cần bảo tồn khẩn cấp

Nhiều di tích Phật giáo cổ tại Pakistan đang xuống cấp do thiếu sự nỗ lực bảo tồn thích hợp. Những di tích này đã bị hư hại thêm do sự thờ ơ và bỏ mặc của phía chính quyền.

Tiến sĩ Abdul Samad, giám đốc viện Khảo cổ học và Bảo tàng Khyber-Pakhtunkhwa, nói, "Có hơn 500 di tích quan trọng về lịch sử trong thành phố và hầu hết đang trong tình trạng hư hỏng. Chúng cần được bảo tồn và phục hồi ngay. Các nhà thầu và thợ xây thiếu kinh nghiệm được giao nhiệm vụ phục hồi đã làm hủy hoại thêm những công trình kiến trúc như vậy." Ông nói thêm, "Các di tích lịch sử cần được giao cho chúng tôi để bảo quản bởi vì chỉ có các nhà khảo cổ học mới có thể làm được công việc như thế." Tiến sĩ Samad cũng nói rằng một số báo cáo về hậu quả này đã được gửi đến chính quyền tỉnh, nhưng đã bị bỏ qua. "Chúng tôi có các chuyên gia bảo tồn và có khả năng thực hiện công việc bảo quản cho các di tích này. Chính quyền nên giao chúng cho chúng tôi", ông nói tiếp.

Đồng thời, Trung tâm Di sản

Văn hóa Nam Á của Nhật Bản, một tổ chức phi lợi nhuận, đã được thành lập để hỗ trợ việc bảo tồn các di tích Phật giáo cổ tại Pakistan và Ấn Độ. Nhóm người Nhật này lo ngại về việc di sản văn hóa bị mất đi do sự bỏ mặc và thiếu kinh phí. Nhóm có kế hoạch dùng công nghệ hiện đại trong việc hợp tác với Đại học Hazara của Pakistan để đánh giá nhu cầu bảo tồn của các di tích bị bỏ mặc.

(Buddhist Door – February 12, 2015)



Một công nhân đang tái tạo đầu của một tượng Phật tại Bảo tháp Jualan, Pakistan—Photo: Dawn.com



Tranh trên đá tại miền bắc Pakistan bị hỏng nặng
Photo: The Japan Times

HOA KỲ: Phim tài liệu về giáo viên Phật giáo tiên phong Ruth Denison

Những nhà làm phim tài liệu về Ruth Denison, một trong những phụ nữ đầu tiên giảng dạy về Phật giáo tại Tây phương, đang kêu gọi sự giúp đỡ để đưa bộ phim của họ đến rạp.

Nhà làm phim Aleksandra Kumorek đã đầu tư tiền của cô vào dự án và đã nhận được sự tài trợ của Viện Phim Đức Nordmedia. Bây giờ, để bộ phim về giáo viên Phật giáo lão thành Ruth Denison này ra rạp vào mùa xuân năm 2016, Aleksandra cần sự giúp đỡ qua quyên góp cho việc chỉnh sửa cuối cùng và sản xuất phim.

Ở tuổi 92, bà Ruth Denison đã dạy thiền Minh Sát Tuệ trong hơn 40 năm.

Sau khi lớn lên trong nỗi

kinh hoàng của các trại lao động của phát xít Đức và Liên Xô, bà đã đến Hoa Kỳ vào năm 1957. Vào năm 1971 bà được vị đại sư Phật giáo Nguyên Thủy người Miền Điện là U Ba Khin trao quyền giảng dạy. Bà đã giúp thành lập các trung tâm Thiền định Nam California, và trung tâm Dhamma Dena của bà hiện tọa lạc tại Sa mạc Mojave.

Bà Ruth là giáo viên Phật giáo đầu tiên hướng dẫn một khóa tu toàn nữ. Bà là một người sáng tạo trong việc dùng động tác và khiêu vũ để đào tạo học viên của mình trong chánh niệm.

(tipitaka.net – February 15, 2015)



Giáo viên Phật giáo lão thành Ruth Denison—Photo: Lion's Roar

ẤN ĐỘ: 7 kẻ lừa đảo bị bắt trong vụ bán pho tượng Phật

Ngày 14-2-2015, cảnh sát tại Punjagutta, Hyderabad đã bắt một băng nhóm gồm 7 người đang cố bán một tượng Phật với giá 5 triệu Rupee, nói gạt rằng đó là một tượng cổ.

Chánh phạm là Shaik Mohamed Basha, một nhà thầu dân sự quê ở Kurnool, đã tìm thấy một pho tượng nặng 7 kg ở gần sông Tungabhadra cách đây 2 tháng. Y cùng với đồng bọn là K. Leele Kumar và Syed Ghouse Bhasha đã đến thành phố Punjagutta. Theo một thông cáo báo chí, bọn này cùng 4 người khác là Abdul Lateef, P. Murai Krishna Gould, M.Praveen Kumar và Shaik Nazeer đã cố kiếm tiền bằng cách nói lừa rằng đó là một tượng cổ.

(The Hindu – February 15, 2015)



Cảnh sát và pho tượng Phật tịch thu từ băng nhóm lừa đảo
Photo: G. Ramakrishna

MỘT CHUYẾN ĐI THĂM

Điều ngự tử Tín Nghĩa

(Ghi chú: Đáng lý, bài này được đưa vào số Xuân Chánh Pháp vừa rồi, nhưng số bài về Xuân quá nhiều, nên tạm gác lại cho số này)

Vừa ăn cơm xong, chuẩn bị nói chuyện với Hòa thượng Thiện Long, đương kim Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Kinh tế Tài chánh của Giáo Hội và là Viện chủ chùa Phật Tổ, tại Long Beach, California. Đang hỏi chuyện qua lại một vài câu, thì Hòa thượng Nguyên An gọi vào. Tôi liền xin phép gác máy để tiếp chuyện với Hòa thượng Cổ Lâm. Một vài câu chuyện thường tình vừa chùa, vừa Giáo hội và vừa chuyện An cư Kết hạ thường niên.

Sau một hồi trao đổi Phật sự, Tín Nghĩa tôi thốt lên lời khen rằng:

- Đức Ông An ơi! (Chữ Đức Ông An này là do Cố Hòa thượng Thích Đức Niệm và tôi cùng đặt cho Thầy Nguyên An kể từ khi chưa thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Hoa Kỳ)

Đầu kia điện thoại, Hòa thượng Nguyên An cười khi khi... Tiếp chuyện chưa xong thì Hòa thượng Nguyên Trí gọi vào, tôi xin lỗi Hòa thượng Nguyên An để tiếp chuyện với Hòa thượng Nguyên Trí.

Vừa xứng tụng A Di Đà Phật, thì thầy Nguyên Trí hỏi:

- Sao ông cụ khỏe không? Mấy bữa nay có nói chuyện với thầy Cổ Lâm không?

Tôi nói:

- Có. Ra cả hai cùng cười. Cười vừa dứt thì thầy Nguyên Trí đề nghị:

- Hòa thượng Chủ tịch ơi! Mấy anh em mình chọn một ngày về tham Hòa thượng Thiện Long. Để năm cùng tháng tận, công việc bề bộn, mà chuyện vô thường cũng khó biết được. Hòa thượng tính sao?

Tôi thưa:

- Chà, Ông Phó chủ tịch Nội vụ cũng có tâm từ bi quá ha!

- Chứ sao!

Tôi thưa tiếp:

- Mới nói chuyện với Đức Ông An rồi và, thầy cũng hoan hỷ, lại còn đề nghị thêm: Chúng ta thưa với Thượng tọa Nhật trí, xin ở lại một vài hôm; đồng thời, xem công trình của thầy Nhật Trí xây cất tới đâu rồi. Nghe nói là gần xong và có thể là Tết Ất Mùi này sẽ làm lễ tại chánh điện mới.

Nghe tôi trình bày lời của thầy Nguyên An, thầy Nguyên Trí cười to:

- Đúng! Đúng! Tôi cũng đồng ý vậy đó.

Và tôi nói tiếp:

- Thế thì, thầy gọi cho thầy Nguyên An và chọn ngày giờ đi. Thầy gọi thầy Minh Dung, thầy Nhật Huệ và thầy Minh Chí Phật Học Viện nữa nghe.

Thầy Nguyên Trí trả lời:

- Để tôi gọi phone rồi thưa lại Hòa thượng sau.

Phải công nhận, Hòa thượng Nguyên Trí rất tận tình với anh em.

Mới 6 giờ sáng, thầy Nguyên Trí đã gọi phone và cho hay các Thầy đã hoan hỷ và chọn ngày 06 tháng 02 - 2015, tùy duyên chọn máy bay về thẳng chùa Pháp Vũ, phi trường Orlando, Florida. đúng ngày. Hai anh em chúng tôi còn nói làm sao về trước bốn giờ chiều để có thời gian tham quan công trình Đại Phật Sự của Thượng tọa Nhật Trí; đồng thời, nhờ Thượng tọa đưa đón cũng như chở phái đoàn về tận thành phố Jacksonville, gần bệnh viện để thăm hỏi bệnh tình của Hòa thượng Thiện Long.



Hơn mười ngày sau có Ni sư Diệu Tánh, đương kim Tổng thủ quỹ Giáo hội thừa, xin tháp tùng. Ni sư cũng cho hay là có Ni sư Giới Châu, Viện chủ chùa Quang Minh ở Denver cùng đi nữa. Lòng tôi mừng khôn xiết. Tuy thế qua hai ngày sau, thì hai vị Ni sư xin sảm hối là thời gian qua gấp, nên giá vé quá đắt không kham nổi.



Đúng ngày đã hẹn, Tín Nghĩa tôi về Pháp Vũ trước, ăn cơm trưa xong xuôi, đi quanh một vòng nhìn những công trình mà thầy Nhật Trí vừa thực hiện. Một ngôi Chánh điện đồ sộ, rộng rãi khàng trang. Tường lại thì chưa biết được, nhưng hiện tại lớn nhất đối với tất cả những ngôi chùa được xây cất đang hoàng tại Hoa Kỳ. Đã thế, có hội trường rộng thênh thang, thiết kế vừa thẩm mỹ, vừa đa dụng khi cần đến những chương trình vĩ đại. Một bộ âm thanh nổi bốn chiều có thể xử dụng chung cho Chánh điện, cho hội trường tùy theo khi dùng.

Đến chiều, quý thầy Nguyên An, Nguyên Trí, Nhật Huệ, Minh Chí và tôi đã có mặt đầy đủ. Duy chỉ có Thượng tọa Minh Dung đã về thăm trước đó rồi.

Sáng ngày 07.02. 2015, chúng tôi dùng điểm tâm xong là khởi hành.

Trước khi đi về thăm thầy Thiện Long, Đại chúng chùa Pháp Vũ cung thỉnh chư Tôn đức thăm hỏi Phật tử và Tăng chúng bốn tự.

Thượng tọa Nhật Trí tự thân đưa đón. Hẹn đúng 11 giờ rưỡi là gặp nhau nơi tiệm ăn Olive Garden. Vừa bước xuống xe là đã có Hòa thượng Thiện Long đợi sẵn. Tất cả tám vị cùng thầy Thiện Long tay bắt mặt mừng, hỏi chuyện huyền thuyền, đặc biệt là về bệnh tình của Hòa thượng.

Thầy cho biết:

- Vừa rồi cũng có người hiến gan, nhưng bác sĩ bảo không được tốt mấy. Thầy nên đợi thì hay hơn. Hòa thượng cũng đồng ý.

Sau một hồi tâm sự, Hòa thượng mời vào thọ trai.

Trước khi vào bàn thọ trai, phái đoàn đã cùng Hòa thượng Thiện Long chụp một tấm hình lưu niệm.

Hòa thượng thưa:

- Đây là phước báo của con, ngài chủ tịch cùng quý ngài hoan hỷ cho con được cúng dường bữa ăn này.

Thầy Nhật Trí nói:

- Bốn phần con đưa đón, để cho con lo.

Thượng tọa Minh Chí thưa:

- Xin cho con được cúng dường.

Thượng tọa Nhật Trí nói:

- Không được, các ngài cứ yên tâm.

Nói qua nói lại, Thượng tọa Nhật Trí đứng dậy lo liệu và Thượng tọa Minh Chí cũng hùn vào. Quý ngài đồng vỗ tay vui vẻ. Riêng Hòa thượng Thiện Long lại là người vui nhất. Vui đến độ tỏ lời tri tạ mà nước mắt long lanh vì không ngờ quý ngài trong giáo hội thượng mền đến như vậy.

Sau đó, trước khi từ giả, Hòa thượng Thiện Long còn thưa thêm rằng:



TỨ TUYỆT XUÂN

HỒ

*thuyền xuôi sắc biếc xuống hồ xuân
mây nước theo ai quện giữa tầng
lưu luyến đầu cành chim hót sớm
giật mình nghe chạm sóng băng khuâng.*

SÔNG

*mưa xuân nhẹ rải bóng sông trôi
dặm cỏ nghiêng nghiêng hắt nắng vời
xuôi mái lạc thuyền về bến vắng
chạnh lòng lữ khách tiếng xuân rơi.*

NÚI

*sương khói đùn đùn vách dựng cao
cheo leo cỏ thụ bóng mây vào
hơi xuân chùng lạnh ngoài lều cỏ
dáng núi ẩn mình trong mắt sâu.*

BIỂN

*mây triền cát ngược lại xuôi bờ
bóng sóng xô xao bủa bóng dừa
xuân rộn ràng len trứa biển mở
đại dương đông vọng đợt âm thừa.*

thơ

PHÙ DU

- Những Phật sự của Giáo hội như Phật đản, An cư Kết hạ hay Khóa tu học do Giáo hội tổ chức, con sẽ chỉ thị cho hàng đệ tử xuất gia cũng như tại gia chùa Phật Tổ, sẵn sàng hưởng ứng và tận tình đóng góp.

Đúng một giờ, chúng tôi từ giả. Về Chùa Pháp Vũ nghỉ lại thêm một đêm và xin phép phái đoàn được về trước, vì có Phật sự tại Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại. Còn các ngài ở lại thêm một ngày nữa.

Có điều, khi về Pháp Vũ thì không gặp được Phật tử Vĩnh Bình, người em út của nhà văn Vĩnh Hào. Hỏi ra thì được biết anh ta phải về quê chịu tang người anh ruột vừa mới qua đời trước đó mấy ngày. Nhon đây, toàn thể Phái đoàn cũng như Giáo hội thành thật chia buồn cùng nhà văn Vĩnh Hào, Chủ bút Báo Chánh Pháp cùng báo quuyến đã mất mát lớn lao này. Cũng nên biết báo huynh của đạo hữu là nhà thơ Phù Du, là một cây bút thường trực của báo Chánh Pháp.

Nguyễn cầu Thi sĩ Phù Du - Vĩnh Hiền, pháp danh Tâm Lương, sinh năm Nhâm Thìn, hưởng thọ 63 tuổi, tạ thế ngày 13 tháng 11 năm Giáp Ngọ (nhằm ngày 03.01.2015), nhẹ nhàng về với Phật.



TRUY TÌM TỰ NGÃ

Tuệ Sỹ

Chúng ta hãy khởi đầu đọc kinh Kim-cang như một tác phẩm văn học. Giá trị văn học là sự biểu hiện thẩm mỹ của nội dung tư tưởng. Kinh Kim-cang được soạn tập bằng tiếng Phạn tiêu chuẩn, nhưng rất tiếc chúng ta không thông thạo thứ cổ ngữ này, nên cũng chắc chắn là không thể hiểu hết những tư tưởng ẩn ảo của kinh hàm chứa trong các từ ngữ và các câu văn. Như người không biết chữ Hán mà đọc thơ Đường qua một bản dịch thì không thể thưởng thức hết giá trị của bài thơ. Lời thơ là lời của phẩm phu mà còn vậy, huống chi lời kinh là lời của Phật. Tuy nhiên, không hiểu chữ Hán thì đọc thơ Đường qua các bản dịch cũng được. Nhưng cũng nên nói thêm là thế giới xưa nay chưa có Huệ Năng thứ hai.

Kinh điển Nguyên thủy và Đại thừa được kết tập không giống nhau. Kinh điển Nguyên thủy được kết tập theo dạng truyền khẩu; có những nét đẹp của nền văn học truyền khẩu. Kinh điển Đại thừa phần lớn được ký tải bằng văn tự, có những nét đẹp riêng của văn tự.

Văn học Đại thừa xuất hiện vào giai đoạn mà văn học Ấn Độ nói chung phát triển đến một hình thức nhất định, với văn chương thi ca, các thể loại về kịch, truyện, vốn rất ít được phổ biến trong thời Phật. Như kinh Pháp hoa chẳng hạn, mở đầu bằng nhân duyên Phật phóng quang, sau đó ngài Di-lặc hỏi, Văn-thù trả lời. Đó là phần mở đầu giới thiệu, như thường được thấy trong các thể loại kịch cổ. Trong kinh Kim-cang, chúng ta sẽ thấy không giống như kinh điển Đại Thừa khác, mà lại gần với Nguyên thủy ở chỗ Phật ôm bình bát khát thực xong rồi trở về Tinh xá. Sau bữa ăn, các vị tỳ-kheo thường tập hợp tại giảng đường để thảo luận giáo lý. Bấy giờ, trong đại chúng có sự hiện diện của Tu-bồ-đề; và ngài bắt đầu thưa hỏi. Ở đây, không mở đầu bằng sự phóng quang, hay những thần thông biến hóa khác. Nhìn từ ý nghĩa văn học, người ta giải thích rằng, những vấn đề được nêu trong kinh Kim-cang là những sự việc trong đời sống, là những cái ăn, cái uống, nghỉ ngơi, không phải trong thế giới huyền bí kỳ ảo như là của Hoa nghiêm, Pháp hoa.

Còn một nghĩa nữa mà chúng ta thấy có quan hệ đến lịch sử văn học.

Trong các kinh điển Nguyên thủy, các vị tỳ-kheo buổi trưa sau khi thọ thực xong, nếu không tụ tập tại giảng đường, thì thường vất tọa cụ trên vai, đi vào rừng, tìm đến một gốc cây mà ngồi nghỉ trưa. Có khi đức Phật ngồi ở một gốc cây, và các ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, cũng ngồi ở một gốc cây gần đó. Cho đến xế chiều, các tỳ-kheo ngồi gần đó liền đi tới ngài Xá-lợi-phất, tới đức Phật để đánh lễ, hoặc thưa hỏi giáo lý.

Trong kinh Kim-cang cũng thế; các tỳ-kheo tụ tập quanh đức Phật để chờ nghe Phật giảng Pháp. Trong truyền thống Ấn Độ, các buổi giảng hay các lớp học của những người Bà-la-môn thường diễn ra giữa khu rừng, giữa cảnh thiên nhiên. Một lớp các

đạo sĩ sống trong rừng, giảng giải ý nghĩa cũng như nghi thức Vệ-đà; tư tưởng triết học tôn giáo của họ được soạn tập thành bộ Sâm lâm thư. Đó là bộ Thánh điển về sau phát triển thành các Upanishad, tức Áo nghĩa thư. Chúng ta nên hiểu tổng quát về Upanishad hay Áo nghĩa thư vì nó liên hệ tới kinh Kim-cang rất nhiều, là điểm để chúng ta có thể tin là kinh Kim-cang thật sự do Phật nói hay không.

Một số vị nhận định kinh điển Bát-nhã từ hình thức kết cấu văn học đến nội dung tư tưởng, so sánh với các tập Upanishad, rồi kết luận Kim-cang cũng như toàn hệ Bát-nhã chỉ là một bộ phận của Upanishad, hay phỏng theo Upanishad; nghĩa là, không phải Phật thuyết.

Upanishad là giai đoạn phát triển cao của tư duy Ấn Độ, bắt đầu từ Vệ-đà. Có tất cả bốn bộ Vệ-đà, nhưng trong thời Phật chỉ mới xuất hiện có ba, mà kinh Phật gọi là Tam minh. Bà-la-môn tam minh là người thông thạo ba bộ Vệ-đà. "Minh" là từ Hán dịch của Vệ-đà. Thời Phật, chưa xuất hiện Upanishad.

Trên kia, chúng ta đã nói đến Sâm lâm thư. Đây là từ dịch tiếng Phạn Aranyaka. Ở nơi khác, chúng ta có nói các tỳ-kheo a-lan-nhã sống trong rừng thời đức Phật. A-lan-nhã là từ phiên âm của aranyaka.

Luật tạng có kể, một thời, đức Phật nhập thất, không một tỳ-kheo nào được phép đến gần hương thất của Phật, trừ vị thị giả. Bấy giờ có một nhóm ba chục vị là những tỳ-kheo a-lan-nhã đến thăm Phật. Vì Phật đang nhập thất, nên các vị tỳ-kheo tại trú xứ này ngần ngại. Nhưng các tỳ-kheo A-lan-nhã nói, họ được Phật cho phép đến gặp Ngài bất cứ lúc nào. Vì các vị này chỉ sống trong rừng nên ít có cơ hội gặp Phật. Rồi họ vẫn tới gõ cửa hương thất. Thật đáng kinh ngạc, từ trong thất đức Phật liền mở cửa.

Đức Phật truyền dạy những pháp gì cho các tỳ-kheo A-lan-nhã? Không có kinh điển nào tường thuật. Đức Phật đã có biệt thị đối với họ, tất cũng có giáo pháp biệt truyền cho họ. Pháp ấy là pháp gì? Kinh điển Nguyên thủy không đề cập. Ngài Tu-bồ-đề cũng là một tỳ-kheo A-lan-nhã, như được xác định chính trong kinh Kim-cang. Truyền thống Pāli cũng xác nhận điều này.

Các tỳ-kheo a-lan-nhã thường tu tập Không tam muội, như được Phật nói trong kinh Đại không, Trung A-hàm. Sau thời Phật, các Trưởng lão chủ trì cuộc kết tập thứ hai cũng phần lớn tu tập Không tam muội, như được ghi chép trong Luật tạng. Các vị này cũng sống trong rừng. Không tam muội là thiền định y trên hành tướng vô ngã. Không và Vô ngã là giáo nghĩa căn bản trong kinh Kim-cang. Kinh nói: Hết thảy pháp hữu vi đều là như chiêm bao, như huyền thuật, v.v...; đó là nói về giáo nghĩa Tánh không và Vô ngã bằng kinh nghiệm trực giác hay thực chứng. Giáo nghĩa này về sau được các Bà-la-môn học Vệ-đà thay thế bằng học thuyết như

huyền tức mājā và hữu ngã tức ātman. Những điểm tư tưởng này là tinh yếu của các tập Upanishad. Nói một cách đại cương, thế giới này chỉ là huyền hóa, vậy ta là ai, hay ta là cái gì, trong tấn tuồng huyền hóa này?

Như vậy có thể thấy ảnh hưởng của các tỳ-kheo a-lan-nhã đối với các đạo sĩ soạn tập Sâm lâm thư để rồi phát triển thành tư tưởng triết học Upanishad. Thế nhưng, về sau do sự phục hồi địa vị của giai cấp Bà-la-môn, những người Ấn Độ giáo đầu thái rất nhiều giáo nghĩa của Phật trong đó có giáo nghĩa Tánh không diễn thành như huyền, rồi cho rằng tư tưởng Không trong các bộ Bát-nhã là do ảnh hưởng của Upanishad. Cũng có nhiều Phật tử tin điều này nên cho rằng kinh điển Bát-nhã cũng như của cả Đại thừa chịu ảnh hưởng của Bà-la-môn giáo, thay vì ngược lại.

Vậy, Upanishad là phản ứng của các Bà-la-môn, họ vay mượn giáo nghĩa Tánh không tức Vô ngã trong các kinh Bát-nhã. Vì phủ nhận sự tồn tại của tự ngã thường hằng là phủ nhận luôn cả sự tồn tại của Brahman, là Thượng đế Sáng tạo. Ngay cả trong Phật giáo, sau khi Phật nhập niết-bàn, trong nội bộ Phật giáo đã xuất hiện một số bộ phái chấp nhận có tự ngã hay ātman, như Độc tử bộ hay Hóa địa bộ. Những bộ phái này lý luận rằng, nếu không tồn tại một tự ngã, không có một cái tôi thường hằng bất biến, vậy ai hay cái gì luân hồi, lang thang chìm nổi trong biển sinh tử? Cũng nên biết rằng tự ngã hay ātman trong tư tưởng tôn giáo Ấn Độ là cái mà trong các tôn giáo, Đông cũng như Tây, hiểu là linh hồn. Cho nên, có linh hồn mới có đầu thai, mới có việc sinh lên Thiên đường hay đọa địa ngục như là hậu quả của hành vi tội hay phước.

Giáo nghĩa Phật dạy, có tác nghiệp thiện ác, có quả báo lành dữ, nhưng không có người hành động, không có người thọ quả. Đây là điều rất khó hiểu. Chúng ta nên đi từ cái dễ, rồi đến cái khó. Cái dễ hiểu là tất cả đều có một cái tôi: tôi đi, tôi đứng, tôi ăn, tôi ngủ, v.v... Nhưng khi người ta ngủ, mà ngủ như không chiêm bao, thì hình như cái tôi này biến mất. Hoặc như người bị tai nạn mà mất trí nhớ, không còn nhớ ra mình là ai. Nếu được chữa trị, trí nhớ phục hồi, bấy giờ vẫn là cái tôi như khi trước. Rồi khi người ta chết, cái tôi ấy còn hay không? Thừa nhận còn, tức là thừa nhận có linh hồn tồn tại bất biến, khi thức cũng như khi ngủ, lúc còn sống cũng như sau khi chết.

Đây là kinh nghiệm thường nhật về một cái



tôi. Kinh nghiệm ấy là sự tích lũy trong một đời người những hoài niệm, những đau khổ, hạnh phúc, những danh vọng, khốn cùng. Từ những kinh nghiệm tích lũy ấy mà hình thành ý tưởng về một cái tôi thường hằng. Trong trình độ thấp nhất, cái tôi ấy được đồng hóa với thân xác và những sở hữu cho thân xác. Vị

Đại hoàng đế có cả một đế quốc: ta và đế quốc của ta. Nhưng một khi thân xác này tan rã, mà chắc chắn là như vậy, thì ta là ai, mà đế quốc này là gì? Những hoàng đế ấy, như Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế, Thành Cát Tư Hãn, tin vào một cái ta và thân xác ta có thể tồn tại lâu dài, vì không muốn cái danh vọng, quyền lực đang có mất đi; họ đi tìm đạo sỹ, cầu thuốc trường sinh. Những người đi tìm trường sinh ấy, bây giờ ở đâu?

Lại còn những người khác, giàu sang có cả một cơ đồ, nhưng khi thị trường chứng khoán sụp đổ, nháy mắt tự tử. Ta và tài sản của ta; cái này mất thì cái kia cũng không còn lý do tồn tại. Thật sự thì ở đây ta là ai, trong cái cơ đồ phú quý ấy?

Với một hạng người khác, ta là danh, đã sinh ra trong trời đất, thì phải có danh gì với núi sông. Một mai vật đổi sao dời, để bảo tồn danh tiết, họ đâm cổ tự sát. Vậy, ta là gì trong cái danh này? Với những tín đồ tôn giáo tin vào một linh hồn bất tử, một cái ta tồn tại trên thiên đường, hưởng những lạc thú mà Thượng đế ban cho vì đã biết phục tùng Thiên ý. Vì thế họ sẵn sàng giết đồng loại để chinh phục nước Chúa dưới trần gian.

Ta là ai, ta là cái gì, để vì phục vụ nó, bảo tồn nó, mà tự gây khổ cho mình, và cũng gây khổ cho người? Có chăng một cái ta thường hằng, siêu việt thân xác này, và tâm trí này, để cho mọi hành vi trong một đời người, dù thiện hay ác, ngu hay trí, chỉ nhằm mục đích là phục vụ nó, vì ích lợi của nó, vì hạnh phúc của nó, vì danh dự của nó, vì quyền lực của nó?

Trước khi muốn hỏi ta là ai, trước hết nên hỏi, từ đâu có ý tưởng về cái ta ấy?

Có một người mới mua về một con chó, đặt tên cho nó Lucky. Ban đầu, gọi Lucky, nó đứng, nó nằm, nó đi, nó chạy, nghe hai tiếng Lucky, nó mừng rỡ, ngoắt đuôi. Nó đã hiểu Lucky là cái gì, và như vậy nó cũng hiểu nó là cái gì. Nó hình thành một cái vô tự ngã mới qua một cái tên gọi mới. Trước khi có một tên gọi, nó vẫn tồn tại, và tự bảo vệ sự tồn tại ấy. Nó tìm thức ăn, tìm chỗ ngủ, và cần bất cứ ai đến gần như muốn đe dọa, uy hiếp nó. Khi được đặt tên, toàn thể sự tồn tại ấy bấy giờ tồn tại dưới một cái tên gọi Lucky. Dù vậy, nếu có ai xúc phạm đến cái tên Lucky, nó không có phản ứng gì. Nhưng với một con người, khi cái tên gọi, một cái danh gì đó, mà bị xúc phạm, thì hãy coi chừng. Tất nhiên, con người cho đến một tuổi nào đó mới biết nó tên gì, cũng như con Lucky vậy. Rõ ràng, cái danh mang nội hàm tự ngã ấy chỉ là hư danh, nhưng con người cũng như vậy đau khổ hay hạnh phúc bởi chính cái hư danh đó.

Một ông thầy giáo có cái ngã là thầy giáo. Ai xúc phạm đến danh từ thầy giáo, chức nghiệp nhà giáo, người ấy phải bị khiển trách.

Nó là ông vua, nhưng ban đêm lên ra ngoài thành chơi. Dân nào không biết mà đối xử vô lễ như với dân thường, hãy coi chừng.

Tự ngã chỉ là một cái danh, và đó là giả danh do nghề nghiệp, hay do chỗ ngồi, chỗ đứng giữa mọi người mà đạt thành. Cái giả danh chỉ mới hình thành trong một đời người thôi, mà đã khó quên, khó trừ như vậy; nếu là cái ngã được tích lũy trong nhiều đời, tất không dễ gì trừ bỏ. Cái ngã của ông xã trưởng chỉ to bằng cái xã của ông. Cái ngã của một quốc vương to bằng cái vương quốc của ông. Cái ngã của một nhà thông kim bác cổ thì dài bằng thời gian kim cổ, rộng bằng không gian đông tây. Cái ngã của một chúng sinh luân hồi trong tam giới, tất cũng lớn bằng cả tam giới. Cái ngã ấy

không phải dễ nhận ra. Không nhận ra nó, để thấy nó là thật hay giả, thì cũng không thể tận cùng biên giới đau khổ.

Trong kinh Phật có một câu chuyện: Một thiên thần kia, hiện đến Phật, nói rằng trong quá khứ, ông là một tiên nhân, cô tên là Ngựa Đỏ, có phép thần thông quảng đại. Ông muốn thấy được biên tế vũ trụ, để thấy được biên tế khổ, và chấm dứt khổ. Thế là ông bắt đầu đi tìm biên tế của vũ trụ. Tuổi thơ của ông bảy giờ dài đến một đại kiếp, đại kiếp là tỷ tỷ năm, nhưng không bao giờ thấy được cái biên tế của vũ trụ. Rồi ông hỏi Phật: "Có cần đi suốt cái biên tế vũ trụ này mới chấm dứt khổ không?" Phật xác nhận rằng, "Nếu không thấy được cái biên tế của vũ trụ thì không chấm dứt được khổ". Song Phật lại nói thêm: "Nhưng không cần. Chỉ trên cái thân cao một tầm này, với năm uẩn này, ta có thể biết được thể gian sinh, thể gian diệt".

Điều đó có nghĩa rằng, thân thể này, với xúc cảm này, với tư duy này, với nhận thức này, là tập hợp tích lũy cả một khối kinh nghiệm lớn bằng biên tế vũ trụ. Cái khối ấy đông kết thành cái vỏ cứng dày. Nó chỉ có thể bị đập vỡ bằng chày Kim-cang mà thôi. Nói tóm lại, giáo nghĩa trong kinh Kim-cang bắt đầu bằng đối trị tự ngã: vô ngã tướng, vô nhân tướng... Trong các tôn giáo, trong mỗi hệ thống tư tưởng triết học, đều có riêng một quan niệm về tự ngã. Trong nhiều tôn giáo, tự ngã là linh hồn do Thượng đế ban cho. Giữ cho linh hồn đừng bị mất, để sau này được hưởng ân phước của Thượng đế, đó là mục đích đời người.

Trong Nho giáo, người quân tử phải biết lập thân và lập danh. Lập thân cho hiện tại, lập danh cho hậu thế. Đó là xác lập tự ngã trong xã hội.

Lão Tử nói: Ta có đại hoạn vì ta có thân. Nếu ta không có thân, nào đâu có đại hoạn? Đó là hãy sống trọn tuổi trời chớ đuổi theo hư danh, hãy để cho thân và danh cùng mục nát với cỏ cây.

Các đạo sĩ Upanishad đi tìm cái tự ngã chân thật là gì. Vượt ra ngoài cái tôi trong đời sống thường nhật, và cái tôi lang thang trong luân hồi để chịu đau khổ, có hay không có một cái tôi thường hằng, chân thật? Cái tôi như giọt nước biển bị cô lập trong một cái vỏ cứng nhỏ mọn, vô nghĩa, trôi nổi bồng bềnh trong đại dương; để rồi khi cái vỏ cứng ấy đập vỡ, giọt nước ấy sẽ hòa tan vào nước biển trong đại dương. Khi ấy, Tiểu ngã hòa tan vào Đại ngã.

Trong Phật giáo, Tiểu ngã hay Đại ngã, chỉ là những khái niệm giả danh. Nhưng cái giả danh được đông kết bởi tích lũy vô số vọng tưởng điên đảo. Cái ngã được hình thành trong đời này, do ảnh hưởng truyền thống, tôn giáo, tư tưởng, xã hội, để từ đó hình thành một nhân cách, một linh hồn, và rồi chắp chặt vào đó để mà tồn tại. Cái đó được gọi là phân biệt ngã chấp.

Cái ngã do tích lũy từ điên đảo vọng tưởng nhiều đời, hình thành bản năng khát vọng sinh tồn nơi cả những sinh vật li ti nhất; đó là câu sinh ngã chấp.

Vì vậy, không cần đi tìm ở đâu Tiểu ngã và Đại ngã, mà cần diệt trừ khái niệm giả danh bởi vọng tưởng điên đảo.

T.S.

[Nguồn: huongtichbooks]

thơ BÙI GIÁNG



CHÀO NGUYỄN XUÂN

*Xin chào nhau giữa con đường
Mùa xuân phía trước miên trường phía sau
Tóc xanh dù có phai màu
Thì cây xanh vẫn cùng nhau hẹn rằng*

*Xin chào nhau giữa lúc này
Có ngàn năm đứng ngó cây cối và
Có trời mây xuống lân la
Bên bờ nước có bóng ta bên người*

*Xin chào nhau giữa bàn tay
Có năm ngón nhỏ phơ bày ngón con
Thưa rằng: những ngón thon thon
Chào nhau một bận sẽ còn nhớ nhau*

*Xin chào nhau giữa làn môi
Có hồng tàn lệ khóc đời chứa cam
Thưa rằng: bạc mệnh xin kham
Giờ vui bất tuyệt xin làm cỏ cây*

*Xin chào nhau giữa bụi đầy
Nhìn xa có bóng ánh mây nghiêng đầu
Hỏi rằng: người ở quê đâu
Thưa rằng: tôi ở rất lâu quê nhà*

*Hỏi rằng: từ bước chân ra
Vì sao thấy gió dần xa đậm dài
Thưa rằng: nói nữa là sai
Mùa xuân đang đợi bước ai đi vào*

*Hỏi rằng: đất trich chiêm bao
Sá gì ngẫu nhĩ mà chào đón nhau
Thưa rằng: ly biệt mai sau
Là trùng ngộ giữa hương màu Nguyễn Xuân.*

(Trích từ thi phẩm "Mưa nguồn" của thi sĩ Bùi Giáng
- xuất bản năm 1962)

DUY THỨC VÀ TỊNH ĐỘ

Nguyên tác: **THƯỜNG SÁM**

Thích Đức Trí chuyển ngữ (từ Hán ngữ hiện đại sang Việt ngữ)

Chúng ta nghiên cứu xuyên suốt tư tưởng Phật học nhận thức được rằng, có hai pháp môn cần phải tham cứu trước. Một là “Luật Tông” là căn bản nhất của tất cả các pháp môn. Các tông phái Phật học rất nhiều do giới luật mà tồn tại. Khi Đức Phật sắp nhập diệt, đã từng phó chúc cho A Nan rằng: “Sau khi Thế Tôn nhập diệt, các thầy hãy lấy giới luật làm thầy, nương vào giới luật mà tu hành để được giải thoát giác ngộ.” Đây là vấn đề Phật học thường đề cập, đó là điều chắc thật không cần biện giải nhiều lời. Hai là “Duy Thức”, thông đạt tất cả nguyên lý các pháp. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Tâm như người thợ vẽ, họa tất cả pháp trong thế gian.” Nếu không thông đạt nghĩa lý vạn pháp Duy Thức thì không nhận thức thấu đạt nguyên nhân diễn biến rộng lớn bao la của vạn pháp. Pháp môn “Tịnh độ” là chỗ quy của các pháp. Đức Phật một đời thuyết giáo, từ Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, liên hệ trong năm thời thuyết giáo, trừ thời A Hàm thuyết giảng chuyên về căn cơ hàng Nhị thừa ban đầu, bốn thời kia là chủ trương hồi quy Tịnh độ. Long Thọ, Mã Minh, Thế Thân, các bậc Bồ tát cho đến các tổ sư Tịnh độ như: Huệ Viễn, Thiện Đạo, Liên Trì đều tuyên dương giáo nghĩa thù thắng của Pháp môn Tịnh độ. Như thế giáo lý Tịnh độ có gì là thù thắng mà ngàn kinh vạn luận và các bậc thánh hiền xưa nay nỗ lực hoằng truyền? Ở đây cần phải lược thuyết ý nghĩa giáo lý Duy Thức mà tham cứu sâu hơn quan hệ Duy thức và Tịnh độ.

1. Học thuyết tự tánh Di Đà Duy Tâm Tịnh Độ

Thường nghe “Ngoài tâm không có pháp, Ngoài pháp không có tâm,” trong Kinh A Di Đà có dạy: “Từ đây qua đến mười vạn ức Phật độ về hướng tây, có một thế giới gọi là Cực lạc, cõi nước đó có Phật hiệu A Di Đà hiện nay đang thuyết Pháp.” Chúng ta tụng đến đoạn kinh này, không sao tránh khỏi điểm nghi ngờ như thế này: Vậy thì chẳng phải ngoài tâm có pháp hay sao? Nên biết mười pháp giới không ngoài tâm này, đều là: “Duy tâm sở hiện” và “Duy thức sở biến” (Do tâm mà hiện hữu và do tâm thức biến hiện), Cực Lạc vẫn là Cực lạc trong tâm, Tịnh độ vẫn là Tịnh độ trong tâm, ngay tâm niệm hiện tiền của chúng ta thật không ngoài tâm.

Cái gọi là “Duy Thức,” thế gian vạn sự vạn vật, chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức đều là do

thức mà tồn tại. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm, đó là ý nghĩa then chốt. Muốn hiểu rõ lý này thì tự mình tham cứu kinh luận, ở đây y cứ vào giáo lý Duy thức để lược giải vấn đề. Khi thức phát sanh tác dụng thì có hai yếu tố: Một là năng liễu biệt căn và sở liễu biệt cảnh. Căn có sáu căn, trần có sáu trần, căn trần giao đối phát sanh sáu thức, như vậy hợp thành 18 giới. Mỗi giới có chủng tử của chính nó, có thể thâm nhiếp tất cả pháp, chủng tử của tất cả pháp đều hàm chứa trong thức thứ tám, thức thứ tám biến hiện thân căn, khí giới và chủng tử. Do đây mà có thể nhận thức được sơn hà đại địa, nhân ngã sai biệt chính là “Tự biến tự duyên” (Từ tâm biến hiện và làm duyên cho nhau mà phát hiện), đó gọi là: “Duy thức sở hiện” (Do thức mà hiện hữu) mà thôi.

Trong Kinh A Di Đà có nói: “Thiên nhạc” (Nhạc trời), “Huỳnh kim vi địa” (Đất bằng Vàng), “Vũ thiên mạn đà la hoa” (Trời mưa rơi hoa mạn đà la) và “Phạn thực kinh hành” (Ăn cơm và đi kinh hành), đây chính là cảnh thù thắng của sáu trần làm yếu tố thọ dụng của sáu căn của chúng sanh, cho nên có cảnh trang nghiêm của chánh báo và y báo trong cõi Cực lạc, là do nhân thanh tịnh mà đắc được quả thanh tịnh. Nếu từ nhân ô nhiễm duyên trong ba cõi, gọi là chiêu cảm quả báo xấu. Ở đây chính là pháp âm tuyên dương trong kinh A Di Đà, đồng nhất toàn bộ pháp giới quy hướng “Vạn pháp duy thức” vậy.

2. Tịnh độ và tịnh nghiệp

Như tiết trước đã luận bàn, chủng tử của mười tám giới đều hợp chứa trong thức thứ tám, “Chủng tử” là ấn tượng lưu lại trong tâm đến khi phát sanh tác dụng của thức, xuất hiện và phát hành, gọi là “Hiện hành.” Các chủng tử và hiện hữu có công năng hỗ tương huân tập. Huân tập tại trong duy thức, chiếm địa vị quan trọng. Cái gọi là “Nghiệp lực”, tức là do khả năng huân tập mà thành. Luân hồi lang thang trong ba cõi sáu đường đều do chủng tử tạp nhiễm huân tập dẫn dắt vào đó. Phạm có tâm thì có niệm, mỗi niệm khởi lên đều thành một chủng tử, tất cả các niệm không ngoài mười giới, cho đến mười pháp giới không ngoài tâm niệm. Mười pháp giới rõ ràng là do tâm niệm tạo thành. Ở đây thì rõ tất cả các pháp môn lấy minh tâm làm cương yếu, tất cả các pháp môn tu hành lấy tịnh tâm làm chủ yếu.

Nhưng vấn đề cốt yếu khiến được tâm thanh tịnh không gì tiện lợi hơn pháp niệm Phật. Tâm năng chuyển nghiệp và tâm cũng có khả năng tạo nghiệp, tâm cùng đạo hợp, Phật hợp, tức năng chuyển nghiệp. Siêu xuất tam giới, đối nghiệp vắng sanh là đặc điểm thù thắng nhất của pháp môn Tịnh độ. Tất cả các pháp môn khác đều vượt ra ba cõi đều nương vào tự lực, chỉ có duy nhất pháp môn niệm Phật, nương nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà mà vượt thoát ba cõi. (Vật tuy nhỏ nhẹ rời thuyền bị chìm, đá lớn tuy nặng nhờ thuyền được nổi và qua sông, ẩn dụ rằng: Nghiệp mê hoặc tuy nhẹ mà không nhờ Phật độ thì khó thoát luân hồi, Nghiệp mê hoặc tuy nặng nhưng được Phật tiếp độ vắng sanh dễ thoát khỏi luân hồi). Tịnh độ tức nương nhờ chiếc thuyền nguyện lực lớn của Phật A Di Đà mà vượt qua bờ kia. Vì cớ sao mà tán thán Tịnh độ của Phật Di Đà? Phật thuyết trong Kinh Quán Đảnh nói cảnh giới đó rất phước lạc, lòng từ bi của Phật muốn chúng sanh đưa tâm ý về một cõi để khỏi phân tán, khiến tất cả đều sớm thành tựu. Thế Tôn dạy trong các kinh cũng thuyết đến các cõi tịnh độ khác, nhưng duy nhất Tịnh độ của Phật Di Đà được giới thiệu tường tận nhất, quán tâm sâu sắc thì tự nhận biết.

3. Toàn vọng là chân và Toàn chân là vọng

Toàn vọng là chân là vũ trụ vạn hữu đều biến hiện của Duy thức. Biến có năng và sở, tổng cộng phân thành bốn, tức là tướng phần, kiến phần, tự chứng phần và chứng tự chứng phần. Kiến phần sanh vọng kiến, tướng phần thuộc vọng tướng đều nương vào tự thể tự chứng phần mà sanh khởi, tự chứng phần là thể vọng (ví như sóng) nương vào chứng tự chứng phần sanh khởi (ví như nước), năng và sở đều hợp nhất, tâm và Phật đồng nhất thể, toàn vọng tức là chân vậy. Ở đây phá trừ tướng hư vọng quy về nhất tâm, đó là cốt yếu của sự dung hợp tánh tướng.

"Toàn sự là lý", ví như lấy vàng làm các vật thì các vật ấy đều bằng vàng, vàng và vật không thể phân, tánh tướng vốn là dung hợp. Sự y vào lý mà thành, sự không ngại lý, các vật đều là vàng thật, đây là toàn sự là lý vậy. Đồng lý ấy, tâm năng niệm sanh vạn vật.

Thế nào gọi là "Sự trì"? Đó là chấp trì danh hiệu Phật, thâm tín phương tây thật có Tịnh độ cực lạc không ngoài tâm tánh. Tâm và Phật vốn chẳng phải là hai, tâm này là Phật, Phật (Bản thể) vốn trong sự (Hiện tượng), tâm này là Phật. Phật là (Lý cụ) bản thể. Lý cụ (Bản thể) và Sự tạo (Hiện tượng) đều không ngoài một niệm tâm tánh của chúng ta. Nếu chưa chứng đắc cảnh giới này thì không thể thấu đạt Phật bên ngoài là tại tâm chính mình, tự tâm chính là Phật. Nhưng từ tin sâu lời Phật, khởi năng lực Nguyên và Hành, lấy tâm (năng niệm) buộc vào đối tượng Phật (sở niệm), niệm niệm không gián đoạn, trì niệm đến công hạnh thuần thực, như nước trở về sông rạch, trái dưa chín rụng về gốc, niệm Phật đạt



tận cùng của kết quả ví như thế, gọi là sự nhất tâm bất loạn.

Thế nào "Lý trì"? Lý tánh của tông Tịnh độ, lý không ngại sự, hết thảy sự trì mà đạt lý, gọi là lý trì. Liều đạt Phật A Di Đà là đầy đủ trong tâm ta, tâm chúng ta tạo, tâm cảnh không đối nghịch, tâm cảnh hợp nhất thâm thiết, nhất như, năng sở đều không còn, toàn bộ chỉ là cảnh giới rốt ráo thanh tịnh. Lý trì là thống nhiếp lý niệm Phật, còn gọi là xứng tánh niệm Phật. Chủ thể là tâm niệm huyền diệu không mê mờ, niệm đối tượng Phật rõ biết hoàn toàn, niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm, không thành hai niệm, chỉ tại nhất tâm. Như vậy thì ngộ "Toàn Phật là tâm, toàn tâm là Phật. Tâm và Phật nhất như, vốn không hai tướng". Cảnh giới này gọi là lý nhất tâm bất loạn. Phần sự trì và lý trì như trên đã luận giải xong.

4. Quả dị thực và thắng duyên tiên thực (Điều kiện thành kết quả trước)

Dị thực thức quả, là tướng kết quả của A lại da thức. Dị thực phân làm ba: Dị thời nhi thực, biến dị nhi thực và dị loại nhi thực. Dị thực, là sự tạo tác của chúng sanh, thiện ác là nhân sẽ chiêu cảm quả báo trong ba cõi sáu đường. Duyên khởi mười pháp giới, chính là được kiến lập trên điều kiện nhân quả này. Mười pháp giới này đều do chúng sanh khởi tâm động niệm, tạo nhân nào thì chiêu cảm quả báo ấy. Nghĩa ấy được diễn đạt: "Nên quán đặc tánh của pháp giới, tất cả đều do tâm tạo". Tâm làm chủ, ngoại cảnh làm duyên, nhân duyên hòa hợp, tạo các nghiệp ác. Mà nghiệp có thể phân thành hai phạm phi, một là định nghiệp, hai là bất định nghiệp; do tâm tạo nghiệp mà có, cho nên tất cả cảnh giới hiện tiền đều do nghiệp mà chiêu cảm thành. Nhưng hai loại, định nghiệp và bất định nghiệp chẳng phải là tuyệt đối, chẳng phải là không thể chuyển biến. Trong đó có hai trường hợp: "Định nhi bất định" (Nói cố định mà cũng không cố định), "Bất định nhi định" (Nói không cố định mà cố định). Then chốt của ý nghĩa "Định" và "Bất định" tạ trong "Tâm và Phật hợp nhất", hoặc là không hợp?. Nếu chúng ta phát

tâm niệm Phật, cầu sanh cực lạc, chuyên trì danh hiệu Phật, niệm niệm tương tục, tâm và Phật hòa hợp một thể, tận cùng sự hợp nhất ấy thì tâm có thể chuyển nghiệp. Ở đây, lấy việc niệm Phật đạt được sự thù thắng của sự chuyển nghiệp. Như vậy pháp môn niệm Phật có dễ dàng không? Bình thường cần tu niệm thành phiến (tâm an định) khắc phục sự mê hoặc, chỉ là sự bắt đầu chuyển nghiệp. Nếu tâm còn tán loạn phiêu bồng, ngày tháng an nhàn, công phu chưa thành thực, lại còn mê hoặc xem thường ý nghĩa “Vãng sanh” thì thật đáng tiếc.

Y cứ vào lý của dị thực quả mà nói: “Duyên thắng giả tiên thực”. Giống như người chỉ trong vòng một tháng mà muốn ngắm hoa mẫu đơn, nhưng mà cây mẫu đơn ba tháng mới bắt đầu nở hoa. Nếu như đưa cây hoa vào trong phòng ấm và chăm sóc chu đáo, nhờ hơi ấm đầy đủ nên cây mẫu đơn có thể trong một tháng nở hoa. Trường hợp này trong dị thực quả gọi đó là “Duyên thắng giả tiên thực”. Nay nói vãng sanh tịnh độ cũng lại như thế; nếu như tùy thuộc mệnh vận, trôi theo giòng sanh tử, luân hồi trong ba cõi sáu đường sẽ không biết bao giờ mới chấm dứt. Tâm này là bị nghiệp trói buộc mới gọi là “Định nghiệp”, mượn năng lực trong một niệm chuyển nhiễm thành tịnh, niệm niệm chuyển nhiễm thành tịnh, có thể tạm nén phiền não hiện tại, nhờ vào năng lực nguyện lớn của Phật A Di Đà vãng sanh Cực lạc.

Tâm này chuyển nghiệp, gọi là “Định mà không định” vậy. Chúng ta niệm Phật, không luận là định tâm niệm hay tán tâm niệm, nếu đạt lý trí và sự trì, tức là hóa uế độ của cõi Ta bà thành cảnh hoa sen tại Cực lạc. Thực ra không đợi lúc lâm chung mới cầu sanh Cực lạc, điều quan trọng nhất là nhất niệm trong giờ phút lâm chung. Lúc lâm chung, niệm lực rất mạnh, một khi quả báo chín muồi, nghiệp lực dẫn dắt thì phải chịu tái sanh luân hồi. Giống như, so sánh kết quả nghiệp sau cùng đến tranh giành, chính lúc lâm chung mới trải nghiệm được. nếu thắng thì thắng, nếu thua thì phải thua, muôn quân ngàn ngày chỉ tranh thắng bại trong một thời. Đến lúc sắp từ trần, muôn ngàn nghiệp thiện ác xuất hiện cùng một lúc, ngay đời này đã gieo trồng nghiệp thiện ác, nhiễm tịnh ảnh hưởng trọng yếu trong giờ lâm chung. Nếu trì danh hiệu Phật liên tục thì “Tâm không điên đảo”, không bị cảnh thiện ác dẫn dắt, thì chỉ trong thời khắc gầy móng tay, vãng sanh cảnh Tịnh độ. Đó chính là thời khắc “Duyên thắng giả tiên thực” vậy. Sự kiện lâm chung liên quan sự an nguy muôn kiếp, vậy sao không biết sợ hãi mà sớm cảnh tỉnh hay sao? Chúng ta thường ngày trì danh niệm Phật thuần thực, lâm chung mới có thể tránh đi sự hối hận đau đớn như cảnh con cua rơi vào nước sôi. Nếu như được may mắn đạt “Nhất tâm bất loạn” đến giờ phút lâm chung chính là sự thành tựu lý tưởng nhất!



ÁO HOA HẪY RŨ BỤI VÀNG

Đi thôi em,
 Giọt sương mai
 Ánh dương ló rạng, hình hài sương tan
 Đi thôi,
 Gió núi mây ngàn,
 Tụ duyên, mây sẽ ngập tràn mưa sa
 Đi thôi,
 Vạt nắng hiên nhà
 Hong chưa khô áo lụa đà, đêm sang
 Ngờ ngang chi,
 Nụ hoàng lan,
 Nhụy chưa tỏa ngát, cánh toan rụng rời!
 Nụ cười thiếu nữ trên môi
 Nét son nhạt với xuân đời qua nhanh
 Ngẩn ngui lắm,
 Kiếp chúng sanh
 Thả trôi ngày tháng loanh quanh muện màng
 Áo hoa, hãy rũ bụi vàng
 Bè lau đã kết, non ngàn dặm trông
 Đi thôi,
 Đạo lộ xuôi dòng
 Ba La Bát Nhã,
 Chẳng trong, chẳng ngoài.
 Đi lên chót đỉnh tâm khai
 Gặp trong hương, gió một đài liên hoa
 Trên triền ngũ uân đầu xa
 Là vô lượng kiếp, ngôi nhà Phật xưa.

thơ HUỆ TRÂN

(Tào-Khê tịnh thất,
 buổi sáng quét lá thu rơi)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V (2015)

THÔNG BÁO SỐ I - GHI DANH

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Chư Thiện nam, Tín nữ, Đoàn sinh Gia đình Phật tử

Thừa hành quyết định của Đại Tăng vào ngày 31 tháng 5 năm 2014 tại San Diego về việc tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ V - 2015, Ban Điều Hành đã bắt đầu làm việc trong ba tháng qua để chuẩn bị cho Khóa Tu Học. Đây là con đường hiệp lực của Chư Tăng Ni và Thiện nam Tín nữ để duy trì, phát triển và truyền bá giáo pháp Như-Lai trên vùng đất Bắc Mỹ. Sự hội tụ của một hội chúng lớn trong tu học là nguồn năng lực và phước đức vô biên cho chính chúng ta và cộng đồng Phật giáo ở quê hương này.

Ban Điều Hành xin trân trọng gửi đến chư quý liệt vị một số tin tức quan trọng sau đây:

1. Khóa Tu Học Bắc Mỹ Lần V - 2015 sẽ được tổ chức tại Town and Country Resort Hotel, 500 Hotel Circle North, San Diego, CA 92108 từ Thứ Năm ngày 06 tháng 08 năm 2015 đến Thứ Hai ngày 10 tháng 08 năm 2015.

Bắt đầu nhận ghi danh từ ngày 06 tháng 09 năm 2014 đến ngày 06 tháng 06 năm 2015. Nếu chư vị đã có quyết định tham dự, xin ghi danh sớm để giữ chỗ, vì thời gian Khóa Tu Học rơi vào tháng hè nên số học viên tham dự sẽ tăng lên nhiều, nhưng số phòng thuê ở khách sạn có giới hạn.

2. Như các Khóa Tu Học trước đây, xin các học viên hoan hỷ đóng góp phần chi phí ăn ở khách sạn, trong suốt 4 ngày diễn ra Khóa Tu Học và cúng dường Đại Tăng với số tịnh tài như sau: \$300 cho một người lớn; nếu tham gia tu học cùng gia đình, chi phí cho người lớn thứ nhất là \$300, những người lớn còn lại mỗi người xin đóng \$200; trẻ em đi theo cha mẹ hoặc người giám hộ xin đóng góp \$150 cho mỗi em.

3. Nội dung Khóa Tu Học gồm 50% thời gian để tu tập và 50% cho việc học Giáo pháp trong ấy có các lớp giảng bằng tiếng Anh cho người lớn và trẻ em. Một khóa tu học có chiều sâu và thích hợp cho đại chúng chắc chắn sẽ mang lại nhiều lợi lạc.

4. Ban Điều Hành mời gọi chư Huỳnh Đệ Học Viên đóng góp ý kiến cho Khóa Tu Học hoặc có thắc mắc xin vui lòng liên lạc qua 3 phương cách:

a) Email: ĐĐ. Thích Hạnh Tuệ - tuedang79@gmail.com

b) Telephone: NS. Thích Diệu Tánh - (714) 266-4171

c) Thư gửi qua bưu điện: **11502 Daniel Ave. Garden Grove, CA 92840**

5. Để phổ biến rộng rãi khóa tu học, Ban Điều Hành mời gọi chư Huỳnh Đệ Học Viên nguyện làm người đưa tin, giới thiệu khóa tu đến các huynh đệ khác. Nếu phát tâm làm việc này, xin liên lạc qua email: teamworkbacmy5@gmail.com

6. Ban Điều Hành Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần V - 2015 gồm:

a) a) Cố Vấn: HT. Thái Siêu, HT. Nguyên Siêu, HT. Thông Hải

b) b) Teamwork: HT. Thiện Long, TT. Tâm Hòa, TT. Tâm Tường, TT. Minh Dung, ĐĐ. Hạnh Tuệ, ĐĐ. Thường Tịnh, NS. Giới Châu, NS. Huệ Nghiêm, NS. Diệu Tánh, NS. Chơn Viên, SC. Thiền Tuệ.

c) c) Cố Vấn Pháp Lý: Dr. Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê

7. Chư Huỳnh Đệ Học Viên có thể tìm những tin tức khóa tu qua các websites Phật giáo ở Bắc Mỹ: www.hoavouu.com, www.phapvan.ca, www.hophap.net, www.hongdanh.org, www.facebook.com/khoatuhocphatphapbacmyv

Cầu xin Tam Bảo gia hộ cho Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ V (2015) được thuận duyên, hiệp lực và nhất tâm.

Phật lịch 2558 - California, ngày 05 tháng 09 năm 2014

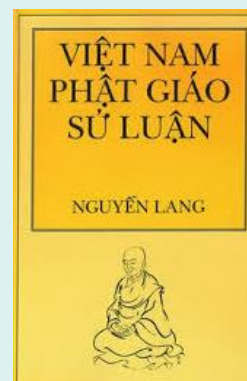
Ban Điều Hành

(Xin điền Phiếu Ghi Danh ở trang 43)

SÁCH THIỀN UYỂN TẬP ANH VÀ CÁC TÀI LIỆU VỀ ĐẠO PHẬT VIỆT NAM ĐỜI ĐƯỜNG (Thế kỷ thứ bảy và thứ tám)

(Chương IV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN)

Nguyễn Lang



SÁCH THIỀN UYỂN TẬP ANH NGŨ LỤC

Sách *Thiền Uyển Tập Anh Ngũ Lục*, là một tập sách nói về các vị thiền sư Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ sáu đến thế kỷ thứ mười ba. Đây là tài liệu lịch sử cổ nhất của đạo Phật Việt Nam mà chúng ta hiện có. Sách này bắt đầu được biên tập vào khoảng trước năm 1134 cho đến đầu thế kỷ thứ mười ba thì hoàn tất. Năm 1134 là năm qua đời của thiền sư Thông Biện, thuộc phái thiền Vô Ngôn Thông, một người có nhiều sở trường về sử học.

Bản in cũ nhất còn là bản in năm 1715. Sách có 62 tờ, mỗi tờ có 12 dòng. Đầu sách có một bài tựa viết năm 1715 trong dịp khắc bản. Bài tựa này không mang tên tác giả, nhưng có mang ngày tháng: “khắc lại vào một ngày tháng Tư niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 11 triều Lê”. Đó là năm 1715. Sau bài tựa có danh sách 14 người đệ tử của thiền sư Như Trí (Như Trí có lẽ là người đứng ra lo việc trùng khắc): mười bốn người này chắc hẳn đã góp công và của vào việc ấn loát. Tiếp theo bài tựa và bản danh sách, là tiểu sử 38 vị thiền sư thuộc phái Vô Ngôn Thông. Tiếp theo nữa là tiểu sử 28 vị thiền sư thuộc phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Và cuối cùng là tiểu sử (đúng hơn là danh sách) của 19 người thuộc thiền phái Thảo Đường.

Ngoài bản in 1715, chúng ta còn có một bản in khác do hòa thượng Phúc Điền thực hiện, mang tên là *Trùng Khắc Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục*, có lời tựa: quyển thượng, thất tập nhân danh, cựu bản Tiêu Sơn Tự (quyển thứ nhất, mất tên tác giả, in theo bản cũ của chùa Tiêu Sơn). Bản cũ của chùa Tiêu Sơn có thể là bản in năm 1715 vừa kể trên. trong bản này của Phúc Điền hòa thượng, ta không thấy đề ngày tháng; nhưng chỉ thấy đề Liên Tông Tự đạo điệp Lâm Tế Phúc Điền hòa thượng đỉnh tứ (chùa Liên Tông, phía Lâm Tế, hòa thượng Phúc Điền với Giới đạo và độ điệp đỉnh tứ). Giới đạo và độ điệp ngày xưa thay cho chứng thư và thông hành của tăng sĩ, do vua ban. ta không thấy có đề ngày tháng của kỳ in này, nhưng ta biết được đó là năm 1859 nhưng có một bài tựa của Phúc Điền hòa thượng viết không thấy ở quyển thượng này mà lại in ở đầu một bản in của “quyển hạ” của *Thiền Uyển Tập Anh Ngũ Lục*[1]. Cả ông Trần Văn Giáp trong sách *Le Bouddhisme En Annam Des Origines Au XIII^e Siècle* và ông Gaspardone trong *Bibliographie Annamite* đã không chú ý nhiều tới bài tựa này trong đó Phúc Điền hòa thượng nói về lai lịch bản in của ông. Theo Phúc Điền hòa thượng, khi ông đọc *Thiền Uyển Tập Anh Ngũ Lục*, ông thấy có nhiều chỗ sai

lầm bất nhất nên ông đã ra công hiệu đính trước khi ấn hành lại[2]. Nhưng thay vì phải in lại cuốn này, ông lại in luôn cả hai cuốn khác cũng nói về Thiền học Việt Nam và đặt tên chung cho cả ba cuốn là *Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục*. Hai tập mà ông đã in chung với *Thiền Uyển Tập Anh* là:

1) *Tam tổ thực lục*, nói về ba vị tổ Trúc Lâm đời Trần

2) *Ngự Chế Thiền Điển Thống Yếu Kế Đăng Lục*, tác giả là Như Sơn thiền sư, chùa Hồng Phúc, ấn hành năm 1734.

Hai cuốn sách này, Phúc Điền hòa thượng cho in thành “quyển hạ” của *Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục*. Nhưng trước khi in, ông đã cho viết thêm tiểu sử của năm vị thiền sư gần ông nhất vào tác phẩm của Như Sơn, đồng thời cũng ghi chép thêm những điều ông nghe về truyền thừa chùa Hoa Yên núi Yên Tử.

Bài tựa này cho chúng ta biết lý do tại sao bản in *Thiền Uyển Tập Anh* của Phúc Điền lại mang một cái tên khác là *Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục*, và tại sao lại có chữ “quyển thượng.” Cuối bài tựa này ta thấy có đề như sau: Năm Tự Đức thứ 12, ngày rằm tháng Giêng năm Kỷ Mùi (1859), Hòa thượng Phúc Điền ở Bồ Sơn với giới đạo và độ điệp soạn.

VỀ TÁC GIẢ THIỀN UYỂN TẬP ANH

Tác giả *Thiền Uyển Tập Anh* là ai? Lê Quý Đôn (*Đại Việt Thông Sử*) cũng như Phan Huy Chú (*Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*) nói là do một tác giả đời Trần. Trần Văn Giáp cũng nói là sách do một tác giả đời Trần, sống vào thượng bán thế kỷ thứ mười ba đồng thời với thiền sư Hiện Quang, vị thiền sư cuối cùng của phái Vô Ngôn Thông “cho đến nay, vào năm Đinh Sửu, niên hiệu Khai Hựu”, ông kết luận là năm Đinh Sửu (1337) là năm soạn thảo sách *Thiền Uyển Tập Anh*.

Xét kỹ nội dung *Thiền Uyển Tập Anh*, ta thấy rằng sách này không phải do một người biên tập mà do nhiều người biên tập. Có nhiều dữ liệu cho ta nghĩ rằng chính thiền sư Thông Biện (mất năm 1134) là người bắt đầu việc ghi chép biên tập. Ông thuộc về thiền phái Vô Ngôn Thông, và những người nối tiếp theo công việc của ông cũng là những thiền sư thuộc cùng một thiền phái.

Trước hết ta nhận thấy *Thiền Uyển Tập Anh*, phái Vô Ngôn Thông được đặt lên đầu sách, dù phái này đã được thành lập sau phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi đến hai trăm bốn mươi năm (thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi

qua Việt Nam năm 580, trong khi thiền sư Vô Ngôn Thông qua Việt Nam năm 820). Theo thứ tự thời gian, đáng lý phải Tỳ Ni Đa Lưu Chi phải được đặt lên đầu sách. Nhưng đây thì không phải như vậy. Điều này chứng tỏ chính các thiền sư Vô Ngôn Thông đã làm công việc biên tập sách *Thiền Uyển Tập Anh*. Ngoài lý do trên ta còn có một lý do khác nữa: tài liệu về phái Vô Ngôn Thông so sánh với tài liệu phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi thì phong phú hơn nhiều. Sự ghi chép về sáu bảy thế hệ đầu của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi rất thiếu sót. Thiền phái Vô Ngôn Thông, so với thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, chịu ảnh hưởng Trung Hoa đậm đà hơn, nên có ý thức nhiều hơn về sự ghi chép truyền thừa [3]. Các thiền sư phái Vô Ngôn Thông đã có liên lạc với thiền sư phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, có vị đã cư trú hẳn trong một ngôi chùa tổ đình của Tỳ Ni Đa Lưu Chi (như các thiền sư Thường Chiếu và Thần Nghi của phái Vô Ngôn Thông đã cư trú trong chùa Lục Tổ, một tổ đình rất xưa của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi) và do đó đã thu thập tài liệu lịch sử của phái này để ghi chép trong sách.

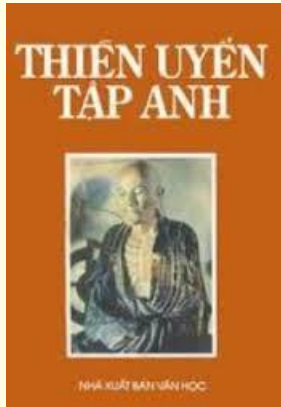
Đọc sự tích thiền sư Thông Biện, ta thấy thiền sư này rất giỏi về sự học và chú tâm nhiều về lịch sử truyền bá Phật giáo ở Việt Nam. Trả lời hoàng hậu Phủ Thánh Cảm Linh Nhân, thiền sư đã nói về lai lịch của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi một cách khá rõ rệt.

Nói về thiền sư Thần Nghi, *Thiền Uyển Tập Anh* có đoạn sau đây khá quan trọng: “Thiền sư Thần Nghi thưa (với thiền sư Thường Chiếu): “Con theo phụng sự hòa thượng đã lâu nhưng chưa rõ những nhân vật nào đã truyền thừa đạo này đầu tiên, xin hòa thượng chỉ bày cho con những thế hệ đã truyền thừa khiến cho học giả biết được nguyên lưu của mình”. Thường Chiếu thấy thái độ khẩn thiết ấy đưa cho Thần Nghi xem một tài liệu của Thông Biện trong đó có ghi chép về các tông phái và sự truyền thừa của các thế hệ. Thần Nghi đọc xong hỏi: “Tại sao hai hệ phái Nguyễn Đại Diên và hệ phái Nguyễn Bát Nhã [4] không được chép vào đây?” Thường Chiếu trả lời: “Thông Biện đã suy nghĩ kỹ rồi mới không chép hai hệ phái ấy”. Năm Kiến Gia thứ sáu ngày mười tám tháng Hai năm Bính tý (1216), thiền sư Thần Nghi lấy tập sách mà Thường Chiếu đã truyền lại cho đệ tử là Ân Không và nói: “Đời tao loạn, nhưng người nên giữ sách này đừng để cho binh lửa hủy hoại, như thế lịch sử truyền thừa của tổ phong ta mới không bị tan mất. Nói xong thì tịch.”

Căn cứ vào đoạn văn trên ta có thể quả quyết rằng chính thiền sư Thông Biện là người bắt đầu biên tập *Thiền Uyển Tập Anh*. Tập tài liệu này truyền đến Thường Chiếu (mất năm 1203) qua sự truyền thừa của Đạo Huệ (mất năm 1172), Minh Trí (mất 1190), Thường Chiếu (mất 1203) đã truyền lại cho Thần Nghi (mất 1216) và Thần Nghi truyền lại cho Ân Không vào năm đó. Chắc hẳn là mỗi vị khi nhận được sách đã ghi chép về những gì mình nghe thấy về đạo Phật trong thời đại mình. Vậy ta có thể kết luận là tác giả *Thiền Uyển Tập Anh* gồm nhiều người trong đó những vị sau đây là quan trọng nhất:

- 1) Thông Biện
- 2) Thường Chiếu
- 3) Thần Nghi
- 4) Ân Không

Ân Không có thể là người ghi chép sự tích các thiền sư thuộc những thế hệ chót của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường. Sau phần



tiểu sử của thiền sư Thần Nghi, ta thấy một câu chú thích về thiền sư Ân Không, in bằng chữ nhỏ, chắc hẳn là đã được thêm vào sau này: “Ân Không xưa ở tại Lương Châu huyện Na Ngạn, lúc bấy giờ được người đời gọi là Na Ngạn đại sư”.

Trong bốn tác giả trên, Thường Chiếu và Thần Nghi đã trú trì tại chùa Lục Tổ, ngôi chùa rất xưa của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi; ta có thể nói hai người này đã đóng góp nhiều vào sự ghi chép sự tích các thiền sư phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Riêng Thường Chiếu đã soạn thảo thêm một cuốn sách đặc biệt về sự truyền thừa của Phật giáo Việt Nam, tên sách là *Nam Thông Tự Thập Đồ*. Tiếc thay tác phẩm này hiện chưa tìm lại được. *Thiền Uyển Tập Anh*,

trong khi nói về thiền sư Định Giác phái Thảo Đường, có nhắc đến tên tác phẩm này.

Thiền Uyển Tập Anh ghi chép tiểu sử các thiền sư từ cuối thế kỷ thứ sáu đến đầu thế kỷ thứ mười ba, nghĩa là trong khoảng trên sáu trăm năm. Nhưng những ghi chép được giới hạn trong các thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường. Các truyền thống Phật giáo khác ngoài các thiền phái ấy không được ghi chép. Tiếp theo, là sự ghi chép về ba thiền phái kể trên cũng rất thiếu sót. Về thiền phái Vô Ngôn Thông, các thế hệ thứ 11, 12, 13, 14 và 15 được ghi chép rất sơ sài. Thế hệ thứ 11 gồm chín vị thiền sư mà chỉ có một vị được ghi chép tiểu sử. Thế hệ thứ 12 gồm bảy vị thiền sư mà cũng chỉ có một vị được ghi chép. Ta không hiểu vì sao các vị Thường Chiếu (thế hệ thứ 12), Thần Nghi (thế hệ thứ 13) và Ân Không (thế hệ thứ 14) có bản thảo sách *Thiền Uyển* trong tay lại không ghi chép về những người thuộc thế hệ của họ. Trái lại tiểu sử những thiền sư thuộc phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi sống cùng thời đại với họ lại được ghi chép trong sách *Thiền Uyển*. Phải chăng đó là các vị Thường Chiếu và Thần Nghi đã dời về chùa Lục Tổ, một tổ đình xưa có trên 400 năm của thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi và do đó họ đã am tường tình trạng phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi hơn là tình trạng bản phái?

MỘT SỐ CÁC VỊ TĂNG SĨ KHÔNG ĐƯỢC THIỀN UYỂN TẬP ANH NHẮC TỚI

Trước khi xem xét về các thiền phái được ghi chép trong *Thiền Uyển Tập Anh*, ta hãy nhắc đến một số các vị tăng sĩ Việt Nam đã không được sách này nói tới. Ta biết tên những vị này là nhờ sách *Đại Đường Cầu Pháp Cao Tăng Truyền của Nghĩa Tịnh*, các sách *Loại Hàm* và *Anh Hoa* mà Lê Quý Đôn đã kiến dẫn trong *Kiến Văn Tiểu Lục*, và sách *An Nam Chí* [Nguyên] của Cao Hùng Trưng. Đại khái, các vị tăng sĩ này sống trong khoảng các thế kỷ thứ bảy và thứ tám, tương đương với thời đại nhà Đường.

Trước hết ta hãy nói đến những vị mà Lê Quý Đôn đã trích dẫn trong các sách *Loại Hàm* và *Anh Hoa*: đó là thiền sư Vô Ngại, pháp sư Duy Giám và một vị khác không biết tên mà thi sĩ Trương Tịch nhà Đường gọi là Nhật Nam Tăng. Hai vị pháp sư Duy Giám và Phụng Đình là những tăng sĩ rất giỏi về kinh luận và đã được vua Đường mời sang giảng kinh trong cung điện. Thi sĩ Dương Cự Nguyên cuối thế kỷ thứ bảy có một bài thơ tiễn pháp sư Phụng Đình về nước như sau:

*Cổ hương Nam Việt ăy
Ngàn dặm mây trắng bay
Cửa trời vắng kinh kệ
Biển rộng hương hoa đầy [5]*



*Bóng có in sóng bạc
Thành quách lung linh xây
Trường An lòng tưởng nhớ
Giao Châu chuông canh chầy...*

(Cổ hương Nam Việt ngoại
Vạn lý bách văn phong
Kính luận từ thiên khứ
Hương hoa nhập hải phùng
Lộ đào thanh phạm triệt
Thận các hóa thành trùng
Tâm đảo Trường An mạch
Giao Châu hậu dạ chung...)

Khi pháp sư Duy Giám giảng kinh xong sắp về nước, thi sĩ Giả Đào cũng làm một bài thơ tiễn ông như sau:

*Giảng kinh nơi cung điện
Vườn ngự hoa xuân bay
Xa quê từ mấy độ
Núi cũ về từ nay
Mưa sa đầm áo bạc
Gió tập ẩn hương phai [6]
Biển vắng như thế đó
Tin tức làm sao hay [7]*

(Giảng kinh xuân điện lý
Hoa nhiều ngự sàng phi
Nam hải kỳ hồi hóa?
Cửu sơn lâm lão quý!
Xúc phong hương tồn ẩn
Lộ vũ khánh sinh y
Không thủy ký như bĩ
Vãng lai tiêu tức hy)

Thi sĩ Thẩm Thuyên Kỳ đầu thế kỷ thứ tám có qua Việt Nam chơi và đến thiền sư Vô Ngại tại chùa Sơn Tĩnh, quận Cửu Chân. Ông tôn xưng Vô Ngại là thượng sĩ, và có làm một bài thơ như sau, khen người làm một hóa thân của Phật, tự xưng là đệ tử của người và tỏ ý tiếc là chưa học Phật thâm sâu để đàm đạo [8].

*Phật xưa sinh Thiên Trúc
Nay hóa thân Nhật Nam
Vòng não phiền ra khỏi
Dưới núi dựng già lam
Khe suối thơm là cảnh
Đá non là cao am
Chim xanh tập thiền định
Vượn trắng nghe giảng đàn
Vách đá giầy mây quần
Mặt đầm hoa leo thang
Theo suối vào bóng mát*

*Giặt áo phơi rừng hương
Đệ tử hận mình dờ
Phật pháp chưa am tường [9]
Qua khe Hồ nhìn lại [10]
Dưới cây sương khói lam.
(Đại sĩ sinh Thiên Trúc
Phân thân hóa Nhật Nam
Nhân trung xuất phiền não
Sơn hạ tức già lam
Tiểu giả hương vị sắt
Nguy phong thạch tác am
Hầu thiền thanh cốc nhú
Khuy giảng bạch viên tham
Đăng ái văn gian bích
Hoa thuê thạch dạ đàm
Tuyền hành u cung bảo
Lâm quái dục y kham
Đệ tử ai vô thức
Y vương tích vị đàm
Siêu nhiên Hồ Khê tịch
Chích thọ hạ hư am)*

Thi sĩ Trương Tịch cũng có làm một bài thơ tặng một vị sư người quận Nhật Nam đang tu ở trong núi, không biết núi nào:

*Ở mãi mấy ngọn núi
Hai cánh cửa thông gài
Viết kinh lên lá chuối
Treo áo rụng hoa mây
Đục đá khơi giếng mới
Xuyên rừng trồng cây đay
Nếu gặp người Nam Hải
Liu lưới hỏi nhà ai?*

(Độc hướng song phong lão
Tùng môn bế lưỡng nha
Phiên kinh thượng tiêu diệp
Quải nạp lạc đăng hoa
Thứu thạch tán khai tinh
Xuyên lâm tự chúng ma
Thời phùng Nam Hải khách
Man ngữ vấn thủy gia?)

Chính nhờ những bài thơ của Trương Tịch, Thẩm Thuyên Kỳ, Giả Đào và Dương Cự Nguyên mà ta biết được sự có mặt của bốn vị cao tăng Việt Nam đời Đường để thuyết kinh và giảng pháp. Cũng may là bốn nhà thơ trên đều là những người nổi tiếng nên các bài thơ kia mới còn được truyền lại.

Ông Lê Quý Đôn đã có lý khi nói: "Các bậc cao tăng nước ta không phải ít; trong khoảng thuộc Tấn thuộc Đường, tất nhiên có nhiều điều đáng ghi chép, nhưng ghi chép thiếu sót" (Kiến Văn Tiểu Lục).



Sách Đại Đường Cầu Pháp Cao Tăng Truyền của Nghĩa Tịnh (682 - 727), người đã đi Ấn Độ và về bằng đường thủy, cũng có chép tiểu sử của sáu vị tăng sĩ Việt Nam đã từng qua du học Ấn Độ vào cuối thế kỷ thứ bảy và đầu thế kỷ thứ tám. Đó là các vị: pháp sư Vận Kỳ, pháp sư Giải Thoát Thiên, pháp sư Khuy Xung, pháp sư Huệ Diệm, pháp sư Trí Hành, thiền sư Đại Thừa Đăng.

Pháp sư Vận Kỳ từng đi vân du với thiền sư Đàm Nhuận người Trung Hoa. Đàm Nhuận cũng đã lưu lại Giao Châu một thời gian: Vận Kỳ giỏi Phạn ngữ và Hán ngữ. Ông thọ giới cụ túc (tỳ khưu) với Jnanaphadra (Trí Hiền) ở đảo Java. Tại đây thiền sư Hội Ninh người Trung Hoa đang dịch với thầy ông là Jnanaphadra cuốn Đại Niết Bàn của hệ phái đại thừa. Kinh này dịch xong, hai người nhờ Vận Kỳ đem về dâng cho vua Đường. Vận Kỳ ghé qua Giao Châu trước khi qua Đường trao kinh, rồi lại trở lại Giao Châu thuyết pháp cho cả hai giới tăng và tục. Sau đó, Vận Kỳ trở lại Java. Ông gặp thầy là Jnanaphadra, nhưng không gặp Hội Ninh, vì ông này đã đi Ấn Độ, Nghĩa Tịnh cho biết rằng chính ông đã gặp Vận Kỳ ở Ấn Độ lúc ông còn khoảng 30 tuổi.

Pháp sư Giải Thoát Thiên đã từng qua Ấn Độ bằng đường thủy, từng tham bái Bồ Đề Đạo Tràng (Đại Giác Tự) và các thánh tích quanh đó. Tên Phạn ngữ của ông là Mộc Xoa Đề Bà (Moksadeva). Ông mất khoảng 25 tuổi.

Pháp sư Khuy Xung, tên Phạn ngữ là Chất Đát La Đề Bà (Citradeva), cùng một vị thiền sư Trung Hoa tên là Minh Viễn đi thuyền qua Tích Lan rồi lên Ấn Độ. Minh Viễn chuyên về Thiền học, đã gặp Khuy Xung ở Giao Châu. Họ đi đến đâu thì thu thập kinh điển thêm đến đó. Họ có đến Bồ Đề Đạo Tràng và thành Vương Xá. Đến khi tới được rừng Trúc Lâm thì Khuy Xung ngã bệnh và mất tại đây.

Pháp sư Huệ Diệm là đệ tử của thiền sư Vô Hành người Trung Hoa. Ông họ Hứa, đã cùng du hành đi Tích Lan và ở luôn tu học tại đây.

Pháp sư Trí Hành người Ai Châu (Thanh hóa), tên Phạn ngữ là Bát Nhã Đề Bà (Prajnadeva). Ông đi Ấn Độ bằng thuyền và chiêm bái đủ các Phật tích. Ông đi lên miền bắc vùng sông Hằng và ở tại đó tu chùa Tín Giả. Ông viên tịch ở đây lúc 50 tuổi.

Thiền sư Đại Thừa Đăng, tên Phạn ngữ là Ma Ha Đa Na Bát Địa Dĩ Ba (Mahayanapradipa). Ông xuất gia ở Dvararati, Ấn Độ; sau đó ông theo sứ thần nhà Đường là Diệm Tự về Trường An. Tới chùa Từ Ân ông gặp pháp sư Huyền Trang và xin thọ giới tỳ kheo với ông này. Sau một thời gian tu học, ông trở về Giao Châu rồi lại đi Tích Lan bằng đường biển. Sau đó ông tới Nam Ấn Độ, rồi đi thẳng lên miền Đông. Ông ở lại đây 12 năm, học thông Phạn ngữ. Ông đã chú giải tác phẩm Duyên Sinh Luận (Nidana-sastra) và một số kinh điển khác. Khi Nghĩa Tịnh sang tới Đông Ấn Độ thì gặp ông ở đây. Nghĩa Tịnh rủ ông cùng đi về miền Trung, trước là tới học viện Na Lan Đà, rồi Vajrasana rồi Vaisali, và Kusinara nơi đức Phật nhập diệt. Ông ở lại đây tu học, thỉnh thoảng lại đi vân du, và cuối cùng mất ở đây, tại chùa Prinitirvana lúc tuổi chừng quá 60.

Sách Đại Đường Cầu Pháp Cao Tăng Truyền cũng có ghi chép tiểu sử một số thiền sư Trung Hoa trên đường đi Ấn Độ đã từng ghé lại Giao Châu. Đó là các vị Minh Viễn, Huệ Mạng, Vô Hành, Đàm Nhuận, và Trí Hoằng. Ngoài ra còn có một vị thiền sư người Khương Cư tên Samghavarma (Tăng Già Bạt Ma) đã từ Trung Hoa sang Giao Châu mục đích để đi hái thuốc cho vua đường. Ông qua Giao Châu vào lúc nạn đói đang hoành hành, người và vật chết



nghư rạ. Ông phân phát thực phẩm và y dược ngay giữa đường cho những người đói và bệnh. Xúc động về cảnh khổ, ông thường vừa lo việc cứu trợ vừa khóc, khiến người bấy giờ thường gọi ông là “vị Bồ Tát hay khóc”. Ông bị nhọt ở chân và chết lúc 60 tuổi.

Sách An Nam Chí [Nguyên] của Cao Hùng Trưng viết vào đời Minh cũng có ghi chép về vài ba vị tăng sĩ không thấy Thiền Uyển Tập Anh nhắc đến:

Thiền sư Tam Mạch, người châu Tam Đối, triều Lý, xuất gia tại chùa Giác Ân, tu hành đặc đạo, có thể bay lên trời giữa ban ngày.

Thiền sư Vô Châu, người huyện Phi Lộc, cao lớn, tướng mạo dị kỳ, râu dài, lập am trên núi Sư Tử Phong, tu chứng Vạn Hoa Tam Muội (chắc là Pháp Hoa Tam Muội), mỗi khi giảng kinh thì hào quang phóng xạ. Ông mất lúc 83 tuổi.

Pháp sư Ma Ni, người huyện Lê Bình, tu ở Đại Tiên Thánh Nhan, bảy năm thành đạo, hàng long phục hổ và cầu mưa cầu tạnh không gì không linh nghiệm.

Tứ Quán Huệ Thông là một vị ni sư, quê huyện Chí Linh, xuất gia hồi 12 tuổi, thị tịch lúc 84 tuổi.

Thiền sư Trí Nhan, người huyện An Lương, có thể phục hổ.

Sách An Nam Chí [Nguyên] cũng có ghi chép một vài vị thiền sư có tên trong Thiền Uyển Tập Anh; những ghi chép này cũng khá phù hợp với sách Thiền Uyển. Sau đây là tên hai vị thiền sư đời Trần mà ta thấy có chép trong Sách An Nam Chí [Nguyên]:

Thiền sư Giới Châu, giới hạnh tinh nghiêm cầu mưa rất ứng nghiệm, vua Trần Thái Tông mời vào cho ở trong dinh.

Thiền sư Nghĩa Tồn, người huyện Thanh Uy, ở chùa Tiên Lữ Sơn, đặc đạo, chan than còn giữ lại.

Đọc những tài liệu trên, ta thấy rằng trong các thế kỷ thứ bảy và thứ tám, trong giới thiền sư Việt Nam có nhiều người học rộng. Nhiều người thông hiểu cả Phạn ngữ lẫn Hán ngữ. Thiền sư Đại Thừa Đăng giỏi Phạn ngữ đến trình độ đã chú giải những tác phẩm Phạn ngữ bằng Phạn ngữ. Phụng Đình và Duy Giám được mời qua cung Đường giảng kinh. Thi sĩ Thẩm Thuyên Kỳ vào tận trong núi để bái yết Vô Ngại. Thi sĩ Trương Tịch cũng vào tận trong núi để bái yết Nhật Nam tăng. Nhiều người như Vận Kỳ và Đại Thừa Đăng đã vân du cả hai xứ Trung Hoa và Ấn Độ để mở rộng kiến thức và hành đạo. Tuy sự cai trị của nhà Đường đối với Giao Châu khắc nghiệt hươn bất cứ ở triều đại nào khác, và tuy chính quyền đô hộ tìm mọi cách để ngăn chặn sự tiến triển của học thuật và văn hóa Giao Châu, giới thiền sư Việt Nam

hồi đó đã có phương tiện để theo đuổi sự tu học và hành đạo của mình. Có lẽ lý do là tại nhà Đường bề ngoài đã tỏ ra tôn sùng đạo Phật. Vì chính sách ngu dân của chính quyền đô hộ mà trí thức và sĩ phu ngoài đời trở nên hiếm hoi. Cho nên ý thức về độc lập quốc gia đã được nhen nhúm trong thiền môn, và khi cơ hội đến, chính các thiền sư là những người đầu tiên đứng ra ủng hộ cho việc tranh đấu giành chủ quyền và xây dựng một nền văn hóa quốc gia độc lập. Điều này ta sẽ thấy rõ ở các thời Đinh, Tiền Lê và Lý.

[1] Bài tựa này có thể đọc trong ấn bản Thiền Uyển Kế Đăng Lục do hội Phật Giáo Bắc Kỳ thực hiện năm 1943 tại Hà Nội với sự bảo trợ của trường Viễn Đông Bác Cổ. Trong sách này, bài tựa có đề là "San khắc Truyền Đăng Thủ Trần Gia Bản".

[2] Bài tựa ấn bản 1715 do một ông đồ nho viết ("sau buổi dạy học tại Chiền Đường, một vị thiền tăng đã đến đàm luận rất lâu với tôi về kinh Phật. Những chuyện. Những chuyện bàn luận các vấn đề Phật giáo như lông rùa, sừng thỏ... Vị tăng liền lấy trong tay áo một quyển Lục tên là Tập Anh nhờ tôi sửa chữa chỗ sai để in lại"). Ông đồ này có thể là giỏi về Hán học nhưng lời văn chứng tỏ sức học Phật kém, ưa dùng từ ngữ Phật mà dùng không được chính. Iing ta nói rằng ông đã làm công việc hiệu đính này trong 10 ngày. Ta không biết tình trạng trong bản văn mà vị thiền tăng (có lẽ là Thích Như Trí) đem tới nhờ ông ta sửa chữa ra sao, nhưng ta rất nghi có lẽ vì sức học Phật non yếu mà ông đồ này đã làm hại đến bản văn kia không ít. Bản in 1715 cũng còn đầy dẫy những sai lầm; chỉ những người quen thuộc lắm với loại ngữ lục Thiền học mới có thể tự hiệu đính được những đoạn đã trở nên vô nghĩa vì tam sao thất bản. Thích Như Trí có lẽ không đủ tự tin về Hán học nhưng giao bản thảo kia cho một nhà nho ngôn ngữ Phật giáo còn bập bẹ thì quả là một chuyện đáng làm cho ta ngạc nhiên vậy.

[3] Truyền thống Ấn Độ thường ít có khuynh hướng ghi chép lịch sử tông môn hơn truyền thống Trung Hoa.

[4] Hai vị thiền sư triều Lý có khuynh hướng thần bí ma thuật.

[5] Tại cung điện vua Đường từ nay sẽ vắng tiếng giảng kinh của Ngài, trong khi đó lênh dềnh ngoài biển cả, đạo đức của Ngài làm hương hoa nổi khắp mặt biển.

[6] Trên con đường về, mưa làm thấm dấp chiếc áo vải thô và gió làm phai lạt bớt mùi hương của chiếc ấn ngài mang theo - áo và ấn đây là tùy thân của thiền sư đặc truyền.

[7] Biển vắng không thuyền bè đi lại, làm sao tôi nhận được tin tức của ngài sau này.

[8] Sách *Thiền Uyển Tập Anh* trong đoạn nói về thiền sư Sùng Phạm có nhắc đến tên Vô Ngại, một vị thiền sư ngụ ở chùa Pháp Vân và dạy Thiền học vào thế kỷ thứ mười. Nhưng đây không phải là Vô Ngại thượng nhân mà Thẩm Thuyên kỳ nói tới.

[9] Y Vương Tích Vị Đàm: Phật được gọi là Y vương, vua của các thầy thuốc, chữa được mọi tâm bệnh. Y vương ở đây có nghĩa là Phật pháp.

[10] Hồ Khê: pháp sư Huệ Viễn ít khi đưa khách qua khỏi con khe chảy ngang trước núi. Pháp sư một lần cùng khách đàm luận về Đạo Phật vì vui câu chuyện nên đã đi qua khe, có một con hổ rống lên vì lấy làm lạ.



TÂM SỰ VỚI BA

*Đêm nay xứ lạnh ở quê người
Trời mưa rá rích suốt đêm thâu
Gió lạnh luồn qua khung cửa sổ
Hắt hiu thăm lặng nhớ về Ba*

*Ba đã đi rồi đi thật xa
Mấy năm an nghỉ lòng đất lạnh
Có nghe chủ đề đạo cung đàn
Tâm hồn con trẻ gởi về Ba*

*Ngày đưa Ba nghìn thu vĩnh biệt
Con quay về làm kẻ tha phương
Lang thang xứ lạ khung trời lạ
Giọt lệ đêm dài mãi thôn thức*

*Hình bóng người Ba càng thêm nhớ
Mỗi khi đông về gió lạnh se
Trong căn phòng nhỏ thờ di ảnh
Ba chỉ mỉm cười mãi nhìn con*

*Hôm nay cả nhà đang giỗ Ba
Mẹ con đoàn tụ vui sum vầy
Riêng con thăm lặng chờ trông đợi
Hình bóng người Ba mãi vấn vương*

*Con ước quay về chốn cũ xưa
Thăm lại ngôi nhà thuở ấu thơ
Thăm chị thăm em thăm mẹ già
Thăm làng thăm xóm những người thân*

*Bây chừ mưa vẫn còn giăng hạt
Như gợi thêm buồn nhớ cố hương
Vẫy tay tạ từ cơn mưa nhé
Bình minh tỏ rạng tiếng chim ca.*

thơ

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Sáng tạo là con đường thi sĩ

TÂM NHIÊN

Thơ là gì? Thi ca là cái chi? Có người cắt cổ hỏi Bùi Giáng như vậy. Thi sĩ khề khà trả lời: "Con chim thì ta biết nó bay, con cá thì ta biết nó lội, chẳng thi sĩ thì ta biết nó làm thơ, nhưng thơ là gì, thì đó là điều ta không biết." (1) Tuy nói thế, nhưng suốt bình sinh trong cuộc sống, thi sĩ chỉ dốc chí làm thơ và sống phiêu bồng, lãng tử như thơ mà thôi.

Đó là một cách trả lời mà không đáp ứng gì cả, giống như một tục khách đến hỏi thiền sư: "Thiền là gì?" Đáp: "Hôm nay thời tiết chưa tốt lắm." Trả lời mà chẳng giải thích, vì thiền sư biết căn cơ của khách tục chưa đủ chín muồi, dù có nói nhiều điều cao siêu đi chẳng nữa thì cũng không lãnh hội chi đâu. Tốt nhất là nên im lặng.

Im lặng để cho kẻ thắc mắc kia còn có cơ hội khám phá ra vẻ đẹp tuyệt trần chân thiện mỹ của thiền. Khi tự tỏ ngộ thì đương nhiên, họ không còn chạy đây đó tìm học, tham vấn vu vơ gì nữa. Từ đó, thơ và thiền tự nhiên hiển lộ, lung linh, kỳ ảo vô ngần trong phương lòng quang minh của chính họ rồi.

Lúc ấy sẽ bùng vỡ ra cái thấy tinh khôi, mới lạ và làm tiêu tan hết mọi mệt mỏi, chán chường, như thi hào Rainer Maria Rilke phát biểu: "Nếu đời sống thường nhật trở nên nhạt nhẽo, nghèo nàn đối với anh thì anh đừng bao giờ quy trách nó. Anh hãy tự trách chính anh rằng, anh không đủ tâm hồn thi nhân để mà có thể gợi dậy trong lòng mình tất cả sự phong phú, miên man của đời sống thường nhật, vì đối với một con người sáng tạo, một thi sĩ thì chẳng có gì là nhạt nhẽo, nghèo nàn, chẳng có một nơi chốn nào là khô khan, lãnh đạm." (2)

Đúng như vậy, với kẻ sáng tạo thì họ có khả năng làm sinh động lại những tiêu điều, hiu hắt, biết chuyển hóa nỗi đau buồn thành niềm hân hoan tối thượng. Bước đi trên con đường sáng tạo



là bước đi vô sở trú, vô sở cầu, vô sở đắc, thi sĩ kẻ không cửa, không nhà, kẻ cô đơn sâu thẳm, tâm hồn đồn về nẻo chân lý, hướng về ngõ uyên nguyên, khơi mở mạch suối nguồn.

Cuộc lữ khởi sự băng qua những sa mạc, hư vô đời khô khốc, những địa ngục súc sôi, cháy đầy lửa bỏng, những hố thẳm âm u, mịt mù tăm tối... Rồi cuộc lữ mở ra một con đường phong quang sáng tạo, ngút ngàn mây trắng với những phương trời bát ngát bao la, để cho thi sĩ chợt thấy mình không là chi cả: Không tên tuổi, không gia đình, không sự nghiệp, không địa vị, không trách nhiệm, không bốn phận, không mục đích, không chỗ trú cư trong thời gian và không gian.

Không chỗ trú vào bất cứ đâu, nên thành thang vô sự theo cách điệu tiêu dao du ngoạn cái đang là luôn luôn mới lạ và mới lạ giữa như thị, như nhiên, phiêu bồng không chấp.

Âm thầm, tuyệt nhiên lặng lẽ, người thi sĩ thở cùng thơ, sống cùng thơ, trọn vẹn, tuyệt đối thủy chung với nàng thơ bất ngát. Họ không bận tâm nhiều tới quần áo, ăn uống, ngủ nghỉ, chẳng thiết chi chuyện truyền giống, nối dõi tông đường hay bảo vệ đất nước, duy trì quốc gia, nhất là không thích làm giàu để hưởng thụ mà trái lại, ưa sống đạm bạc, thanh bần, đơn sơ, giản dị. Họ chỉ quan tâm tới sáng tạo và chân lý như đại văn hào Henry Miller tuyên bố một câu

bất hủ: "Từ chút ít sách vở tôi đã đọc, tôi nghiệm ra rằng, những người lặn lội sâu nhất trong cuộc đời, những người nhồi nặn cuộc đời, những người chính là cuộc đời đều ăn ít, ngủ ít, sở hữu ít hay không có gì cả. Họ không có bất kỳ một ảo tưởng nào về bốn phận, hoặc nối dõi tông đường hay duy trì quốc gia. Họ chỉ quan tâm tới chân lý và chân lý mà thôi. Họ chỉ chấp nhận một hình thức hoạt động là sáng tạo. Không một người nào có thể chỉ huy công việc họ, bởi vì họ tự nguyện cho tất cả. Họ cho không, bởi vì đó là cách duy nhất để cho." (3)

Dĩ nhiên cái gọi là cho ấy của thiền sư, nghệ sĩ, thi nhân, không phải là của cải vật chất tầm thường mà là tinh túy, tinh hoa kết đọng thành tư tưởng vô hình, vô tướng. Chỉ những tâm hồn đồng điệu, đồng thanh tương ứng mới cảm được, mới thấy được giá trị vô lượng của tầng phẩm tinh thần thâm thúy đó, để diệp dụng cùng cung bậc đời thường, thanh thần tự do.

Cho nên đi vào cõi thơ là dẫn thân vào cõi mộng không lời, là phiêu lưu mạo hiểm xuống hố thẳm không đáy, là bay lên những phương trời vô xứ cùng tuyệt thiên thanh. Đòi hỏi kẻ lữ hành độc đạo, phải buông xuống sạch sành sanh tất cả những thứ cản bả của xã hội loài người như được mất, hơn thua, tốt xấu, giàu nghèo, danh lợi, khen chê, đúng sai, phải quấy... Bước nhảy trọng đại đó là bước nhảy chập chùng sinh tử. Có vượt qua gặp ghềnh sinh tử được hay không là còn tùy công phu hàm dưỡng của mỗi người.

Đường của thơ là không lộ, đầy cuồng phong, bão táp, đầy lao đao khổ lụy, đọa đày. Tuy bị đầy đọa như thế nhưng vẫn có cái thi vị tuyệt vời, như thiền sư Tuệ Sỹ nhận định: "Người làm thơ, cuộc đời bị đầy ải truân chuyên, trong đó cũng có cái ảo diệu của vị chua, vị mặn. Suốt đời học



Nhà thơ Bùi Giáng

Thiền, suốt đời vẫn đầy đọa thân tâm, đầy đọa trong cái Không và cái Tĩnh. Đầy đọa đó mà kỳ thực không là đầy đọa. Cũng vậy, suốt đời làm thơ thì suốt đời khổ lụy lao đao, nhưng không là khổ lụy lao đao. Chỗ ảo diệu đó, chưa đạt đến cõi thượng thừa của thi ca, làm sao hiểu nổi?" (4)

Cõi thượng thừa của thi ca ở đâu? Phải chăng, đó là công án mà mỗi thi nhân phải tự mình đồn ngộ, chứ đừng ngớ ngẩn chạy đồn chạy đáo thừa hỏi, tìm kiếm lung tung. Cứ nhập cuộc chịu chơi, ném mình vào những phương trời gió loạn, cúi sâu xuống tận đáy lòng hun hút cô liêu, diệu vợi của mình, may ra sẽ bùng vỡ mặt nghĩa cái chân lý muôn đời.

Trên tinh thần phóng khoáng, tự do đó, người thi sĩ tự bao giờ vẫn nhất thiết kiên trì, vô cùng nhẫn nại. Bước đi lầm lũi khai phá, dốc chí bền gan sáng tạo và sáng tạo kỳ cùng, song hành cùng năng thơ độc đáo, vô song, như triết gia, nhà thơ Phạm Công Thiện có lần tâm sự: "*Làm thơ là hồ thủy xoáy tròn vào cơn bão tố rừng rợn của thơ và chỉ nhìn thấy thơ trên trời, thơ ở dưới đất, thơ trong tim, thơ trong óc não, thơ trong mạch máu, thơ trong hơi thở, thơ trong đời sống, thơ trong cái chết, thơ trong hiện thế, thơ trong vô thế, thơ trong hư vô... Chỉ có thi sĩ mới sống tận bản thân mình, sống phóng tới đấng trước tất cả những khả tính sắp hiện của dân tộc mình.*" (5)

Thi nhân là kẻ tiên tri thấu thị, một bậc siêu phàm hay một tên khùng điên rồ dại, gọi gì cũng được, họ chẳng bận tâm mà chỉ lao mình vào cuộc đại hòa điệu chơi với đủ mọi hình thức: Tình yêu, đau khổ, điên cuồng... như thi sĩ Rimbaud bộc bạch: "*Thi nhân tự biến mình thành tiên tri*

thấu thị bằng một sự hỗn loạn của tất cả mọi giác quan lâu dài, rộng lớn, phi thường và hợp lý. Tất cả mọi hình thức tình yêu, đau khổ, điên cuồng: Hẳn tìm kiếm chính hẳn, hẳn nuốt trọn mọi độc tố trong hẳn để giữ lại tinh túy. Cực hình khôn tả, trong đó hẳn cần tất cả sức mạnh siêu nhân, trong đó hẳn trở thành kẻ bệnh nhân vĩ đại, kẻ tội nhân vĩ đại, kẻ bị nguyên rủa vĩ đại và nhà bác học siêu phàm. Bởi vì hẳn đi tới cái vị trí." (3)

Cái vị trí mở ra những phương trời mây trắng bông bênh, thênh thang bát ngát, tiêu dao lồng lộng trên cảnh giới bất khả tư nghi. Thi sĩ và thiền sư cùng lao đao và cùng tiêu sái trong cõi trầm mặc phiêu nhiên. Tuyệt thay là phong cách nhào lộn tồn sinh, rớt ráo tốt độ của những tâm hồn kỳ dị đã ném được hương vị vô cực, vô vi: "*Thi sĩ rơi xuống cõi đời bơ vơ, bơ ngỡ và lạ lùng. Không có lấy một người hiểu mình... Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của tình yêu. Tôi đã vui buồn, sướng khổ, giận hờn đến gần hết sự sống.*" (5)

Thi sĩ Hàn Mặc Tử đã nói như thế và Phạm Công Thiện diễn giải: "*Khi nào mình 'đến gần hết sự sống' rồi thì mới biết Thơ là cái gì, mới biết làm thơ, mới biết đọc thơ. Khi mình chưa 'đến gần hết sự sống' thì không được quyền nói bất cứ điều gì về Thơ, về Thi Ca, về Thi Sĩ, về Thi Nhân...*" (5)

Phải chăng, đó là một thái độ vô cùng cẩn trọng đối với Thơ, được phát biểu bởi một thiên tài kỳ tuyệt? Trong khi bây giờ, có một số người bôi bút cho thể lực vô minh tỏ ra xem nhẹ, rề rúng, lũng đoạn, xuyên tạc thi ca

truyền thống ngàn đời của dân tộc. Chúng tổ chức thành hội này, nhóm nọ, cố tình phá hoại nền văn nghệ đích thực, bằng đủ mọi hành vi đen tối như hàng năm phát giải nhất cho những tập thơ dở nhất (nhà văn Trần Mạnh Hảo nói vậy) để đánh lạc hướng sự thưởng thức của quần chúng. Bọn hạ đẳng đó còn ra mặt hỗn láo, vô lễ, sùng sộ với tổ tiên, tiền bối, lòi cả thi hào Nguyễn Du ra bôi bác, lại dám cả gan sửa đổi hàng ngàn từ ngữ trong kiệt tác Truyện Kiều nữa chứ! Hỡi ôi! Cái bọn hồ đồ, ấu trĩ ấy còn lên giọng xỏ xiên, châm biếm, chê bai, chửi bới, đả kích, khinh thường những thi sĩ, những người làm thơ, coi thơ như một trò hề, một thứ gì vô bổ, vô ích, vô nghĩa, đáng ném vào sọt rác, vì lạc điệu giữa cuộc sống thực tế đầy xô bồ, hỗn độn, gần như máy móc, vô cảm hôm nay.

Vậy đó mà Phạm Công Thiện vẫn mặc kệ, vẫn trọn lòng tin cậy vào sự huyền nhiệm của thi ca và kiên nhẫn, kiên nhẫn ba la mật, khuyến khích chúng ta một cách đọc thơ như trì tụng kinh điển, để tự thâm nhập sâu xa cái thâm mật ở chính trong hồn sâu thẳm của mình: "*Đọc thơ cũng giống như đọc kinh. Phải thọ, trì, đọc, tụng, Đọc không phải để hiểu mà để biết. Biết cái thâm mật của một giây phút thoáng qua nhanh chóng hơn ánh sáng và biết cái thâm mật của tam thiên đại thiên thể giới, của vô số hằng hà tít tít thiên hà trong lòng ta và ngoài kia không gian phiêu dật.*" (5)

Không những thế, Phạm Công Thiện còn hồn nhiên tụng ca Thơ, tán thán Thi Ca bằng một niềm tin tưởng tuyệt đối: "*Nói đến Thơ không khác gì nói đến Thượng đế. Phê bình Thơ là làm việc phạm thánh, là 'blaspheme.'*" Những thi sĩ không phải là loài người, họ là những thiên thần, những thánh hoặc những quỷ ma. Nếu ta không chấp nhận họ được thì thôi, ta không được quyền có thái độ của học giả hay giáo sư hoặc nhà phê bình. Phải giết hết những kẻ phê bình để cho Keats sống, để cho Chatterton đứng chết lúc mới 18 tuổi xuân xanh!

Anh không thể cảm thơ người ta thì hãy im lặng, còn nếu cảm được thì anh hãy tha thiết ca ngợi, đừng e dè, giữ gìn gì cả. Không nên có những nhà phê bình thơ mà chỉ nên có những kẻ ca tụng thơ. Thơ là của riêng từng người, không có ai làm thầy ai cả." (6)

Giữa thời buổi nhiễu nhương,



Nhà thơ Phạm Công Thiện

văn chương, văn nghệ hầu như không còn giá trị gì nữa mà vẫn còn người yêu thi ca như vậy, quả thật là hy hữu phải không? Buồn quá! Sa mạc, hư vô đang lan dần trên đất mẹ, quê hương, trên khắp cả quả địa cầu hoang vu này rồi, bọn quỷ dữ, ác ma a tu la đã xuất hiện rầm rộ, chúng giết người hàng loạt, dùng mọi thủ đoạn, lừa đảo, ám sát, khủng bố, đầu độc không trừ một thứ chi hết. Toàn bộ nền văn minh nhân loại của thế kỷ XXI đang gieo rắc sự chết, tiến bộ gieo sự chết, khoa học gieo sự chết, tôn giáo gieo sự chết, chủ nghĩa gieo sự chết, xã hội gieo sự chết, chính trị gieo sự chết, kinh tế gieo sự chết, văn hóa gieo sự chết, giáo dục gieo sự chết...

Hầu hết loài người trong thời hiện đại đều đang quay cuồng trong cơn tủy sinh mạng tử, điên rồ cố giành giật đất đai, lãnh thổ, cố mở rộng, bành trướng tôn giáo, cố tuyên truyền chủ nghĩa, đảng phái, học thuyết và tất nhiên là xung đột quyết liệt. Họ cố tàn sát đẫm máu lẫn nhau, bằng đủ mọi âm mưu thâm hiểm, độc ác, tinh vi như lời thơ tiên tri của Nguyễn Du, bậc đại thi hào dân tộc:

*Mặt ngoài thơn thớt nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao*

Chao ôi! Sống trong thời buổi điêu linh như vậy, một cõi nhân gian bị đất, tan hoang như thế, hỏi sao người thi sĩ không cảm thấy lạc lõng, bơ vơ cho được? Họ vô lương thương cảm, xót xa, đành rời quê nhà, bỏ xứ sở, làm kẻ lang thang tuyệt mù viễn xứ như Phạm Công Thiện, muốn điên cuồng kỳ dị như Bùi Giáng, hay tuyệt nhiên im lặng, mặc như lời như Tuệ Sỹ và cuối cùng, chỉ còn biết âm thầm sáng tạo, lặng lẽ

làm thơ như muốn thả lên một ngọn lửa tình yêu diệu huyền, xanh biếc thiết tha trên sa mạc khô cằn của nhân loại.

Nói như văn hào Hermann Heese: *"Dù có bị đau đớn, quằn quại, tôi vẫn yêu thương trần gian điên đại này."* (7) Cho nên thi nhân vẫn hạo nhiên chí khí, tự nguyện đi vào địa ngục trần gian, đốt bùng lên đuốc lửa tuệ quang, sáng ngời vô úy, thổi vào hồn tồn lưu một ngọn lửa tình thương yêu vô điều kiện và hòa âm thâm mật trên cung bậc thi ca.

Thi ca là suối nguồn bất tận, chảy hoài từ thiên van cổ đến nay, như nhà thơ Saint John Perse tỏ bày trong dịp nhận giải thưởng Nobel văn chương năm 1960: *"Người thơ đã có trong con người ăn lông ở lỗ, người thơ vẫn sẽ có trong con người thời nguyên tử, vì người thơ là một phần tử bất khả phân của con người. Chính từ sự đòi hỏi của thơ, của tâm, làm phát sinh tôn giáo và nhờ duyên thơ mà tia lửa thiêng sống mãi trong khối đá người. Khi mọi thặng thoại sụp đổ hết thì thơ là chỗ ẩn cuối cùng của cái tối linh."* (8)

Tình yêu, tình thương là điệp khúc, là bản trường ca miên viễn, bất tuyệt của thơ mà sứ mệnh người thi sĩ sáng tạo phải giữ gìn, xiển dương, làm cho phục hồi, sống dậy mãnh liệt, ý lực bùng lên huy hoàng, sáng suốt, tuôn trào vô lượng vô biên. Hãy đốt hồn thơ thiêng liêng, cháy rực ngời ngọn lửa cảm xúc,

rung động thiên thu, để nghe nhịp thở bồi hồi giữa bầu khí hậu thanh tân, phấn chấn, hân hoan yêu đời trong tiếng hát đại bi tâm. Tiếng hát đại tử, đại bi, đại hỷ, đại xả ấy mãi hoài ngân vọng trong lòng người từ muôn thuở đến muôn nơi, trên mặt đất trần gian vẫn còn thơ mộng ngày.

Tâm Nhiên

- 1) Bùi Giáng. Sa mạc trường ca. An Tiêm xuất bản, Sài Gòn 1970
- 2) Rainer Maria Rilke. Thư gửi người thi sĩ trẻ tuổi. Hoàng Thu Uyên dịch. An Tiêm xuất bản, Sài Gòn 1969
- 3) Nguyễn Hữu Hiệu. Con đường sáng tạo. Hồng Hà xuất bản, Sài Gòn 1973
- 4) Tuệ Sỹ. Tô Đông Pha những phương trời viễn mộng. Ca Dao xuất bản, Sài Gòn 1973
- 5) Phạm Công Thiện. Một đêm siêu hình với Hàn Mặc Tử. Trần Thi xuất bản, California 2006
- 6) Phạm Công Thiện. Ý thức mới trong văn nghệ và triết học. An Tiêm xuất bản, Sài Gòn 1966.
- 7) Hermann Hesse. Câu chuyện dòng sông. Phùng Khánh dịch. An Tiêm xuất bản, Sài Gòn 1969
- 8) Huyền Giác. Chứng đạo ca. Trúc Thiên dịch. Lá Bối xuất bản, Sài-gòn 1970



Lang thang sĩ Tâm Nhiên viếng thăm thiền sư Tuệ Sỹ đang ẩn cư trong một ngôi chùa hoang vắng tịch liêu ở vùng biển xanh Vạn Giã, Khánh Hòa.

QUÁN CHIỀU

Ta dừng lại
 Một chiều bên quán khách
 Nghe thời gian chậm chậm bóng xuân đi
 Rũ vai áo
 Xanh hồn theo lối cỏ
 Ngàn mây bay chở cả bóng tà huy.

thơ

TRĂNG CÓ BĂNG KHUÂNG

Trời đã khuya khoắt
 Ngoài không gian nghe im ỉm vắng
 Đôi bóng đêm sâu
 Bóng đổ xa dần
 Thời gian chảy
 Nhưng dòng trôi sao chở nặng ?
 Trăng giữa đêm gầy
 Trăng có băng khuâng...?

MẶC PHƯƠNG TỬ

CÒI TÀU

Đường hun hút
 Bóng xa xăm
 Đã từ cội Thước
 Trời tâm phương này
 Lòng ta thức giữa đêm nay
 Như còi tàu thức đường ray vạn miền.

Còi tàu
 Thức giữa canh khuya
 Nỗi nề sương khói
 Sầu chia dậm đường
 Hối ngàn mây
 Tới ngàn phương
 Chờ theo cả bóng vô thường tháng năm!

SÂN GA

Sân ga
 Bóng đổ âm thầm
 Ngược xuôi
 Cũng một kiếp tầm nhạ tơ
 Tàu đi hút nẻo sương mờ
 Trả đường ray lại bên bờ ảo hư.





PHẬT GIÁO YẾU LƯỢC

Nguyên tác: BUDDHISM IN A NUTSHELL

Tác giả: **NARADA THERA**

Người dịch: **H. T. THÍCH TRÍ CHƠN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(Tác phẩm gồm 11 chương, với các tiêu đề như sau: 1. Đức Phật; 2. Phật Giáo Phải Chẳng Là Một Triết Học? 3. Phải Chẳng Phật Giáo Là Một Tôn Giáo? 4. Phải Chẳng Phật Giáo Là Một Hệ Thống Đạo Đức? 5. Một Vài Đặc Điểm Của Phật Giáo; 6. Nghiệp Báo Hay Luật Nhân Quả; 7. Luân Hồi; 8. Lý Thập Nhị Nhân Duyên; 9. Vô Ngã Hay Không Có Linh Hồn; 10. Niết Bàn; 11. Con Đường Dẫn Đến Niết Bàn)

VÔ NGÃ HAY KHÔNG CÓ LINH HỒN

Lý thuyết của Phật Giáo về Luân Hồi ta cần phân biệt với thuyết tái sinh nhằm chỉ sự chuyển đổi của linh hồn hay sự tái sinh của một xác thân thường còn. Phật Giáo phủ nhận sự hiện hữu của một linh hồn bất tử hay trường tồn được tạo nên bởi đấng Thượng Đế hoặc phát xuất từ một Đại Ngã.

Nếu linh hồn mà người ta giả thiết như tinh hoa của con người là vĩnh cửu thì linh hồn không thể phát sanh hay tiêu diệt. Ngoài ra, người ta cũng không thể giải thích tại sao "Từ lúc đầu, linh hồn này lại khác với linh hồn kia".

Để chứng minh sự hưởng phước đời đời ở trên thiên đàng vĩnh viễn và sự đau khổ vô tận dưới một địa ngục trường cửu tức nhiên tuyệt đối phải chủ trương có một linh hồn bất tử. Nếu không, thì cái gì sẽ bị trừng phạt ở địa ngục hay được thưởng ở nơi thiên đàng?

Bertrand Russell viết: "Ta phải nói rằng sự phân biệt cũ kỹ giữa linh hồn và thể xác đã hoàn toàn tiêu tan bởi vì vật chất đã mất tính chất cứng rắn của thể đặc mà tâm cũng mất tính chất tinh thần của nó. Tâm lý học đang bắt đầu trở thành một ngành khoa học. Trong hiện tình của khoa tâm lý học, niềm tin vào một điều gì bất tử đã không được sự tán trợ của khoa học".

Người Phật tử đồng ý với Russell khi ông nói: "Rõ ràng có lý do để tin rằng cái 'Tôi' ngày hôm nay và cái 'Tôi' ngày hôm qua là một và để lấy một ví dụ rõ ràng hơn nữa, nếu cùng một lúc, tôi thấy một người và nghe người ấy nói thì hiển nhiên là cái 'Tôi' nghe và cái 'Tôi' thấy là một".

Cho đến những năm gần đây các nhà khoa học đã tin tưởng vào tính cách bất khả phân và không thể tiêu diệt của nguyên tử. "Với đầy đủ lý lẽ, các nhà vật lý học đã phân chia hạt nguyên tử ấy thành những phần nhỏ. Cùng với những lý do chính đáng, các nhà tâm lý học khám phá rằng tâm không phải là vật thể đồng nhất của một cái gì trường tồn mà là một số yếu tố được kết hợp với nhau qua những liên quan mật thiết nào đó. Cho nên, vấn đề của sự bất diệt trường tồn trở thành câu hỏi rằng những liên quan này có còn tồn tại giữa những yếu tố của xác thân đang sống và xác thân đã chết hay không".

Cũng như C.E.M. Joad viết trong cuốn "Ý Nghĩa của Đời sống" (The Meaning of Life): "Vật chất đã tan rã dưới mắt của chúng ta. Nó không còn là thể đặc, không còn vững chắc, không còn do những định

luật cưỡng chế quy định; và quan trọng hơn tất cả, người ta không còn biết nó là gì nữa".

Cái được gọi là nguyên tử hình như vừa "có thể bị phân tán, vừa có thể bị tiêu diệt". Những điện tử và dương tử bao gồm trong một nguyên tử "có thể gặp và tiêu diệt lẫn nhau trong khi ấy, sự bền vững của điện tử và dương tử, giống như sự vững bền của một làn sóng, không có những giới hạn chắc chắn và trong tiến trình biến đổi liên tục, cả hai đều thay đổi hình thức và vị trí".

Giám mục Berkley bảo rằng cái được gọi nguyên tử là một điều tưởng tượng siêu hình và chủ trương có một thực thể tinh thần gọi là linh hồn.

Chẳng hạn, Hume (1) nghiên cứu và nhận thấy rằng ý thức không có gì khác ngoài những trạng thái tinh thần biến đổi và kết luận rằng "Cái Ta thường còn" là không thực tồn tại.

Và Hume viết: "Có vài triết gia nghĩ rằng trong mỗi刹那 tư tưởng, chúng ta ý thức cái gọi là Ta, và chúng ta cảm giác rằng cái Ta là có thật, thường còn; và chúng ta là chắc thực..., không thể biến đổi và phân chia. Riêng về phần tôi, khi tôi tiếp xúc mật thiết với cái mà tôi gọi là 'Tôi' thì tôi luôn luôn gặp phải một vài cảm giác đặc biệt như nóng hay lạnh, ánh sáng hay bóng tối, thương hay ghét, buồn hoặc vui. Tôi chưa từng bắt được cái 'Tôi'... và không bao giờ có thể tìm thấy được cái gì ngoài cảm giác... cũng như không thể nhận thức được cái gì khác cần thiết để làm cho Tôi trở thành một thực thể hoàn toàn không tồn tại".

Bergson (2) nói: "Tất cả ý thức chỉ tồn tại trong thời gian sinh hoạt. Một trạng thái tâm lý, nếu không biến đổi, thì không còn là một trạng thái nữa.. Nó là sự biến đổi không ngừng; khi sự biến đổi ngừng thì trạng thái tâm thức cũng ngừng, trạng thái tâm thức chính là sự biến đổi".

Đề cập đến vấn đề linh hồn, giáo sư James viết: "Cho đến nay, thuyết linh hồn là hoàn toàn vô ích khi dùng nó để giải thích các sự kiện thực sự có thể chứng minh được về kinh nghiệm của tâm thức. Cho đến nay, cũng không ai có thể bị bắt buộc phải chấp nhận lý thuyết ấy vì những lý do khoa học cụ thể".

Nơi phần kết luận của chương thích thú nói về linh hồn, ông viết: "Và trong tác phẩm này, giải pháp tạm thời mà chúng ta đã đạt tới phải là lời kết luận: Chính tư tưởng là con người tư tưởng".

Watson (3), nhà tâm lý học trứ danh đã viết: - "Chưa có ai từng sờ đụng một linh hồn hay nhìn

thấy linh hồn trong một ống thí nghiệm, hay bằng phương cách gì khác, để tiếp xúc với linh hồn như đã từng va chạm với các vật khác trong cuộc sống hằng ngày. Tuy nhiên, nhờ vực sự hiện hữu của linh hồn được xem như người theo tà giáo; và thời xưa điều ấy có thể dẫn đến việc khiến người ta bị rơi đầu. Cả đến ngày nay, người có địa vị quan trọng cũng không dám nêu vấn đề đó lên”.

Hơn 2500 năm trước, đức Phật đã đề cập đến những vấn đề này. Theo Phật Giáo, ý thức không gì khác hơn là một tổng hợp phức tạp của những trạng thái tâm thức luôn luôn biến đổi. Mỗi chấp tư tưởng gồm có ba giai đoạn - phát sanh hay khởi đầu, tỉnh lặng hay phát triển, và chấm dứt hay hủy diệt. Ngay khi một chấp tư tưởng vừa qua giai đoạn diệt, tức thì giai đoạn sanh của chấp tư tưởng kế tiếp lại tiếp hiện ra. Trong tiến trình luôn luôn biến đổi của đời sống, mỗi chấp tư tưởng khi diệt, chuyển toàn bộ năng lực và tất cả những cảm giác thấu nhận cho chấp tư tưởng kế tiếp. Mỗi chấp tư tưởng mới gồm các tiềm năng của những chấp tư tưởng trước đó cùng với một vài cái gì khác nữa. Cho nên, có sự luân chuyển tiếp tục của tâm thức như một dòng suối không ngừng trôi chảy. Chấp tư tưởng theo sau không hoàn toàn giống những chấp tư tưởng trước đó - bởi vì thành phần cấu tạo đã đổi mới - mà cũng không hẳn là khác, vì cả hai đều nằm trong cùng một dòng sông Nghiệp Lực. Ở đây không có chúng sanh giống nhau nhưng có sự đồng nhất trong tiến trình đời sống (của chúng sanh).

Trong mỗi phút giây (của đời sống) đã có sự sanh và sự chết. Sự phát sanh của một chấp tư tưởng này có nghĩa là có một chấp tư tưởng khác đã hủy diệt và ngược lại. Trong dòng thời gian của đời sống, có sự tái sanh như thể thời mà không có linh hồn.

Tướng không nên hiểu rằng ý thức của ta bị cắt ra từng khúc nhỏ và được nối liền lại với nhau như những toa xe lửa hay một sợi giây xích. Nhưng trái lại, “*nó trôi chảy liên tục như một dòng sông, tiếp nhận từ những phụ lưu của các giác quan để bồi đắp thêm cho sự phong phú của nó và mãi mãi cung cấp cho thế giới bên ngoài những tư tưởng mới mà nó tiếp thu trong cuộc đời*” (52). Dòng sông ý thức ấy phát sinh từ cội nguồn và chấm dứt nơi cửa sông của nó. Chấp tư tưởng tồn tại nhanh chóng đến nỗi không có bất cứ tiêu chuẩn nào có thể đo lường ước tính được. Tuy nhiên, các nhà chú giải cho biết rằng thời gian kéo dài của một chấp tư tưởng có thể còn ngắn hơn một phần tử thời gian của một cái chớp.

Ở đây, chúng ta thấy có sự kế tiếp nối tiếp trong chuỗi dài của những trạng thái ý thức, chứ không có sự chồng chất lên nhau của các trạng thái đó như một số người lầm tưởng. Không có một chấp tư tưởng đã qua mà còn trở lại; cũng không có chấp tư tưởng sau giống hệt chấp tư tưởng trước đó. Nhưng người đời chúng ta bị che lấp bởi màn ảo giác, đã lầm tưởng sự liên tục giả tạo như một cái gì vĩnh cửu, và còn tiến xa hơn cho rằng có một linh hồn trường tồn, một cái Ngã (Ta), một con người giả định vừa hành động và chứa nhóm tất cả hành động vào trong cái tâm luôn luôn biến đổi này.

“*Cái được gọi là con người chẳng khác gì một cái chớp tạo nên bởi sự kế tiếp của những tia sáng nối liền nhau quá nhanh đến nỗi mắt trần của ta không thể trông thấy chúng riêng biệt; và người mê lầm cũng khó nhận biết được sự liên tục của những tia sáng rời rạc ấy*”. Như bánh xe lăn chậm một điểm trên mặt đường, con người chúng ta cũng chỉ sống trong từng chấp tư tưởng. Ta luôn luôn sống trong hiện tại, và hiện tại nhất định phải trôi vào

quá khứ. Tương lai của chúng ta ra sao, sẽ được quyết định bởi chấp tư tưởng trong hiện tại.

Người ta có thể hỏi, nếu không có linh hồn thì cái gì tái sanh? Thực ra, không có cái gì được gọi là tái sanh cả. Khi cuộc sống chấm dứt, Nghiệp Lực lại tự hiện hữu trong một hình thức mới. Như Đại Đức Silacara đã viết: “*Dù không thấy Nghiệp Lực đi qua ở đâu, nhưng các điều kiện thích ứng với sự biểu hiện rõ ràng của nó vẫn có mặt. Nghiệp Lực xuất hiện dù nơi con muỗi hay con trùng bé nhỏ vẫn khiến ta thấy rõ nó như sự hiện hữu của ánh sáng rực rỡ của một đấng Thiên Thần hay Thượng Đẳng Thiên Sư. Khi phương thức của Nghiệp dừng nghỉ, dòng Nghiệp Lực chỉ chuyển tiếp, và khi gặp điều kiện thuận lợi, Nghiệp sẽ tự phát hiện trở lại trong một tâm thức hay hình thể khác*”.

Sanh là sự phát khởi của hiện tượng nhất thời tâm vật lý. Chết chỉ là sự chấm dứt tạm thời của hiện tượng (tâm vật lý) ấy.

Cũng như sự phát sanh của một trạng thái vật chất được hình thành do bởi trạng thái trước đó làm nguyên nhân; và sự xuất hiện của hiện tượng tâm vật lý đã do những nguyên nhân trước tạo điều kiện để nó phát sanh. Cho nên tiến trình của một kiếp sống có thể diễn tiến mà không cần có một thực thể thường còn chuyển tiếp từ chấp tư tưởng này sang chấp tư tưởng khác; vậy thì một loạt tiến trình của những đời sống cũng có thể diễn tiến mà không cần có một linh hồn bất tử di chuyển từ kiếp này sang kiếp nọ.

Phật giáo hoàn toàn không phủ nhận sự hiện hữu của một bản ngã trong cái nghĩa thực nghiệm của nó. Phật Giáo trong định nghĩa rất ráo, nhằm chứng tỏ rằng không có một bản ngã (bất biến) thực sự. Danh từ triết học Phật Giáo gọi một cá nhân là *Santana* - một dòng sống hay sự liên tục. Nó gồm cả những yếu tố tinh thần cũng như vật chất. Nghiệp lực của mỗi cá nhân đã kết hợp những yếu tố đó lại với nhau. Dòng sống không ngừng hay sự liên tục của hiện tượng tâm vật lý này đã do Nghiệp Lực tạo nên, không những chỉ giới hạn trong đời hiện tại, mà Nghiệp Lực ấy đã bắt nguồn từ những kiếp quá khứ vô thủy, và nó sẽ còn tiếp tục diễn tiến trong tương lai - Chính dòng sống (Nghiệp Lực) này theo Phật Giáo là cái mà các tôn giáo khác gọi là cái “*Ta*” vĩnh cửu hay “*linh hồn*” bất tử.

CHÚ THÍCH CỦA DỊCH GIẢ:

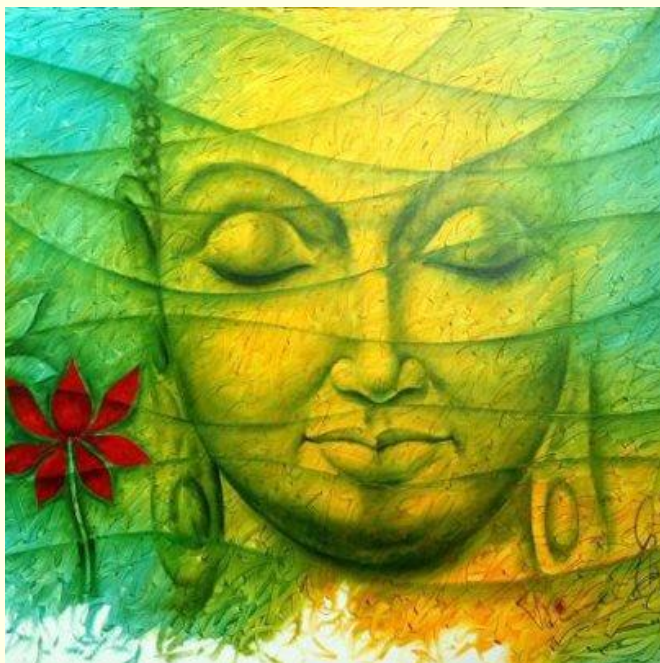
1. DAVID HUME: Sinh năm 1711, từ trần năm 1776. triết và sử gia người Tô Cách Lan, chủ trương thuyết hoài nghi. Bút giả của *Luận Án về Bản Chất Con Người*, xuất bản năm 1739-1740 và *Lịch Sử Anh Quốc*, ấn hành năm 1754-1762 v.v...

2. HENRI LOUIS BERGSON (1859-1941): Triết gia người Pháp, sinh năm 1859, mất năm 1941. Là một trong những nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn nhất trong thời đại của ông. Giáo sư dạy trường cao đẳng Học Viện Pháp vào những năm 1900-1921. Tác phẩm của Bergson gồm có: *Vật Chất và Trí Nhớ*, ấn hành năm 1896; *Siêu Hình Học Nhập Môn*, xuất bản năm 1903; *Sự Tiến Hóa và Sáng Tạo*, năm 1907. Ông được giải thưởng Nobel về văn chương năm 1928.

3. JOHN BROADUS WATSON: Sinh năm 1878, qua đời năm 1958. Nhà tâm lý học Hoa Kỳ, sinh tại Greenville, tiểu bang South Carolina. Giáo sư đại học Johns Hopkins năm 1908 đến 1920. nhân vật nổi tiếng hàng đầu trong việc khởi xướng Chủ Thuyết Hành Vi. Tác giả các sách: *Giáo Dục Loài Vật*, xuất

bản năm 1903; *Tư Cách Đạo Đức* ấn hành năm 1914 và *Sự chăm sóc Tâm Lý cho Trẻ Thơ và Nhi Đồng* năm 1928 v.v..

4. Xem "*Thắng Pháp Tập Yếu Luận*," phần Dẫn Nhập, trang 12.



ANATTA OR SOUL-LESSNESS

This Buddhist doctrine of re-birth should be distinguished from the theory of re-incarnation which implies the transmigration of a soul and its invariable material rebirth. Buddhism denies the existence of an unchanging or eternal soul created by a God or emanating from a Divine Essence (*Paramatma*).

If the immortal soul, which is supposed to be the essence of man, is eternal, there cannot be either a rise or a fall. Besides one cannot understand why "different souls are so variously constituted at the outset".

To prove the existence of endless felicity in an eternal heaven and unending torments in an eternal hell, an immortal soul is absolutely necessary. Otherwise, what is it that is punished in hell or rewarded in heaven?

"It should be said", writes Bertrand Russell, "that the old distinction between soul and body has evaporated quite as much because 'matter' has lost its solidity as mind has lost its spirituality. Psychology is just beginning to be scientific. In the present state of psychology belief in immortality can at any rate claim no support from science".

Buddhists do agree with Russell when he says "there is obviously some reason in which I am the same person as I was yesterday, and, to take an even more obvious example, if I simultaneously see a man and hear him speaking, there is some sense in which the 'I' that sees is the same as the 'I' that hears".

Till recently scientists believed in an indivisible and indestructible atom. "For sufficient reasons physicists have reduced this atom to a series of events. For equally good reasons psychologists find

that mind has not the identity of a single continuing thing but is a series of occurrences bound together by certain intimate relations. The question of immortality, therefore, has become the question whether these intimate relations exist between occurrences connected with a living body and other occurrences which take place after that body is dead".

As C.E.M. Joad says in "*The Meaning of Life*", matter has since disintegrated under our very eyes. It is no longer solid; it is no longer enduring; it is no longer determined by compulsive causal laws; and more important than all, it is no longer known.

The so-called atoms, it seems, are both "divisible and destructible". The electrons and protons that compose atoms "can meet and annihilate one another while their persistence, such as it is, is rather that of a wave lacking fixed boundaries, and in process of continual change both as regards shape and position than that of a thing".

Bishop Berkley who showed that this so-called atom is a metaphysical fiction held that there exists a spiritual substance called the soul.

Hume, for instance, looked into consciousness and perceived that there was nothing except fleeting mental states and concluded that the supposed "permanent ego" is non-existent.

"There are some philosophers", he says, "who imagine we are every moment conscious of what we call 'ourselves' that we feel its existence and its continuance in existence and so we are certain...both of its perfect identity and simplicity. For my part, when I enter most intimately into what I call 'myself' I always stumble on some particular perception or other - of heat or cold, light or shade, love or hatred, pain or pleasure. I never catch myself...and never can observe anything but the perception...nor do I conceive what is further requisite to make me a perfect non-entity".

Bergson says, "All consciousness is time existence; and a conscious state is not a state that endures without changing. It is a change without ceasing; when change ceases it ceases; it is itself nothing but change".

Dealing with this question of soul Prof. James says - "The soul-theory is a complete superfluity, so far as accounting for the actually verified facts of conscious experience goes. So far no one can be compelled to subscribe to it for definite scientific reasons".

In concluding his interesting chapter on the soul he says: "And in this book the provisional solution which we have reached must be the final word: the thoughts themselves are the thinkers".

Watson, a distinguished psychologist, states: - "No one has ever touched a soul or has seen one in a test tube, or has in any way come into relationship with it as he has with the other objects of his daily experience. Nevertheless to doubt its existence is to become a heretic and once might possibly even have led to the loss of one's head. Even today a man holding a public position dare not question it".

The Buddha anticipated these facts some 2500 years ago. According to Buddhism mind is nothing but a complex compound of fleeting mental states. One unit of consciousness consists of three phases - arising or genesis (*uppada*) static or development (*thiti*), and cessation or dissolution (*bhanga*). Immediately after the cessation stage of a thought-moment there occurs the genesis stage of the subsequent thought-moment. Each momentary con-

sciousness of this ever-changing life-process, on passing away, transmits its whole energy, all the indelibly recorded impressions to its successor. Every fresh consciousness consists of the potentialities of its predecessors together with something more. There is, therefore, a continuous flow of consciousness like a stream without any interruption. The subsequent thought-moment is neither absolutely the same as its predecessor-since that which goes to make it up is not identical – nor entirely another-being the same continuity of *Kamma* energy. Here there is no identical being but there is an identity in process.

Every moment there is birth, every moment there is death. The arising of one thought-moment means the passing away of another thought-moment and vice versa. In the course of one life-time there is momentary rebirth without a soul.

It must not be understood that a consciousness is chopped up in bits and joined together like a train or a chain. But, on the contrary, *"it persistently flows on like a river receiving from the tributary streams of sense constant accretions to its flood, and ever dispensing to the world without it the thought-stuff it has gathered by the way"* (See Compendium of Philosophy - Introduction p.12). It has birth for its source and death for its mouth. The rapidity of the flow is such that hardly is there any standard whereby it can be measured even approximately. However, it pleases the commentators to say that the time duration of one thought-movement is even less than one-billionth part of the time occupied by a flash of lightning.

Here we find a juxta-position of such fleeting mental states of consciousness opposed to a super-position of such states as some appear to believe. No state once gone ever recurs nor is identical with what goes before. But we worldlings, veiled by the web of illusion, mistake this apparent continuity to be something eternal and go to the extent of introducing an unchanging soul, an *Atta*, the supposed doer and receptacle of all actions to this ever-changing consciousness.

"The so-called being is like a flash of lightning that is resolved into a succession of sparks that follow upon one another with such rapidity that the human retina cannot perceive them separately, nor can the uninstructed conceive of such succession of separate sparks". As the wheel of a cart rests on the ground at one point, so does the being live only for one thought-moment. It is always in the present, and is ever slipping into the irrevocable past. What we shall become is determined by this present thought-moment.

If there is no soul, what is it that is reborn? one might ask. Well, there is nothing to be re-born. When life ceases the *Kammic* energy re-materialises itself in another form. As Bhikkhu Silacara says: *"Unseen it passes whithersoever the conditions appropriate to its visible manifestation are present. Here showing itself as a tiny gnat or worm, there making its presence known in the dazzling magnificence of a Deva or an Archangel's existence. When one mode of its manifestation ceases it merely passes on, and where subtle circumstances offer, reveals itself afresh in another name or form"*.

Birth is the arising of the psycho-physical phenomena. Death is merely the temporary end of a temporary phenomenon.

Just as the arising of a physical state is condi-

tioned by a preceding state as its cause, so the appearance of psychophysical phenomena is conditioned by causes anterior to its birth. As the process of one life-span is possible without a permanent entity passing from one thought-moment to another, so a series of life-processes is possible without an immortal soul to transmigrate from one existence to another.

Buddhism does not totally deny the existence of a personality in an empirical sense. It only attempts to show that it does not exist in an ultimate sense. The Buddhist philosophical term for an individual is *Santana*, i.e., a flux or a continuity. It includes the mental and physical elements as well. The *Kammic* force of each individual binds the elements together. This uninterrupted flux or continuity of psychophysical phenomenon, which is conditioned by *Kamma*, and not limited only to the present life, but having its source in the beginningless past and its continuation in the future - is the Buddhist substitute for the permanent ego or the immortal soul of other religions.

FOOTNOTES OF TRANSLATER

HUME, David (1711-1776): Scottish philosopher and historian. Expounder of philosophical skepticism Author of *A Treatise of Human Nature* (1739-1740) and *History of England* (1754-1762) etc.

BETGSON, Henri Louis (1859-1941): French philosopher. One of the most influential thinkers of his time. Professor, College de France (1900-1921). Works included *Matière et Mémoire* (1896), *Introduction à la Métaphysique* (1903), *L'Évolution Créatrice* (1907). Awarded Nobel Prize for literature (1928).

WATSON, John Broadus (1878-1958): American psychologist, born in Greenville, South Carolina. Professor, John Hopkins University (1908-1920); a leading exponent and popularized of Behaviourism. Wrote *Animal Education* (1903); *Behaviour* (1914) and *Psychological Care of Infant and Child* (1928) etc.

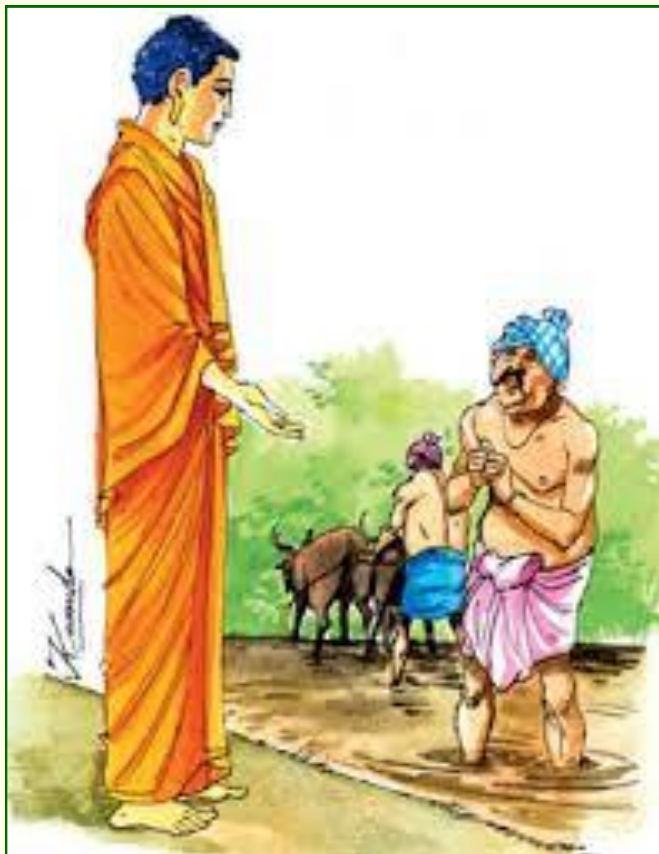
See "Compendium of Philosophy", Introduction, p.12.

(to be continued...)



CÀY CÂY TRÊN ĐẤT TÂM

(*Câu Chuyện Dưới Cờ — bài viết hàng tuần của GDPT*
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



đoàn, chỉ có một vị trưởng giả (trước đây cũng là nông phu nhưng bây giờ đã trở nên giàu có) ganh tị trước sự kính ngưỡng của mọi người với đức Phật, lên tiếng trách móc đức Phật rằng: “Chúng tôi hằng ngày phải siêng năng cày cấy, làm việc mệt nhọc mới có ngày thu hoạch như hôm nay; tại sao ngài không học làm theo chúng tôi?”

Đức Phật từ tốn trả lời: “Ông trưởng giả! Tôi cũng có cày ruộng vậy.”

Ông trưởng giả ngạc nhiên: “Ngài cũng là một người nông phu sao? thế thì trâu của ngài đâu? hạt giống và ruộng của ngài ở đâu?”

Đức Phật nói: “Tâm địa của chúng sanh là ruộng của tôi, bát chánh đạo là hạt giống của tôi, hạnh Tinh tấn là con trâu cày ruộng của tôi. Tôi gieo hạt giống bát chánh đạo vào mảnh ruộng là đất tâm của chúng sanh, siêng năng cày cấy trên đất tâm của chúng sanh, khiến họ nhổ trừ được phiền não khổ đau, đạt được an lạc, đó là sự thu hoạch của tôi.”

Ông trưởng giả nghe xong, cảm nhận sâu sắc lời Phật dạy, lập tức đánh lễ sám hối với đức Phật, sai gia nhân đem sữa và gạo tốt nhất ra cúng dường đức Phật và Tăng đoàn của ngài; rồi ông quỳ xuống, xin quy y với ngài và cảm động thưa: “Xin đức Thế Tôn nhận đồ cúng dường của con. Ngài đã cày trên ruộng Tâm con, gieo hạt giống hiền thiện vào Tâm con, con sẽ gặt hái được quả phúc.”

Thân kính chúc Anh Chị Em siêng năng cày cấy trên đất Tâm của mình cho đến ngày hạt giống Bát Chánh Đạo nở ra đóa hoa Giải thoát.

Trân trọng,
BBT

Thưa Anh Chị Em Huỳnh trưởng bốn phương,

Nhiều người do suy nghĩ lệch lạc, cho rằng tu sĩ là những người ăn bám xã hội, chỉ dựa vào sự cúng dường của chúng sanh chứ không làm ra của cải vật chất ích lợi cho xã hội. Suy nghĩ này không phải chỉ ở thời đại văn minh, vật chất, đồng tiền quyết định tất cả mới có, mà từ ngàn năm trước đã có rồi.

Thật vậy, đức Phật Thích Ca, trước đó là một vị thái tử của một đất nước phú cường (Xứ Ca Tỳ La vệ). Ngài đã bỏ cung vàng điện ngọc, ngôi báu giang sơn, quyết chí ra đi tìm cho được con đường cứu độ chúng sanh, nhưng vẫn còn có người không hiểu khi ngài khoác chiếc áo cà sa đi khát thực. Xin kể lại câu chuyện đức Phật tiếp xúc với những nông phu và những ông trưởng giả, phú hộ thời đó và cách giáo dục tư tưởng cho một vị trưởng giả có suy nghĩ lệch lạc kia.

Vào một ngày mùa đông vui của làng quê, nông phu tụ họp lại để ăn mừng mùa gặt, không khí hân hoan phấn khởi. Đức Phật và Tăng đoàn của ngài ghé thăm nông trang; nhiều gia đình nông phu cùng kính đem phẩm vật đến cúng dường ngài và Tăng





MÓNG TÂM, THOÁI TÂM

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Chuyện kể rằng có hai thầy trò kia, một vị sư phụ và một chú Sa Di thị giả đi với nhau xuyên qua một khu rừng; Sư phụ đi trước đệ tử theo sau bưng tay nải cho Sư phụ. Bất ngờ, một con hổ nhảy ra, chú Sa Di nhảy lên trước Sư Phụ, sẵn sàng bảo vệ Thầy mình. Sư phụ thất kinh, nhẩy tới kéo đệ tử mình về, đánh đuối cọt đi rồi hai thầy trò tiếp tục lên đường; nhưng Sư Phụ đứng lại chờ người đệ tử rồi dừng bước để người đệ tử đi trước và giành lấy tay nải tự xách đi sau. Người đệ tử sau phút xúc động đến bàng hoàng liền suy nghĩ xem tại sao Sư phụ lại nhường mình đi trước? — A phải rồi, vì ta đã hy sinh nhảy ra chặn hổ cứu sư phụ! Người Thầy đọc được tư tưởng ấy (Sư phụ có tha tâm thông mà!) liền bước lên phía trước, giao tay nải cho đệ tử rồi tiếp tục đi, chú Sa Di ôm tay nải, rảo bước theo sau...

Thế đấy, thưa Anh Chị Em ! Nói thì lâu nhưng sự chuyển hoá tâm thức xảy ra trong tích tắc. Một người được gọi là Sư Phụ, đệ tử, là Anh là Chị hay là em là thầy là trò v.v... không phải do tuổi tác, cấp bậc, học vị, chức tước, quyền uy, v.v... của thế gian mà do nơi phẩm chất, đạo đức... nói chung là “kích thước” cái Tâm của người ấy. Như trong chuyện kể trên đây, chú Sa Di khi nhảy ra cứu Thầy hoàn toàn không suy nghĩ lợi hại, không nghĩ đến bản thân mình, đó chính là tâm địa rộng lớn của một vị Bồ tát—không khác gì cử chỉ của vị thiên sư lóc thịt của mình cho con vật sắp bị chết đói—đó là cái Tâm đã đạt đến chỗ vô ngã, bồ thí Ba La Mật, “cho” mà không thấy có người cho, vật đem cho và người nhận; và làm cái việc bồ thí cả thân mạng mình mà không hề suy nghĩ đắn đo, người Sư Phụ nhận thấy rằng “nó tuy là đệ tử của ta nhưng tâm địa của nó rộng lớn hơn ta nhiều, công phu tu luyện chưa đến đâu nhưng gặp nguy hiểm là xả thân cứu người. Ta cần

phải học hỏi nó, ta phải là đệ tử của nó chứ không phải là Thầy của nó đâu.” Đó là lý do tại sao sư phụ đi xuống dưới, bưng tay nải để cho người đệ tử đi trước. Đó là sự kính trọng, ngưỡng mộ, bái phục. Thế nhưng về phần người đệ tử, sau khi “xuất thần” quên mình cứu Sư Phụ, và được Sư phụ đánh giá cao, cậu ta đã mất sự tỉnh giác, đánh mất chánh niệm, để Tâm mong khởi lên tư tưởng tự mãn, cảm giác ngã mạn làm ô nhiễm Tâm và trong phút chốc tòa lâu đài vĩ đại của Tâm Thanh tịnh bị sụp đổ, vị bồ tát vừa xuất hiện chợt biến mất, để trở lại một chú Sa Di tầm thường nhỏ nhoi vì cái tư duy cạn cợt, ấu trĩ, thâm hại của mình... Sư phụ đọc được những gì mong khởi trong Tâm người đệ tử, biết rằng Tâm Phật đã rời xa, người đệ tử đã “bình thường và tầm thường” trở lại... như chúng ta thường nói “phút trước là Phật, phút sau là Ma”...

Chúng ta cũng vậy, trong một ngày 24 giờ, chúng ta làm Phật (tâm Thanh Tịnh) được bao lâu? Cho nên chúng ta phải nên luôn tỉnh giác, soi rọi lại Tâm mình, đừng để khởi lên những Tâm bất thiện (Chúng ta đều biết thế nào là Tâm bất thiện rồi! Đó là Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Ngã mạn, Tâm Nghi ngờ, Tâm Đố kỵ v.v... những Tâm làm

chậm sự tiến bộ, làm chướng ngại sự tu tập của chúng ta, nói chung là làm ô nhiễm Tâm. Đó là những đám mây đen làm bầu trời Tâm tối lại, giông bão phiền não nổi lên... làm chúng ta rơi vào Địa ngục, đau khổ không lối thoát!).

Người Huynh trưởng GDPT khi nói rằng mình mặc áo Lam cài Hoa Sen Trắng có nghĩa mình sống, thực hành theo 5 Hạnh của chư Phật chư Bồ Tát và quy y Tam Bảo, cũng là nói rằng mình luôn tôn trọng 5 điều luật và 3 đức tính trong châm ngôn của GDPT; điều này rất lớn lao, vĩ đại, không phải dễ dàng chút nào. Đó chính là ý nghĩa Huy hiệu Hoa Sen mà anh chị em chúng ta đã được học từ khi mới vào Đoàn nhưng thời gian hoàn thành có thể là cả đời chưa xong! Bởi vậy, đạo Phật nói chung, GDPT nói riêng, không có cao thấp, hơn thua ở hình tướng bên ngoài; con người là thánh hay phàm, đáng kính hay đáng chê chỉ là ở cách suy nghĩ, cách nói năng, cách sống của mình. Phật Pháp chỉ có lợi nếu chúng ta biết áp dụng vào cuộc sống sao cho mỗi ngày thêm một chút vị tha, rời xa vị kỷ để một ngày kia thấu hiểu được bằng kinh nghiệm bản thân ý nghĩa của “Tất cả là Một” hay “Một là Tất cả.”

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam





ANH EM NHƯ THỂ TAY CHÂN

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Thưa Anh Chị Em Lam Viên bốn phương,
Có những bài học từ thuở ấu thơ nhưng đã để lại trong lòng chúng ta những ấn tượng thật sâu sắc, nhất là khi trưởng thành, trên đường đời, chúng ta lại gặp những tình huống tương tự.

Thưa Anh Chị Em,
Còn nhớ bài học “Anh Em phải hòa thuận” hay không?

Có hai anh em nhà kia cứ ganh tị nhau, tranh cãi nhau hoài. Người cha mới kể câu chuyện của hai bàn tay cho hai anh em nghe: **“Một hôm tay trái thấy tay phải việc gì cũng dành lấy mà làm, mới đem lòng ganh tị và sinh sự cãi vã nhau. Hễ tay phải cầm cái gì thì tay trái giựt lại, rồi hai tay đánh nhau, cho đến nỗi cả hai tay đều bị thương, đau đớn. Lúc ấy, cái đầu mới bảo hai tay rằng: Chúng mày là anh em, cùng chung một dòng máu, chúng mày không biết rằng đứa này làm đau đứa kia, tức là làm đau cả thân thể hay sao? Ngoài ra, khi anh em đánh nhau như vậy, thì mất cả công việc, còn làm ăn gì được nữa?”**

Câu chuyện thật “con nít” phải không? — Nhưng, xin thưa, đôi khi chuyện ACE Huynh trưởng GDPT chúng ta cũng giống như vậy! Trong một Đơn vị kia, một Huynh trưởng thấy Anh /Chị Liên Đoàn Trưởng “dành” nhiều việc quá, được mọi người khen ngợi, bèn “giành” lại để tổ chức những việc Phật sự mà mình không có khả năng, không đủ chuyên môn, không đủ uy tín v.v... rồi gây gỗ nhau, sinh ra nói xấu nhau v.v... làm cho Đơn vị chia rẽ; nếu các em đoàn sinh biết được thì uy tín ban Huynh trưởng cũng sẽ bị ảnh hưởng v.v...

Còn nữa, có một Huynh trưởng nọ, một hôm nào đó trong lòng không vui, tìm cách gây sự với một Huynh trưởng khác—vì HTR này không sinh hoạt trong cùng hệ thống với mình, quên mất rằng, chúng ta đều là anh em ruột thịt, cùng mang trong mình dòng máu Lam, nếu chúng ta không hòa thuận thương yêu nhau mà ngược lại còn đá nhau thì thân thể GDPT sẽ đau đớn và những con vi trùng bất thiện dễ xâm nhập vào quây phá, làm tan nát cơ thể GDPT của chúng ta. Như vậy, chính chúng ta làm suy yếu mình, không có ai xen vào làm hại chúng ta được, nếu chúng ta không tự làm hại mình trước cả!

Chúng ta hãy dùng cái đầu (Trí tuệ) để suy gẫm, quán chiếu mọi việc trước khi hành động, hãy giữ gìn chánh niệm trong mọi lúc để những việc làm của Thân, Miệng, Ý luôn được thanh tịnh, không gây ra lỗi gì trong khi nói năng, suy nghĩ và hành động.

Được như vậy tức là chúng ta đã xây dựng Gia Đình Phật Tử mình, Đơn vị mình, bằng những nỗ lực âm thầm đáng khen, không cần phải nổi danh hay được mọi người biết đến.

ACE chúng ta đều đã biết Lục Hoà, Nhẫn nhục, Từ Bi, Hỷ Xả v.v... đủ thứ hết; chỉ là học xong thì cất kỹ quá nên làm biếng lấy ra để áp dụng, thực hành mà thôi.

Thân mến kính chúc ACE tinh tấn tu học và tu tập những điều đã học được từ Phật Pháp, để giải thoát mình ra khỏi những phiền não thường ngày, sống an lạc và đem an lạc đến cho mọi người quanh mình.

Trân trọng,
BBT

BỜ ẢO

thơ

*Tâm mộng tưởng, chân vẫn còn trên đất
Lối đi về phủ rợp bóng sân si
Thân tứ đại hạt mè chìm đáy nước
Bên kia bờ lãng đãng bước sa di...*

BẤT KHẢ TƯ NGHÌ

*Lều tranh, vách đất ở được
Cớ sao người bỏ ra đi
Cuốn nhau còn tươi trong đất
Rõ nghe có tiếng thềm thì*

*Trời mưa như cầm chĩnh đổ
Ô kìa em thấy gì không
Lá hoa bọt bèo trên nước
Ngàn năm mây trắng bành bồng*

*Bóng núi cạnh lời già biệt
Bình minh đánh thức cỏ cây
Giọt sương lỏng lạnh tình đầy
Nghĩa nhân cầu chi thiên hạ*

*Tâm gieo hạt mầm chánh quả
Cười vui giữa chốn sinh ly
Gạn lòng hỏi chi hạt bụi
Pháp môn: bất khả tư nghĩ...*

TÂM AN-XUYÊN TRÀ

CON TRAI TỶ PHÚ ĐI TU

Tâm Minh Ngô Tằng Giao phóng tác

Một phóng viên nhà báo đăng lên trang nhất kể rằng vào năm 2008, khi phóng viên và bạn mình đang ngồi ăn tối trong nhà hàng thì thấy một người đàn ông đứng ngoài hành lang của khách sạn. Họ nghĩ ông ấy đến một mình nên quyết định mời ông cùng ăn tối. Nhưng ông từ chối không ăn và nói rằng ông đang phải đi đến phòng tập thể dục.

Buổi sáng hôm sau, họ lại gặp người đàn ông ấy ở đại sảnh khách sạn và để ý là ông ta cũng vẫn mặc bộ quần áo hôm qua. Ông xin lỗi nhà báo và quay sang nhìn nhà sư trẻ tuổi đang ngồi cạnh đó, nói một cách triu mến: "Con ơi, đã đến giờ chúng ta phải đi về nhà rồi". Người con trai vâng lời, xách cái túi vải nhỏ để ở dưới sân nhà lên rồi đi theo cha.

Trước đó, vì tò mò khi thấy sự hiện diện của một nhà sư tại khách sạn Uma, thành phố Paro, nên nhà báo đã đến trò chuyện với sư ấy. Sư độ chừng ba mươi tuổi, tóc cạo ngắn, mặc y áo và mang dép. Nhà sư cho biết rằng: "Hôm qua là sinh nhật lần thứ 70 của cha tôi và ông muốn cùng tôi đến một nơi thật đặc biệt". Nhà sư trẻ lên tiếng khen ngợi thêm: "Đất nước của bạn thật là đẹp."

Người đàn ông lớn tuổi tên là Ananda Krishnan và nhà sư trẻ là người con trai độc nhất của ông. Cả hai đã đáp chiếc máy bay phản lực riêng đến Paro của nước Bhutan để kỷ niệm sinh nhật lần thứ 70 của ông.

Vài năm trước ông đã mất liên lạc với người con trai này và ông phải khởi sự đi tìm con. Cuộc tìm kiếm đã dừng lại tại một ngôi chùa ở miền Bắc Thái Lan. Ông sống sờ khi nhìn thấy con mình trong chiếc y vàng với bình bát trong tay (shocked to see his son in saffron robes, short hair with a begging bowl in his hand). Khi ông đến để mời con mình cùng đi ăn thì người con đáp: "Con xin lỗi, con không thể nhận lời mời của cha được. Con phải làm giống như các bạn đồng tu của con, con phải

đi khất thực mà ăn." Đến nay nhà sư này vẫn sống tại một tu viện trong rừng Thái Lan và giống như tất cả những vị sư khác trong tu viện họ sinh sống bằng sự lệ thuộc vào sự cúng dường của bá tánh.

Câu nói của ông Ananda Krishnan sau đó đã trở thành một đề tài "Với tất cả tài sản của tôi, tôi vẫn không có thể có khả năng để nuôi chính đứa con tôi." (With all my wealth I cannot even afford to feed my own son.)

Theo tờ Wall Street Journal công bố thì ông Ananda là một trong 29 tỷ phú giàu có nhất Đông Nam Á. Ông là chủ tịch tập đoàn Usaha Tegas. Ông là một trong những nhân vật hàng đầu trong lĩnh vực truyền thông và viễn thông ở Mã Lai. Dưới trướng của ông có hãng truyền hình vệ tinh Astro và hãng cung cấp điện thoại di động Maxis Communications.

Theo bình chọn của tạp chí Forbes, gia tài của ông trị giá khoảng 7,6 tỷ đô la (USD). Ông còn là người chuyên làm từ thiện nhưng lại có một cuộc sống rất

bình dị. Cả ông và con trai đều là Phật tử.

Nhà sư trẻ Ajahn nói trên nguyên là con trai độc nhất của ông tỷ phú với người vợ trước, một người Thái Lan. Trong một chuyến trở về thăm quê mẹ Thái Lan, theo phong tục Thái Lan thì các thanh niên, tuy không bị bắt buộc, nhưng thường hay gia nhập Tăng đoàn trong một thời gian ngắn trước khi trở lại đời sống trần tục. Ajahn lúc đó mới 18 tuổi (1989).

Chàng được trưởng thành và giáo dục tại nước Anh nên đầu óc rất cởi mở với các nền văn hóa khác nhau. Chàng có thể nói được tới tám thứ tiếng khác nhau (eight different languages).

Theo chàng thì thời gian gia nhập Tăng đoàn tạm thời này sẽ rất "vui" (fun). Đây là lần đầu tiên mà chàng tiếp xúc với Phật giáo, một khái niệm rất là mới mẻ với chàng.

Nhưng không ngờ thời gian ngắn ngủi đó đã hoàn toàn làm chàng thay đổi sự suy nghĩ về Đạo phật và cuộc sống của các vị tu sĩ. Theo truyền thống Theravada thì người tu chỉ ăn có một lần trong



một ngày vào trước 12 giờ trưa. Sau giờ này thời không được phép ăn thêm một thứ thức ăn nặng nào khác nữa. Chương trình dự trù chỉ là sống đời tu sĩ trong hai tuần lễ nào ngờ đã trở nên vĩnh viễn. Chàng hiện đang tu ở trong một Thiền viện ở Thái Lan với 60 tu sĩ khác. Chàng đã từ chối cơ hội làm việc cùng với cha mình để khuếch trương cái già tài của cha.

Tuy rất bận rộn vì công việc nhưng tỷ phú Ananda cũng phải bỏ chút thời giờ để đi thăm con trai. Tuy đi tu nhưng chàng vẫn tiếp xúc và liên lạc với cha và người cha cũng thỉnh thoảng đến thăm chàng. Lúc mà người ta thấy Ajahn đi máy bay phản lực riêng của cha mình tới nước Ý là lúc mà chàng phải tới gặp cha và chung vui cùng cha nhân dịp kỷ niệm sinh nhật thứ 70 của cha.

Hình ảnh một ông sư trẻ tuổi ăn mặc đơn sơ trong áo thầy tu và chỉ mang một cái túi xách nhỏ nhưng lại đi trên một chiếc phản lực cơ riêng và rồi trú ngụ trong một khách sạn rất sang trọng ở nước Ý đã làm nhiều nhà báo phải chú ý và đưa tin lên trang nhất.

Câu chuyện này cho chúng ta thấy rằng, nếu muốn đạt được hạnh phúc và thỏa mãn thực sự, chúng ta phải vượt qua khỏi những khái niệm về vật chất, tinh thần và cảm xúc. (requires us to go beyond physical, mental, and emotional dimension). Con trai của nhà tỷ phú Krishnan cho chúng ta thấy chính sự buông bỏ mới là một tài sản lớn hơn và sự tu hành là tài sản lớn nhất trong cuộc đời chúng ta. Tiền bạc không mang lại sự an bình trong nội tâm (money will not buy inner peace).

Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng từng nói rằng: "Dù cho dân số năm tỷ người hiện đang sống trên trái đất này trở thành triệu phú hết, nhưng thiếu vắng sự an lạc nội tâm thì con người vẫn không thể có sự bình an và hạnh phúc lâu dài" (Live In A Better Way). "Nếu tiền bạc, của cải, quyền lực mang đến sự an vui thì có lẽ những vị vua chúa hay các vị lãnh đạo đất nước đều đã được an vui rồi." (Ethics For The New Millennium.)

Tâm Minh Ngô Tăng Giao
phóng tác theo phatgiao.org.vn



(Ngày Xuân tưởng nhớ đến vị Anh Hùng Dân Tộc
đại thắng chiến trận Đống Đa mùa Xuân 1789)

ĐẠI ĐẾ QUANG TRUNG

*Khí thiêng hun đúc bậc anh hào!
Vững thể nhân dân, khóc chiến bào.*

*Nam Bắc phân tranh, hờn nước loạn,
Tây Sơn quét khởi, rợp cờ đào.
Rạch Gầm một trận, kinh vua Thái,
Gò Đống ngàn năm khiếp giặc Tàu.*

*Vĩ phong Quang Trung tròn tuổi thọ,
Non sông Đại Việt thế này sao!*

(Vẫn niềm ước mơ này, một hoài vọng mỗi độ xuân về.
Hoài vọng chưa hiện thực, thì ta lại ước mơ thêm,

vẫn mãi là hoài vọng...)

XUÂN VỌNG

*Vọng một mùa Xuân ngập sắc hoa,
Thanh bình trải khắp dãy sơn hà.*

*Đồng quê bông lúa vươn thơm ngát,
Xương thợ tình thân kết đậm đà.
Tù ngục biến tan, đời thiện lạc,
Học đường nở rộ, trẻ hoan ca.*

*Thương yêu về dựng mùa Xuân thắm,
Nắng ấm tự do quyền thiết tha..*

thơ

CHÂN MINH TRÍ (H.V.Q.)

Ngoài kia Xuân đã về

HOANG PHONG

Ngoài kia xuân đã về

Thức giấc sớm tinh sương,
Đứng trước tấm gương soi,
Dù kẻ mặt thật gần,
Chẳng thấy mình trong gương.

Vội thả một nén hương,
Chẳng khói cũng chẳng thơm.
Trèo đôi chân ngồi xuống,
Ngõ như ngồi trong gương.

Cất tiếng niệm câu chú:
Gya tei, gya tei,
Hara gya tei hara so gya tei
Bo ji so wa ka.

Tuy câu chú có thuộc,
Nhưng dường như không lời.
Như chép miệng trong gương.
Tiếng mõ chứng im bật.

Giật mình nhìn lên bề,
Cứ ngỡ rằng trong mơ:
Pho tượng Phật đi vắng.
Ngoài kia xuân đã về.

Câu chú: **Gya tei, gya tei, hara gya tei hara so gya tei, Bo ji so wa ka**, là tiếng Phạn. Câu này được dịch âm sang tiếng Hán là: **Yết đế, yết đế, ba-la yết đế, ba-la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha**. Xin tạm dịch nghĩa như sau:

**Vượt lên, vượt lên,
Hãy cùng nhau vượt lên, đến tận bên kia,
của bên kia bờ Giác Ngộ.**

Cách dịch thường thấy của câu này là: *hoàn toàn vượt sang bờ bên kia*. Thế nhưng bờ bên kia dù là đã hoàn toàn đạt được hay chưa đạt được thì nó cũng vẫn còn là một đối tượng, một chủ đích, một mục tiêu, phản ánh một vị trí trong không gian và thời gian. Trái lại cách dịch đề nghị trên đây có thể nêu lên được ý nghĩa siêu việt của câu chú này trong Tâm Kinh. Nếu vượt được sang "*bên kia của bờ bên kia*" thì cũng có nghĩa là đến được một nơi nào đó không còn một mốc không gian hay thời gian nào nữa. Nơi đó sẽ không phải là một sự trống không tuyệt đối mà là một sự tự do hoàn toàn nói lên sự Giải Thoát, phản ánh tinh thần và ý nghĩa của khái niệm Tánh Không trong Tâm Kinh. Thật ra thì cách dịch này cũng đã được một số các thiền sư của Hội Thiền Học Quốc Tế AZI/Association Zen Internationale) - trong số này có vị thầy Roland Yuno Rech - đề nghị và đã được dịch sang tiếng Pháp như sau: "*Aller, aller, aller ensemble au-delà du par-delà*,



jusqu'à l'accomplissement de la voie", có thể tạm dịch sang tiếng Anh là: "*Go, go, go together beyond the beyond...*" Câu này được hội Thiền Học Zen Hoa Kỳ (AZA/American Zen Association) dịch là: "*Go, go, go together, beyond, fully beyond, to the shore of satori.*"

Mỗi buổi sáng khi thức giấc chúng ta có cảm giác như vừa thoát khỏi một giấc mơ đêm mà mình không hiểu cũng không giải thích được, đôi khi giấc mơ ấy cũng còn là cả một cơn ác mộng nữa. Vươn vai và cảm thấy sảng khoái, mở cửa sổ, ánh sáng và hơi mát ban mai lùa vào phòng, thế nhưng thật ra chúng ta đang tiếp tục rơi vào một giấc mơ khác, qua những hình thức khác. Cảnh vật chung quanh, các tế bào trên thân xác và các tư duy trong tâm thức, tất cả vẫn tiếp tục vận hành tương tự như những ảo giác hiện ra trong giấc mơ của mình trong đêm qua.

Khi nào dù là đang đứng trước gương nhưng vẫn không trông thấy mình đâu cả, đang nhịp chiếc mõ thật đều nhưng chỉ nghe thấy một sự yên lặng mênh mông, và nén hương đang cháy trước mặt chẳng bốc lên một mùi thơm nào, thì khi ấy các ảo giác mới tan biến hết, và cũng chỉ khi ấy pho tượng Phật mới không còn ngồi im trên bệ nữa mà hiện ra và mỉm cười với mình bên trong con tim mình, và một mùa xuân bất tận sẽ tỏa rộng, êm ả trong tâm hồn mình và rạng rỡ trong không gian chung quanh mình.

NGHỆ THUẬT THƠ | ARS POETICA

Archibald MacLeish

Phan Quỳnh Trân dịch và giới thiệu



ARCHIBALD MACLEISH
(1892-1982)

MacLeish được đào tạo thành luật sư ở một trường đại học danh tiếng nhất nước Mỹ (Harvard), nhưng sự nghiệp chính của ông, về phương diện xã hội, lại là quản thủ của Thư viện Quốc Hội, nơi ông được đánh giá là một trong những quản thủ thư viện có viễn kiến và ảnh hưởng nhất tại Mỹ trong suốt thế kỷ 20. Tuy nhiên, sự nghiệp xã hội ấy không thể sánh được với sự nghiệp văn học của ông. Là một nhà thơ và nhà văn nổi tiếng, MacLeish ba lần đoạt giải Pulitzer. Ông đi nhiều, quen biết rộng rãi với nhiều cây bút lớn nhất trong thời đại của ông, từ T.S. Eliot đến Ezra Pound, từ E.E. Cummings đến John Dos Passos, từ James Joyce đến Ernest Hemingway, v.v... Và ông cũng góp phần làm cho sinh hoạt văn học ở những nơi ông tham gia khởi sắc hẳn lên. Bởi vậy, nhiều nhà phê bình chia cuộc đời của ông ra thành nhiều giai đoạn với những thành phố khác nhau, và ở mỗi nơi ông đều là một khuôn mặt sáng chói: Paris những năm 1920, New York và Washington những năm 1940, và đại học Harvard những năm 1950.

Về thơ, bài "Nghệ thuật thơ" (Ars Poetica) dưới đây là bài thơ nổi tiếng nhất của MacLeish đồng thời cũng là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất cho chủ nghĩa hiện đại. Hai câu cuối: "Bài thơ không nên có nghĩa / Nó chỉ hiện hữu" được coi như một thứ tuyên ngôn về thơ hiện đại nói chung.

ARS POETICA

A poem should be palpable and mute
As a globed fruit,

Dumb
As old medallions to the thumb,

Silent as the sleeve-worn stone
Of casement ledges where the moss has grown—

A poem should be wordless
As the flight of birds.

*

A poem should be motionless in time
As the moon climbs,

Leaving, as the moon releases
Twig by twig the night-entangled trees,

Leaving, as the moon behind the winter leaves,
Memory by memory the mind—

A poem should be motionless in time
As the moon climbs.

*

A poem should be equal to:
Not true.

For all the history of grief
An empty doorway and a maple leaf.

For love
The leaning grasses and two lights above the sea—

A poem should not mean
But be.

NGHỆ THUẬT THƠ

*Bài thơ nên khả xúc và lắng lẽ
Như một trái cây tròn*

*Câm nín
Như những tâm mê đầy cũ chạm vào ngón cái*

*Im lặng như phiến đá mòn nhẵn dưới khuỷu tay
Trên gờ cửa sổ rêu mọc*

*Bài thơ nên vô ngôn
Như đường bay của chim*

*

*Bài thơ nên bất động trong thời gian
Như ánh trăng vươn lên*

*Để lại, như ánh trăng nhả ra
từng nhánh cây vương bóng đêm,*

*Để lại, như ánh trăng khuất sau những chiếc lá
mùa đông,
để lại từng mảnh ký ức trong tâm hồn—*

*Bài thơ nên bất động trong thời gian
Như ánh trăng vươn lên*

*

*Bài thơ nên tương đương với sự thật,
nhưng không phải là sự thật.*

*Nó kể lại cả lịch sử của nỗi đau buồn
bằng một khung cửa trống và một chiếc lá phong*

*Nó diễn tả tình yêu
bằng những cọng cỏ rạp và đôi ngọn đèn trên
mặt biển—*

*Bài thơ không nên có nghĩa
Nó chỉ hiện hữu.*

(**Phan Quỳnh Trâm** dịch từ nguyên tác Anh ngữ
“Ars Poetica” của Archibald MacLeish, trên
trang POETS.org – From the Academy of American Poets.
<http://phanquynhtram.com/2014/02/28/nghe-thuat-tho/>)



TỰ KHÚC NGÀY

*chủ nhật. Sáng!
ban công, em, ly café nhả khói
nốt nhạc rơi đều trên thành cửa sổ
gió mang tiếng chim từ nơi khác vọng về
hòa vào tiếng nhạc
em ngỡ là tiếng anh*

*chủ nhật. Trưa!
gió lang thang miền lạ
căn phòng nhỏ nóng bức
nắng hanh nồng tấp vào da thịt
chiếc bàn nhỏ: sách, bản thảo, internet...
không gian bỗng xoay chiều
miên man...
cánh đồng đầy gió
em và anh...*

*chủ nhật. Chiều!
tiếng gió đập trên mái tôn
nhạc đồng quê yên ả bên nhà hàng xóm
quán café chật chội
những bộ óc vô hồn nói cười rôm rả
khỏi thuốc vòng vèo không có lối ra
nhét mình vào nỗi nhớ
em - dây phở dài hun hút...*

*chủ nhật. Buồn!
mưa nặng hạt
tóc xòa trong nỗi nhớ
em: cô bé chơi nhà chòi
một mình
xếp những chiếc thuyền
trôi về phía không anh...*

thơ

NGUYỄN HẬU

Độc bài thơ 'Đăng Vương Các Tự' của Thi hào Vương Bột

LAM NGUYỄN

(Ghi chú của BBT Chánh Pháp: Vì số trang giới hạn, và để đăng trọn vẹn bài dịch cùng với nguyên tác của thi hào Vương Bột, chúng tôi phải in chữ nhỏ cho vừa 2 trang giấy để bạn đọc tiện theo dõi. Xin cảm thông cho sự bất tiện này)

Bài Đăng Vương Các Tự là của thi hào Vương Bột (649-676). Ông là thi nhân vào thời Sơ Đường (618-713) và cũng là một trong bốn thi nhân được người thời ấy gọi là Sơ Đường Tứ Kiệt gồm các ông: Vương Bột, Dương Quynh, Lư Chiếu Lân và Lạc Tân Vương.

Wang Bột tự là Tử An, cháu nội Vương Thông và gọi Vương Tích bằng ông chú. Năm lên 9 tuổi, ông đã từng phê bình chỗ hay chỗ dở trong sách của Nhan Sư Cổ chủ giải sách Hán thư. Vương Thông thấy cháu nội của mình thích chơi bút mực nên hỏi Vương Bột rằng:

"Cháu làm văn chương đây à?"

Wang Bột thần nhiên đáp:

"Thưa vâng."

Wang Thông bèn ra một đầu đề là "Thái công ngộ Văn vương tẩn." Và Vương Bột viết ngay:

Cơ Xương mến đức người tài,

Có ông Lã Vọng tạnh hay trốn đời.

Thành kia nào có xa xôi,

Mà ông chưa được ai người biết tên.

Ngày ngày tượng đá ngồi bên,

Buồng câu bãi cát, lòng bền chờ vua.

Đường kia giữa núi âm u,

Suối sâu lòng suối, bờ vừa nghiêng nghiêng.

Cọp beo phá khuấy chẳng kiêng,

Diệt tà đã có rồng thiêng trong triều.

Gặp nhau ắt phải quen nhiều,

Bỏ luân còn đợi xe mau rước mình.

Nhà vua tay nắm, trao tình,

Còn chờ gì nữa trao mình cho vua.

(GS.Huỳnh Minh Đức dịch)

Nhân lúc đi thăm cha ở Giao Chỉ, Vương Bột bị chết đuối giữa biển cả, tuổi mới vừa 27. Và cùng năm ông đi thăm cha, lúc ấy nhằm ngày Mồng 9 tháng 9, đi ngang qua Chung Lăng gặp lúc quan Đô đốc Diêm Bá Tư đãi yến Đăng Vương Các, Vương Bột được tham dự nên đã viết bài Đăng Vương Các Tự, một thiên biến văn nổi tiếng thiên cổ như sau:

ĐĂNG VƯƠNG CÁC TỰ

Nam Xương cố quận, Hồng Đô tân phủ
Tinh phân Dịch Chấn, Địa tiếp Hành Lô
Khâm Tam Giang nhi đối Ngũ Hồ;
Khổng Man Kinh, nhi dẫn Âu Việt
Vật hoa thiên bảo, Long quang xạ Ngưu, Đầu chi khứ;
Nhân kiệt địa linh, Tử Trí hạ Trần Phồn chi tháp.
Hùng Châu vụ liệt, Tuấn thái tinh trì.
Đài hoàng chẩm Di Hạ chi giao,
Tân chủ tận Đông Nam chi mỹ.
Đô- đốc Diêm Công chi nhĩ vọng, Khải kích giao lâm.
Vũ Văn tân-châu chi ý phạm, Thiêm duy tạm trú.
Thập tuần hưu hạ, Thặng hữu như văn
Thiên lý phùng nghinh, Cao băng mãn tọa.

Đăng giao khởi phượng, Mạnh học sĩ chi tử tôn;
Tử điện thanh sương, Vương tướng quân chi vũ khố.
Gia quân tác tể, lộ xuất danh khu;
Đồng tử hà tri, Cung phùng thắng tiến.
Thời duy cứu nguyệt, Tự thuộc tam thu,
Lao thủy tận nhi hàn đàm thanh,
Yên quang ngưng nhi mộ sơn tử.
Nghiêm tham phi ư thượng lộ,
Phong phong cảnh ư sùng a.
Lâm đế tử chi Trường Châu,
Đắc tiên nhân chi cứu quán.
Tăng loan tủng thúy, Thượng xuất trùng tiêu,
Phi các lưu đan, Hạ lâm vô địa;
Hạc đính phù chữ, Cung đảo dự chi oanh hồi;
Quê điện lan cung, Liệt cương loan chi thể thể.
Phi tử thất, Phủ điều manh,
Sơn nguyên khoáng kỳ doanh thị,
Xuyên trạch hu kỳ hải chúc,
Lữ diêm phác địa, Chung minh đỉnh thực chi gia;
Kha hạm mê tân, Thanh tước hoàng long chi trực.
Hồng tiêu vũ tể, Thái triết vân cù.
Lạc hà dữ cô vụ tề phi,
Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.
Ngư chu xướng văn, Hưởng cùng Bành Lãi chi tân;
Nhạn trận kinh hàn, thanh đoạn Hành Dương chi phố.
Đao ngâm phủ xướng, Dật hứng suyền phi;
Sảng lải phát nhi thanh phong sinh,
Tiềm ca ngưng nhi bạch vân át.
Tuy viên lục trúc, Khí lẳng Bành Trạch chi tôn;
Nghiep thủy chu hoa, Quang chiếu Lâm-xuyên chi bút.
Tử mỹ cụ, Nhị nan tinh.
Cùng thể miện ư trung thiên, Cực ngu du ư hạ nhật.
Thiên cao địa quynh, Giác vũ trụ chi vô cùng.
Hứng tận bỉ lai, Thức doanh hư chi hữu số.
Vọng Trường An ư nhật hạ, Chi Ngô Hội ư vân gian.
Địa thể cực nhi nam minh thắm,
Thiên trụ cao nhi bắc thần viễn.
Quan san nan viết, Thủy bi thất lộ chi nhân?
Bình thủy tương phùng, Tận thị tha hương chi khách.
Hoài đế hôn nhi bất kiến,
Phụng tuyên thất dĩ hà niên?
Ô hô! Thời vận bất tề, Mệnh đồ đa suyển.
Phùng Đường dị lão, Lý Quảng nan phong.
Khuất Giả Nghị ư Trường Sa, Phi vô thánh chủ;
Thoán Lương Hồng ư hải khúc, Khởi pháp minh thì?
Sở lại: Quân tử an bần, Đạt nhân tri mệnh.
Lão đương ích tráng, Ninh tri bạch thủ chi tâm;
Cùng thả ích kiên, Bất trụ thanh vân chi chí.
Chức tham tuyên nhi giác sảng, Xử hạc triết dĩ do hoan.
Bắc Hải tuy xa, Phủ dao khả tiếp;
Đồng ngưng dĩ thế, Tang du phi viễn.
Mạnh Thường cao khiết, Không hoài bảo quốc chi tâm.
Nguyễn Tích xương cường, Khởi hiệu cùng đồ chi khốc?
Bột tam xích vi mệnh, Nhất giới thư sinh.
Vô lộ thành anh, Đăng Chung quân chi nhược quán.
Hữu hoài đầu bút, Mộ Tông Sác chi trường phong.
Xà trâm hốt ư bách linh, Phụng thần hôn ư vạn lý.
Phi Tạ gia chi bảo thụ, Tiếp Mạnh thị chi phương lân.
Tha nhật xu đình, Thao bồi Lý đối;
Kim thần phùng duệ, Hỷ thắc long môn.
Dương Ý bất phùng, Phủ Lăng Vân nhi tự tích,
Chung Kỳ ký ngộ, Tẩu Lưu-thủy dĩ hà tầm?

Ô hô! Thăng địa bất thường, Thịnh diên nan tái.
Lan Đình dĩ hĩ, Tử Trạch khẩu khứ.
Lâm biệt tầng ngôn, Hạnh thừa ân ư vĩ tiến.
Đẳng cao tác phủ, Thị sở vọng ư quần công.
Cảm kiệt bỉ thành, Cung sơ đoàn dẫn.
Nhất ngôn quân phủ, Tử vận câu thành:
Đẳng Vương cao các lâm giang chữ,
Bội ngọc minh loan bãi ca vũ.
Họa đồng triều phi Nam Phổ vân,
Châu liêm mộ quyển Tây Sơn vũ.
Nhân văn đàm ảnh nhật du du,
Vật hoán tình di kỷ độ thu!
Các trung để tử kim hà tại?
Hạm ngoại trường giang không tự lưu!

Vương Bột

GÁC ĐĂNG VƯƠNG

Đất Nam Xương vẫn là quận cũ,
Hồng đồ này tên phủ mới sau.
Hai sao Dục, Chấn phân nhau,
Đất thời tiếp nối nhịp cầu Hành, Lô.
Ba sông chảy Ngũ hồ thu lại,
Thông Châu kinh dẫn tới Việt, Âu.
Báu trời hoa vật một màu,
Anh lên Ngưu Đẩu giữa bầu trời quang.
Đất linh thiêng sinh đàn nhân kiệt,
Giường Trần Phồn đợi thiết Tử quân.
Hồng Châu sương trải giăng giăng.
Anh hùng tuần kiệt tựa bằng sao sa.
Đất Di, Ha tạo ra thành quách,
Trời Đông Nam chủ khách hân hoan.
Diêm Đô độc nhả vọng quan,
Ngựa xe tập nập Vũ quần dự bàn.
Gặp đến lúc mười tuần nhân hạ,
Bạn bè vui chật cả sân nhà.
Dập dồn như áng mây là,
Gặp nhau quên hết đường xa dặm ngàn.
Kìa Giao Phượng họp đàn nhảy múa,
Nọ Mạnh Hầu văn tựa như mây.
Thanh sương, Tử điện gương này,
Ở trong kho báu ai tày Vương gia.
Nhân lúc đến thăm cha Giao Chỉ,
Sẵn tiện đường ghé nghỉ Đẳng lâu.
Bột này tuổi trẻ ngại sao,
May thay cũng được dự vào tiệc vui.
Tiết tháng chín màu trời hiu hắt,
Ngày cuối thu lạnh ngắt nước đầm.
Khởi non thăm tím xa xăm,
Bóng chiều lẳng đặng âm thầm vó câu.
Qua gò đồng nhìn lâu cảnh ấy,
Mới nhận ra một dãy vương lâu.
Người tiên quán cũ giờ đâu,
Lầu cao núi biếc ngang đầu mây bay.
Bến hạc nọ quanh đây cồn cát,
Bãi le kia lác đác đảo gò.
Điện cung lan quế còn trơ,
Bầy ra quang cảnh tường là Bồng lai.
Trước mắt ngắm sông dài trời rộng,
Bên ngàn non hồ lồng bóng gương.
Cửa nhà san sát hàng hàng,
Giàu sang nghĩa hiệp thành làng Đình chung.
Cơn mưa tạnh, cầu vòng rực rỡ,
Đường mây xa động ở bóng chiều.
Cô đơn, rắng lẻ phiêu diêu,
Trời thu một sắc thủy triều mệnh mông.
Khúc hát chài vang trong chiều tối,
Đến bờ xa Bành lái còn nghe.
Nhạn trong cơn lạnh tái tê,
Tiếng kêu tắc nghẹn bên bờ Hành dương.
Giọng ngâm nga vẫn thường tiếp nối,
Tứ đặt diu lúc nổi khi bay.
Lời ca như ở cung mây,
Gió nghe xào xạc quện ngay trên đầu.
Vườn Tỳ trúc rượu đào Bành Trạch,
Hai thú vui thỏa thích như nhau.

Ánh hồng Nghiệp thủy rạng màu,
Lâm xuyên nét bút đẹp sao lạ thường.
Cuộc hành lạc trong trường tử mỹ,
Nhị nan thời được về sáng tươi.
Dọc ngang thỏa thích một đời,
Miệt mài trưa sớm tìm nơi an nhàn.
Ngắm trời đất mệnh mang không tận,
Biết càn khôn xoay vận vô cùng.
Buồn vui tâm sự lòng vòng,
Đầy vơi biến đổi bị thông sự thường.
Buổi ác lặn Hàm dương hiu hắt,
Ngô hội thì mây khuất bóng mờ.
Cột trời cao ngất chờ vợ,
Xa xa cực Bắc, sâu bờ Nam dương.
Bước gập ghềnh quan san quạnh quẽ,
Biết ai thương cho kẻ lạc loài.
Tương phùng bèo nước sông dài,
Túi thân đất khách càng hoài cố hương.
Nhớ để đồ đắm trường khuất nẻo,
Biết năm nào phụng chiếu nhà Tuyên.
Vận thời trắc trở xui nên,
Rủi thay Lý Quảng, lỡ duyên Phùng Đường.
Truất Giả Nghị đất Trường Sa đó,
Có phải vì Thánh đế mà ra.
Lương Hồng ẩn tích phương xa,
Thời này hưng thịnh há là u minh.
Người quân tử giữ mình an phận,
Biết mệnh trời nghèo vẫn thân nhiên.
Càng già chí lớn càng bền,
Há vì tóc bạc mà quên nghĩa đời.
Uống nước tham chăng khởi lòng đục,
Ở lạc khô không chút túi buồn.
Đường cùng, chí lớn vẫn còn,
Nước non một gánh sắt son chung tình.
Xa xa tít dặm trình Bắc hải,
Cánh phù dao gặp hội bay xa.
Gò Đông biên đối ngày qua,
Tang du trở lại như là năm xưa.
Lòng yêu nước vẫn chưa mòn mỏi,
Nên Mạnh Thường sống lối thanh cao.
Há như Nguyễn Tịch thuở nào,
Đường cùng khóc lóc lúc vào khi ra.
Bột này đây vốn là Nho sĩ,
Ba thước tròn dăm nghĩ lưng dài.
Kể ra Bột cũng kém tài,
Thịnh anh đâu được như người họ Chung!
Chí ném bút quyết tông quân ngũ,
Gió Tông quân phá lũ giặc thù.
Trăm năm phú quý xin từ,
Ngàn năm hôm sớm giữ bờ ải quan.
Dầu cây báu không bằng họ Tạ,
Cũng học đòi gia phả Mạnh môn.
Ngày nào lý đối vẹn toàn,
Hôm nay nâng áo cửa rồng vượt qua.
Mặt Dương Y còn xa chưa gặp,
Bãi Lăng văn cao thấp bằng hoàng.
Chung Kỳ hội ngộ cung đàn,
Hành vân lưu thủy then lòng nữa sao!
Nơi thẳng tích thay bao nhiêu bận,
Bữa tiệc vui khó đặng hai lần.
Lan Đình khuất nẻo mây ngàn,
Nay gò Tử Trạch điều tàn thế lương.
Đề đa tạ vài hàng ly biệt,
Khi đẳng cao trình tiết phú này.
Lời quê cảm kích hôm nay,
Bài thơ ba vận giải bày ý sau:
Đẳng Vương cao các đứng bên sông
Tiếng ngọc xa xưa, múa hát xong
Nam phổ cột lồng vân tàn mạn
Tây sơn rèm cuốn vũ phiêu bồng.
Lững thững mây trời hồ nước trong
Suy vì mây độ biết sao cùng
Tìm đâu Đế Tử nơi lâu vắng
Chỉ thấy ngoài hiên nước một giòng!

Lam Nguyên dịch



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V (2015)

PHIẾU GHI DANH

Tham Dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ V

Từ ngày 06/08/2015 đến ngày 10/08/2015

Tại **Town and Country Resort Hotel** – 500 Hotel Circle North, San Diego, CA 92108

Nam-Mô Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính gửi: Ban Điều Hành Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ V

Họ tên: _____ Pháp danh: _____

Địa chỉ: _____

Thành phố: _____ Tiểu bang: _____ Zip Code: _____ Quốc gia: _____

Điện thư: _____

Điện thoại nhà: (_____) _____ Điện thoại cầm tay: (_____) _____

Trường hợp khẩn cấp xin liên lạc: _____ Số ĐT: (_____) _____

*** Lệ phí Khách Sạn cho Khóa Tu | Chi phiếu xin ghi: KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP**

\$300, cho mỗi người. Nếu người trong gia đình cùng tham dự KHÓA TU HỌC, người thứ nhất \$300, những người sau \$200, trẻ em dưới 12 tuổi \$150.

Họ Tên	Người lớn /Trẻ Em	Nam/Nữ	Tuổi	Số Tiền
Tổng Số Tính Tài				\$

Phương tiện di chuyển:

☐ Tự túc

☐ Xin Ban Điều Hành giúp đưa đón phi trường **San Diego, CA (SAN)**; hoặc: _____

– Ngày giờ đến: _____ Chuyển bay: _____ Hãng máy bay: _____

– Ngày giờ về: _____ Hãng máy bay: _____

Ngày tháng năm

năm

Người Nhận Chi Phí Tu Học

Ký Tên

Ngày tháng năm

Gia Chủ Đăng Ký Tu Học

Ký Tên

Địa Điểm Ghi Danh: _____

*** Hạn chót nhận Phiếu Ghi Danh KHÓA TU HỌC: Ngày 06 tháng 06 năm 2015**

ĐỊA ĐIỂM GHI DANH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ

Địa điểm ghi danh chính:

Thành Phố	Chùa	Liên Lạc	Phone	Địa Chỉ
San Diego, CA	Chùa Phật Đà	ĐD. Hạnh Tuệ	(619) 283-7655 (619) 278-9837	4333 30 th Street. San Diego, CA 92104 tuedang79@gmail.com
Garden Grove, CA	Thiền Tịnh Đạo Tràng	NS. Diệu Tánh	(714) 638-0989 (714) 266-4171	11502 Daniel Ave. Garden Grove, CA 92840 dieutanththich@yahoo.com
Canada	Chùa Phổ Đà	HT. Bốn Đạt	(613) 231-2516 (819) 665-0259	1002 Somerset Street. West Ottawa, Ontario K1R-6R9-CANADA thichbondat_thgl@yahoo.com
	Chùa Pháp Vân	TT. Tâm Hòa	(905) 712-8836 (905) 507-0961	420 E. Traders Blvd. Mississauga, Ontario L4Z-1W7-CANADA thichtamhoa@gmail.com

Ngoài ra, để tiện việc ghi danh, Học Viên có thể liên lạc những trú xứ ở địa phương gần mình:

Thành Phố	Chùa	Liên Lạc	Phone	Địa Chỉ
Albuquerque, NM	Chùa Hội Phước	TT. Thánh Minh	(505) 266-0325	8624 SE. Zuni Road. Albuquerque, NM 87108 hoiphuoctemple@gmail.com
Anaheim, CA	Đa Bảo Buddhist Temple	ĐD. Như Hải	(626) 203-3888	2671 W. Cerritos Ave. Anaheim, CA 92804 dabaotemple@yahoo.com
Chatsworth, CA	Thiền Viện Chân Không	HT. Thông Hải	(805) 304-6607	20372 Devonshire Blvd. Chatsworth, CA 91311 chankhongtv@aol.com
Chicago, IL	Chùa Quang Minh	TT. Minh Hạnh	(773) 275-6859	4429 N. Damen Ave. Chicago, IL 60625 thichminhhanh92@yahoo.com
De Leon Spring, FL	Chùa Hoàng Pháp	TT. Nguyên Hải	(386) 333-1245	6180 State Road. De Leon Spring, FL 32130
El monte, CA	Tu Viện Hộ Pháp	TT. Tuệ Uy	(626) 377-1103	3084 Lashbrook Ave. El Monte, CA 91733 tuvienhophap@gmail.com
Fremont, CA	Niệm Phật Đường Fremont	HT. Thái Siêu	(510) 623-9485	4273 Solar Way. Fremont, CA 94538 thaisieu@yahoo.com
Garden Grove, CA	Hoa Lâm Thiền Viện	SC. Trí Minh ĐH. Tuệ Quảng	(714) 391-2708	13071 Brookhurst St. Garden Grove, CA 92843
	Chùa Khánh Hỷ	ĐD. Pháp Tánh NS. Tuệ Từ	(714) 333-8924 (714) 875-4176	10502 Orangewood Ave. Garden Grove, CA 92840 anhdao1958@yahoo.com
	Chùa Phổ Linh	SC. Thiền Tuệ	714-204-8933	11612 Dale St. Garden Grove, CA 92841 putixin1980@yahoo.com
Honolulu, HI	Thiền Viện Chân Không	HT. Thông Hải	(808) 373-4608	1105 Hind Luka Dr. Honolulu, HI 96821 chankhongtv@aol.com
Irving, TX	Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại	HT. Tín Nghĩa	(972) 986-1019	615 N. Gilbert Road. Irving, TX 75061-6240 tudamhaingoi@yahoo.com
Kansas city, MO	Chùa Đại Bi	SC. Hoa Đạo	(816) 920-7633 (816) 663-4147	1614 White Ave. Kansas City, MO 64126
Lake City, GA	Chùa Hải Ấn	NS. Huệ Nghiêm	(404) 643-2785	5375 Sanders Road. Lake City, GA 30260 huenghiem@hotmail.com

Thành Phố	Chùa	Liên Lạc	Phone	Địa Chỉ
Las Vegas, NV	Chùa Ưu Đàm	SC. Trí Hòa	(702) 260-0479 (410) 340-6964	7255 West Meranto Ave. Las Vegas, NV 89178 uudamtemplelv@yahoo.com
Long beach, CA	Chùa Phật Tổ	ĐD. Thường Tịnh	(562) 810-1983 (562) 599-5100	908 Orange Ave. Long Beach, CA 90813 toantoan83@yahoo.com
Louisville, KY	Chùa Từ Ân	ĐD. Hạnh Lý ĐD. Quảng Thọ	(502) 375-3249	4600 S. 6 th Street. Louisville, KY 40214 chuatuanky@gmail.com
Minnesota, MN	Chùa Phật Ân	ĐH. Trí Viên Phạm Anh Toàn	(651) 334-4724	475 Minnesota Ave. P.O. Box 13628 Maket Place, Roseville, MN 55113-0682 trivien@hotmail.com
North Hills, CA	Phật Học Viện Quốc Tế	TT. Minh Chí	(818) 893-5317	9250 Columbus Ave. North Hills, CA 91343 thichminhchi@yahoo.com
Northglenn, CO	Chùa Long Quang	NS. Giới Châu	(303) 350-7252	10660 Rosalie Dr. Northglenn, CO 80233 tngioichau@yahoo.com
Ontario, CA	Chùa Quang Thiện	ĐH. Quang Tuệ	(909) 917-6530	704 East "E" Street. Ontario, CA 91764 huynphu@yahoo.com
Orlando, FL	Chùa Pháp Vũ	TT. Nhật Trí	(407) 277-7262	716 N. Dean Road. Orlando, FL 32825 sunya2548@yahoo.com
Pensacola, FL	Chùa Diệu Đế	SC. Chơn Nguyên	(805) 225-6490	9603 Nims Lane. Pensacola, FL 32514
Perris, CA	Chùa Hương Sen	NS. Giới Hương	(951) 657-7272 (951) 616-8620	19865 Seaton Ave. Perris, CA 92570 huongsentemple@gmail.com
Philadelphia, PA	ĐH. Nguyễn Văn Quang	Pd: Đồng Pháp	(215) 410-2545	1113 Glenview Street. Philadelphia, PA 19111 qvnghuyen09@hotmail.com
Rosemead, CA	Chùa Xá Lợi	NS. Nhật Nhan	(626) 572-0389 (714) 548-9958	2751 Del Mar Ave. Rosemead, CA 91770 thichhiennhan@yahoo.com
Sacramento, CA	Tu Viện Viên Chiếu	TT. Đồng Trí	(916) 267-5965	10801 Calvine Road. Sacramento, CA 95803
	Chùa Huyền Giác	TT. Minh Hậu	(916) 455-6652 (916) 667-1855	5210 – 58 th Street. Sacramento, CA 95820
	Huynh Trưởng	Tâm Thường Định	(916) 607-4066	9084 Marble Crest Court. Sacramento, CA 95829 tamthuongdinh@gmail.com
San Diego, CA	Chùa Như Lai Thiền Tự	HT. Minh Hồi	(619) 563-9009	3340 – 3342 Central Ave. San Diego, CA 92105
San Jose, CA	Chùa Hồng Danh	ĐD. Quảng Thường	(408) 449-5399	1129 Bal Harbor Way. San Jose, CA 95122 chuahongdanh@yahoo.com
	Chùa Duyên Giác	TT. Nhật Huệ	(408) 828-5707	97 Foss Ave. San Jose, CA 95116 thichnhuthue@yahoo.com
	Chùa Phật Quang	NS. Quảng Tịnh	(408) 295-8391	801 N. 15th Street. San Jose, CA 95112 tamdalani108@yahoo.com

Thành Phố	Chùa	Liên Lạc	Phone	Địa Chỉ
Santa Ana, CA	Chùa Bát Nhã	HT. Nguyễn Trí	(714) 571-0473	803 Sullivan Street. Santa Ana, CA 92704 batnhacali@yahoo.com
	Tu Viện Đại Bi	NS. Chơn Viên	(714) 360-5355	3210 W. 15th Street. Santa Ana, CA 92703 chonvien82@yahoo.com
	Chùa Kiều Đàm	NS. Nguyễn Bồn	(714) 927-8484	1129 S. Newhope Street. Santa Ana, CA 92704
	Tổng Hội Cư Sĩ	SC. Phước Quang	(714) 653-5192	1612 N. Spurgeon Street. Santa Ana, CA 92701 tunhiepphap@yahoo.com
	Tổ Đình Minh Đăng Quang	HT. Minh Tuyên	(714) 437-9511	3010 W. Harvard Street. Santa Ana, CA 92704 thichminhtuyen@yahoo.com
Seattle, WA	Chùa Cổ Lâm	HT. Nguyễn An	(206) 723-4741	3503 S. Garham Street. Seattle, WA 98118 colamtemple@hotmail.com
Stanton, CA	Phật Quan Âm Thiền Tự	TT. Tâm Thành	(714) 892-6838 (714) 488-1178	7922 Santa Catalian Ave. Stanton, CA 90680
Sunnyvale, CA		ĐH. Thiện Quỳnh	(408) 636-8913	1382 Socorro Ave. Sunnyvale, CA 94089 thuanvan14725@yahoo.com
Ventura, CA	Tu Viện An Lạc	HT. Thông Hải	(805) 816-8799	901 S. Saticoy Ave. Ventura, CA 93004 chanhongtv@aol.com
Vernon, CT	Chùa Pháp Hoa	ĐĐ. Thiện Lợi	(806) 896-6999	85 Prospect Street. Vernon, CT 06066 thienloi72@yahoo.com
Westminster, CA	Tịnh Xá Giác Lý	HT. Giác Sĩ	(714) 414-8360	14471 Titus Street. Westminster, CA 92683 tinhxagiacy@yahoo.com
Winchester, CA	Tịnh Xá Thiền Lâm	ĐĐ. Thông Lý	(951) 286-5999	33875 Milan Road. Winchester, CA 92596 thichthongly@yahoo.com



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ V (2015)
SẼ ĐƯỢC TỔ CHỨC tại TOWN AND COUNTRY RESORT HOTEL
500 HOTEL CIRCLE NORTH, SAN DIEGO, CA 92108
TỪ NGÀY 06 ĐẾN 10 THÁNG 8 NĂM 2015



NỮ GIỚI CHÂU MỸ ĐANG THAY ĐỔI PHẬT GIÁO NHƯ THẾ NÀO

RITA M. GROSS (*)

TN. Tịnh Quang chuyển dịch

Nữ giới Mỹ đang đưa Phật giáo bước ra khỏi chế độ phụ hệ (tộc trưởng) của quá khứ, tham gia tư tin vào các lãnh vực như là các học viên, giáo sư, và các nhà lãnh đạo. Công việc này chưa phải là kết thúc, Tiến sĩ Rita M. Gross, một trong những nhà tư tưởng nữ quyền hàng đầu của Phật giáo nói, nhưng vai trò của phụ nữ Phật giáo Mỹ là chưa từng có và họ có thể tiếp tục thay đổi Phật giáo.

Sự đa dạng tuyệt đối của các hình thái thực hành Phật giáo ở Bắc Mỹ khiến nó không đơn giản để khái quát về các vấn đề của phụ nữ trong Phật giáo. Mỗi đơn vị của Phật giáo được đại diện ở Bắc Mỹ, Đông Nam Á, Việt Nam, Tây Tạng, Hàn Quốc, Trung Quốc, và nhiều tông phái Phật giáo Nhật Bản, tất cả đã xuất hiện ở đây. Một số hình thức của Phật giáo Châu Á, đặc biệt là Nhật Bản và Trung Quốc, đã được cắm vào ở Bắc Mỹ trải qua bốn hoặc năm thế hệ. Nhiều Phật tử của các dân tộc khác đã đến gần đây, sau khi chính sách nhập cư thay đổi từ năm 1960 tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập cư từ châu Á.

Ngoài ra, một số lượng đáng kể của cư dân Bắc Mỹ vốn không phải là Phật giáo đã cải đạo và theo Phật giáo từ cuối những năm 1960. Ban đầu, những người gốc Mỹ này đã biểu hiện khuynh hướng chống lại truyền thống và sự bất mãn đối với tôn giáo và văn hóa của người Âu-Mỹ, và có sự hưởng ứng với các bậc thầy châu Á-những người bắt đầu tiếp cận với quần chúng phương Tây. Bây giờ, vào đầu thế kỷ 21, những người cải đạo theo Phật giáo từ các nhóm dân tộc không có truyền thống kết hợp với Phật giáo đã trở thành một phần của cảnh quan tôn giáo Mỹ. Sự phát triển này thêm phức tạp hơn nữa đối với Phật tử Bắc Mỹ, vì quan niệm của họ về Phật giáo thì hoàn toàn khác biệt với cộng đồng Phật tử truyền thống.

Nhiều người quan sát về Phật tử nhập cư và cho rằng, bao nhiêu thế hệ họ đã sống ở Bắc Mỹ thì không phải là vấn đề, Phật giáo là một lực lượng bảo thủ, thúc đẩy sự liên kết và những lễ hội của nền văn hóa châu Á và tổ tiên của họ. Thông thường, họ bày tỏ chút ít sự không hài lòng với Phật giáo như họ đã tiếp nhận được nó, và có sự thích thú trong tình trạng Phật giáo "Mỹ hóa."

Với người cải đạo-trở thành một Phật tử gốc Mỹ là một phần bảo vệ đối với họ (Phật tử Á châu) nhằm chống lại các giá trị truyền thống của Mỹ. Tuy nhiên, sự thay đổi (hay thích ứng với nền văn hoá mới) thì đánh mất lòng trung thành với các hình thức văn hóa châu Á, và thường thấy qua các hình thức truyền thống bao bọc Phật giáo hết sức vụng

về. Các hình thức của Phật giáo để lại phía sau một di sản tôn giáo với sự hiểu kỳ của người khác, thông thường những người bản xứ sẽ không ngần ngại để mang lại một tinh thần tương tự về việc khám phá đối với bản sắc tôn giáo mới của họ. Những người trở thành Phật tử đã làm điều đó, phát triển phương pháp tiếp cận tư tưởng Phật giáo và thực hành là đặc trưng đối với người phương Tây. Vì lý do này, chứ không phải vì dân tộc tính của họ, thuật ngữ "American Buddhism" được sử dụng để mô tả Phật giáo của người gốc Mỹ.

Trong suốt lịch sử lâu dài của nó, Phật giáo đã vượt qua biên giới văn hóa và đưa vào hình thái đặc biệt tùy theo mỗi văn hóa. Những thể thức Phật giáo mới đã được phát triển bởi người dân bản địa-những người đã trở thành người Phật tử, không phải bởi các du khách và những nhà truyền giáo mang giáo lý Phật giáo vào một ngôi nhà mới. Trong cùng một cách, đó là thực chất mà cuối cùng "Phật giáo châu Mỹ" sẽ phát triển, và rằng những Phật tử gốc Mỹ sẽ đóng một vai trò lớn trong sự phát triển này. Vào đầu thế kỷ 21, "Mỹ hoá" Phật giáo là một chủ đề gây tranh cãi. Những các nhà quan sát đồng ý rằng Mỹ hoá sẽ bao gồm các vai trò khác nhau đối với phụ nữ hơn là với truyền thống Phật giáo, và nữ giới bản địa sẽ đóng một vai trò lớn trong sự phát triển này.

Để hiểu những gì đang bị đe dọa đối với nữ giới Phật giáo Mỹ, đó là cần thiết để hiểu một số tính năng quan trọng của truyền thống Phật giáo. Đầu tiên, không khác gì tất cả các tôn giáo chính trên thế giới, Phật giáo có lịch sử nam giới thống trị. Theo truyền thống, những sự khảo sát về thiền và triết học mà nhiều người nghiên cứu tại các trung tâm của Phật giáo được thực hành gần như độc quyền của nam giới. Mặc dù theo văn bản truyền thông, Đức Phật đã bắt đầu kết nạp họ vào tổ chức tổ chức song song với sự thành lập tu viện của nữ giới trong đó thiền và triết học có thể được nghiên cứu mạnh mẽ; tuy nhiên, họ chỉ được hỗ trợ rất ít, không có uy tín, và đã chết trong phần lớn sự quên lãng của thế giới Phật giáo. Cũng thế, những người được tôn trọng và vinh danh trong cộng đồng Phật giáo hầu như luôn luôn là những người đàn ông.

Thứ hai, ngoại trừ Nhật Bản, tất cả các xã hội Phật giáo truyền thống được đánh dấu bởi sự bố trí đặc chia tu viện mạnh mẽ. Phật giáo bắt đầu như là một tôn giáo của những người thoát ly thế tục, và không bao giờ bị mất hương vị hoặc các nhu cầu và những giá trị đi kèm với sự lựa chọn là bỏ lại sự nghiệp, gia đình và xã hội thế tục về phía sau. Những phụ nữ xuất gia, thường được gọi là "nun"



trong văn học phương Tây, và được tìm thấy trong hầu hết trong nhiều tông phái của Phật giáo, nhưng, như đã nói, họ gần như không được hỗ trợ tốt cũng không có uy tín như đối với nam giới xuất gia, thường được gọi là "monk" trong văn học phương Tây. Một đứa con trai làm tu sĩ mang lại vinh dự lớn cho gia đình, trong khi một cô gái xuất gia để trở thành một nữ tu mang lại chút ít uy tín cho gia đình, hoặc thậm chí gia đình có thể xấu hổ vì điều này.

Thêm nữa, các môn thiền định và triết học liên quan với Phật giáo đã được thực hành gần như độc quyền trong các tu viện, đó là lý do tại sao họ được thực tập hầu như chỉ xuyên qua những người đàn ông. Phần lớn, những người Phật tử, cư sĩ nam và nữ đã không có được thời gian hay khuynh hướng để theo đuổi thiền định và triết học với bất kỳ phạm vi khả dĩ. Tuy nhiên, ở các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là sự thực hành các công đức để tích tập nghiệp tốt cho sự tái sinh tiếp theo, và thực hành đạo đức khác nhau đều được phát triển xuyên qua những người Phật tử.

Đến nay, những người Mỹ trong cương vị là Phật tử, họ cũng có công việc và gia đình, và đã cố gắng để theo đuổi những ngành tôn nhiều thời gian nghiêm cứu và thực hành, khởi đầu triết để nhất của họ là từ các mô hình châu Á. Đối với các Phật tử gốc Mỹ, Phật giáo là sự nghiêm cứu và thực hành của họ, phần lớn họ đã bỏ qua khía cạnh khác của Phật giáo phát triển ở châu Á.

Sự khởi hành ấn tượng khác là cách thức mà nữ giới tham gia vào Phật giáo Mỹ. Một số nhà bình luận Phật giáo cho rằng các mô hình cung ứng sự tham gia bình đẳng của nữ giới là nghiệp vụ đặc biệt của Phật giáo phương Tây.

Nữ giới và nam giới Phật giáo có được nhiệm vụ này, và những nhóm Phật giáo Mỹ thực sự hoàn toàn khác nhau từ các đối tác châu Á của mình về sự biểu hiện, đặc trưng là sự hoạt động tích cực của nữ giới tại các trung tâm thiền định và các diễn đàn khác của Phật Giáo. Một số nhà quan sát cho rằng điều này là sự khác biệt đáng chú ý nhất giữa các trung tâm thiền Phật giáo Châu Á và Mỹ. Tuyên bố này có nghĩa là không chỉ để thu hút sự chú ý đến sự hiện diện của phụ nữ mà còn kèm theo lòng trung thành mà người Mỹ đã sao chép hầu hết các khía cạnh khác của một trung tâm thiền định truyền thống. Hình tượng là như nhau và thực hành thiền định đều giống nhau, thông thường các nghi lễ được cất lên trong ngôn ngữ châu Á, và, trong nhiều trường hợp, họ mặc áo choàng châu Á trong khi thiền định. Nhưng nữ giới thực tập bên cạnh nam giới hơn là bị cô lập trong một trung tâm thiền của nữ giới đang thiếu tiền và không có uy tín.

Không còn nghi ngờ gì nữa, sự hiện diện mạnh

mẽ của nữ giới trong sự thay đổi Phật giáo còn thiếu một cái gì đó với thời gian đến của Phật giáo ở Bắc Mỹ. Mặc dù Phật tử đã có mặt ở Bắc Mỹ trước năm 1960 và năm 1970, những thập kỷ qua đã thấy nhiều sự di dân của nhiều giảng viên Phật tử châu Á và số lượng lớn của Phật Tử Âu-Mỹ cải đạo theo Phật giáo. Những năm này cũng đánh dấu sự xuất hiện của làn sóng thứ hai của chủ nghĩa nữ quyền. Hầu hết, nữ giới bị thu hút bởi Phật giáo không phải đóng một vai trò phụ, vai trò hỗ trợ để nam giới nghiêm cứu và tu tập trong khi nam giới đã có được sự phục vụ riêng. Những phụ nữ này khẳng định rằng nếu nghiêm cứu và thực hành tốt cho nam giới, thì điều này cũng sẽ tốt cho nữ giới, và họ đã lập những kỷ luật này một cách nhiệt tình. Đây là sự trùng hợp ngẫu nhiên, thời gian may mắn đã đến, đã mãi mãi thay đổi bộ mặt của Phật Giáo châu Mỹ, và hẳn có thể có một tác động tốt về Phật giáo trên toàn thế giới.

Ban đầu Nữ giới Phật giáo Mỹ dường như gặp phải nghịch lý cho họ. Một mặt, các giáo lý căn bản là vượt thoát giới tính và bình đẳng giới tính, và nhiều người đã tìm thấy việc thực hành thiền định không chỉ là không chấp thủ vào giới tính nhưng là sự giải phóng mãnh liệt. Đối với phong trào phụ nữ quyền năm 1960 và năm 1970, Phật giáo và chủ nghĩa nữ quyền dường như là đồng minh, vì lý do chính đáng.

Mặt khác, các hình thái biểu hiện thông qua những giáo lý và thực tiễn đã được chuyển giao cho nam giới thống trị thì không khác gì các tôn giáo khác. Các giáo viên và các nhà lãnh đạo khác, hầu hết là những người đàn ông. Tiếng nói của đàn ông phủ đầy trong các nghi thức, ít nhất đã được dịch sang tiếng Anh. Và, mặc dù các giáo lý căn bản là không chấp vào giới tính và bình đẳng giới tính, khám phá sâu hơn vào các văn bản truyền thống cho thấy tư tưởng ác cảm cũng có xu hướng mạnh mẽ ủng hộ người đàn ông hơn là đàn bà trong các vấn đề nghiêm cứu và thực hành. Nhiều phụ nữ gặp phải sự chỉ trích và tẩy chay vì đã chỉ ra những thực tế này. Họ được cho biết rằng Phật Pháp là vượt ra ngoài giới tính, và nữ giới đã có cảm tính bị chia rẽ quá mức khi họ đã bị lấn áp qua những câu chuyện kỳ thị hoặc sự thống trị của nam giới.

Đầu tiên, các vấn đề đụng phải nữ giới Mỹ, có thể được chia thành hai điểm chính chính của sự quan tâm. Họ phải đối mặt với vấn đề của việc tìm kiếm theo cách của họ trong một truyền thống, và phần lớn, đã không được quan tâm đặc biệt với sự tham gia của nữ giới trong hầu hết các tổ chức có giá trị- của thế giới nghiêm cứu và thực hành. Và các nữ giới đã cải đạo từ truyền thống của họ phải đối mặt với vấn đề về sự nỗ lực để hòa nhập và khát vọng chủ nghĩa bình đẳng như truyền thống của họ, với mong muốn của họ là tham gia đầy đủ trong thế giới nghiêm cứu và thực hành.

Hầu hết nữ giới gốc Mỹ này bắt đầu thực hành thiền định và nghiêm cứu giáo lý Phật giáo trong những năm 1960 và năm 1970 có thể không trực tiếp biết về lịch sử hay ý nghĩa hoạt động của mình hoặc các thái độ truyền thống đối với nữ giới. Mặc dù giới tính có sự rõ nét ở quê hương châu Á, các bậc thầy Phật giáo khi đến giảng dạy ở Bắc Mỹ đã không có sự cư xử khác biệt với sinh viên nữ khác với sinh viên nam.

Những giảng viên này làm việc với thiền sinh nữ phần lớn họ không có sự định kiến là một trong các khía cạnh đáng chú ý của câu chuyện này. Khi được hỏi tại sao họ không áp dụng các định mức tập

tục của Phật giáo châu Á và họ nghĩ như thế nào về giới tính ở Bắc Mỹ, họ đã đưa ra hai lý do. Trước tiên, các thiên sinh nữ muốn hiểu biết giáo lý, và rằng một học sinh yêu cầu được dạy là yêu cầu quan trọng nhất. Thứ hai, nữ giới tham gia cùng với người nam giới trong các buổi sinh Phật giáo, họ cho rằng quy tắc giới tính của người Mỹ khác biệt các quy tắc châu Á. Sự trùng hợp may mắn của chủ nghĩa nữ quyền và sự xuất hiện của các bậc thầy Phật giáo phải được ghi nhận một lần nữa, nếu những vị giảng viên này đã đến đây mười hay hai mươi năm trước, trong những năm 1950, tình hình sẽ rất khác nhau.

Tuy nhiên, phụ nữ nhận thấy sự phổ biến của đàn ông như các giáo viên và các chức năng khác có thẩm quyền của Phật giáo, và tiếng nói của đàn ông được thể hiện trong hầu hết các tập tục nghi lễ. Những người biết thêm về lịch sử Phật giáo và giáo lý truyền thống gặp rắc rối bởi các giáo lý liên quan đến vị trí tâm linh nữ giới nằm dưới đàn ông và không có khả năng để đạt được giải thoát cho đến khi họ được tái sinh trong cơ thể của một người đàn ông. Tuy nhiên, cho đến khi họ đã được đào tạo đầy đủ trong các lĩnh vực khác nhau của Phật giáo, nữ giới từ một vị trí thấp kém thách thức những quan điểm này hoặc khởi xướng sự thay đổi.

Nữ giới gốc Mỹ đã sử dụng nhiều chiến lược tương tự để đối phó với sự thống trị của nam giới Phật giáo cũng như các phụ nữ Kitô giáo và Do Thái đã được sử dụng trong cuộc đấu tranh của họ. Các nhiệm vụ chủ yếu hướng tới việc bao gồm nghi thức phục vụ đối với giới tính và bình đẳng tính, để thúc đẩy phụ nữ vào vị trí lãnh đạo, và, cuối cùng, phụ nữ phải trở thành bình đẳng hoàn toàn như các bậc thầy Phật giáo. Hai nhiệm vụ trước đây được thực hiện sớm hơn và dễ dàng hơn trong nhiều cộng đồng. Cuối cùng là khó khăn hơn, nhưng bây giờ, vào đầu thế kỷ 21, nhiều phụ nữ gốc Mỹ cũng đã trở thành giáo sư-bậc thầy trong Phật giáo.

Mặc dù thiên định là kỷ luật tôn giáo chính được thực hành bởi các Phật tử gốc Mỹ, nghi thức tụng niệm là một phần quan trọng của nhiều cơ sở thiên định. Đây là trường hợp đặc biệt đối với việc thực hành Kim Cương thừa Tây Tạng và, với một mức độ ít hơn, đối với Phật giáo thiên Nhật bản. Nhiều cộng đồng Phật tử gốc Mỹ tụng nghi thức của họ của họ trong ngôn ngữ châu Á, nghĩa là sự tham cứu giới tính chưa rõ ràng với họ, nhưng nhiều nhóm khác sử dụng tiếng Anh. Các bản dịch sớm nhất đã được xuất hiện trước sự nhượng bộ của nam tính như việc sử dụng tiếng Anh được chấp nhận, và thường là bản dịch tiếng Anh nhiều nam tính hơn so với bản gốc châu Á. Những từ không có giới tính cụ thể trong một ngôn ngữ châu Á được dịch là "son" (con trai) hơn là "child" (con), hay "man" (đàn ông-con người) hơn là "human" (loài người-con người) và đại danh từ giống đực "he" là luôn luôn được sử dụng để chỉ người hành thiền.

Trong tình trạng như vậy, các bản dịch này đã dẫn đến tình trạng gần như quy ước trong một số nhóm. Những người phản đối đã chế nhạo và nói rằng, là Phật tử, họ cần phải "ở trên sự khờ khạo thể tục như thế, vấn đề không quan trọng, vì mọi người đều biết rằng các sự đề cập đều bao gồm phụ nữ." Dần dần, hầu hết các lễ nghi đã được và đang được thay đổi bắt đầu từ thế kỷ 21.

Một vấn đề sâu sắc hơn xuất hiện. Việc xướng lên tên của tổ tiên dòng dõi từ thế hệ của mình sau tên Đức Phật hay một số bậc thầy khác ở Trung ương là một phần quan trọng của nhiều tổ chức Phật giáo. Những việc xướng tụng như vậy để xác minh

tính xác thực của một dòng truyền thừa và vị trí của mình trong việc truyền trao giáo lý đi từ nền tảng của Phật giáo. Các lịch đại truyền thừa, ngoài ít trường hợp ngoại lệ, tất cả là đàn ông.

Nhiều nữ Phật tử có sự hiểu biết rất đau buồn vì sự thiếu vắng của tổ tiên truyền thừa nữ giới và các vai trò kiểu mẫu, và họ đã nghiên cứu các văn bản Phật giáo đối với những đặc trưng này. Đã có các Tỳ Kheo Ni vĩ đại trong lịch sử của Phật giáo, nhưng họ hiếm khi nổi bật trong bộ nhớ của Phật giáo như các đối tác nam của họ. Một trong những nguồn phổ biến nhất cho Phật tử gốc Mỹ biết đến Trưởng lão Ni qua Tiểu bộ kinh- Therigata ("Các bài kệ của những nữ cao tuổi"). Những câu chuyện và những bài thơ ghi lại những thành quả của thế hệ đầu tiên của phụ nữ Phật giáo, đệ tử trực tiếp của Đức Phật, những người đạt được cùng một trình độ giác ngộ như những đệ tử nam giới của Phật. Ít nhất cũng có một tổ chức Phật giáo thiên, tại trung tâm San Francisco Zen, bắt đầu thực hiện bằng việc xướng lên tên của những vị trưởng lão Ni được ghi nhận trong Therigata, kết thúc buổi lễ với sự thừa nhận về "tất cả các nữ tổ tiên đã bị bỏ quên", vào những ngày lễ xen kẽ. Tuy nhiên, một số thành viên nam của cộng đồng phản đối rằng những trưởng lão Ni không ở trong hệ thống trực tiếp thọ giáo từ Đức Phật và giáo pháp của cộng đồng này, mặc dù họ đã được xem là những đệ tử Phật đầy đủ trí tuệ, sự truyền thừa chủ yếu chỉ là một nam đệ tử, người đã trở thành tổ tiên trực tiếp của tất cả các vị thầy Zen. Tuy nhiên, hầu hết các thành viên của cộng đồng, tiếp tục coi việc thiếu tổ tiên nữ như một sai lầm. Khi nghiên cứu tiếp tục, họ tìm thấy được nữ giới đạt được trình độ giác ngộ và có nhiều kết quả cao từ những tài liệu lịch sử mà trước đây chưa được biết đến.

Cổ lỗ hơn là những gì mà một số Phật tử gốc Mỹ có tư tưởng bình đẳng bắt đầu gọi sự kiện này là "vấn đề của giáo viên nam." "Vấn đề" này có hai khía cạnh, một trong số chúng giới hạn trong một thời gian cụ thể và sự tập hợp của các trường hợp, và nhiều căn nguyên khác. Việc đầu tiên được căn nhắc đến một loạt các vụ bê bối tình dục đã bị phát hiện trong nhiều cộng đồng truyền đạo vào những năm 1980. Một số giáo viên châu Á tham gia từ do trong giấy phép đặc trưng của những năm 1960 và 1970, tiến hành thường xuyên các vấn đề tình dục với học sinh của mình. Trong một số trường hợp, hành vi này đã được hé lộ và đã bị phát hiện bởi mọi người ở trong cộng đồng, nhưng một vài trường hợp khác, vấn đề này được giữ bí mật. Mặc dù các giáo viên đã giữ bí mật, họ có ít nhiều đối tác, bí mật làm vấn đề trở nên cực kỳ mơ hồ trong thời gian dài. Vào những năm 1980, nhiều sự kiện đã được quan tâm thay đổi, và nhiều phụ nữ bày tỏ sự phẫn nộ đối với nam giáo viên, họ cảm thấy bị lợi dụng. Cũng có sự thảo luận đáng kể về các phép tắc đạo đức của sự thân mật tình dục giữa các đối tác quyền lực không đồng đều. Kết quả cuối cùng của cuộc khủng hoảng này là gần như tất cả các tổ chức cộng đồng hiện thời đều có các hướng dẫn rõ ràng, không khuyến khích hoạt động tình dục giữa giáo viên và học sinh, và có sự ưu tiên, bảo đảm an toàn cao đối với tình dục đối với nữ (và nam) sinh viên.

Cơ bản hơn "vấn đề của giáo viên nam" liên quan sự thực hiện lâu đời của Phật giáo về việc hạn chế vai trò thuyết giảng, hầu như chỉ ưu ái cho nam giới. Một số nhà bình luận đã xác định sự thiếu vắng của nữ giáo viên, thuộc về lịch sử và trong hiện tại, như các vấn đề quan trọng nhất đối với nữ giới trong

Phật giáo. Trên mặt lịch sử, sự thiếu vắng này dẫn tới các vấn đề xảy ra với sự vắng mặt của nữ giới trong các nghi lễ truyền thừa, cũng như thiếu các vai trò kiểu mẫu và trí tuệ của những nữ hành giả đó là sự mất tích từ giáo lý của truyền thống. Việc thực hành chỉ có nam giáo viên sẽ gửi đi một thông điệp mạnh mẽ rằng không khuyến khích cho các môn sinh nữ. Tuyên bố một cách nghiêm túc rằng Phật pháp vượt ra ngoài giới tính là khó khăn và mâu thuẫn nếu như hầu hết tất cả những người thể hiện và dạy Phật pháp có cơ thể của giống đực.

May mắn thay, các giáo viên nữ giới đang ngày càng trở nên phổ biến trong các Phật tử gốc Mỹ. Phải cần nhiều năm cho một sinh viên nghiên cứu thiền định và triết học Phật giáo để trở thành đủ điều kiện để giảng dạy, và các sinh viên đầu tiên được ủy quyền của các giáo viên châu Á của mình để dạy giáo pháp là nam giới. Tuy nhiên, đặc biệt là giữa các thiền sinh của Phật giáo Zen và thiền Vipassana (Nam tông), sau nam giới, nữ giới được phép giảng dạy tương đối sớm. Chỉ có giữa các học viên Phật giáo Kim Cương Thừa Tây Tạng thì hầu như không có nữ giáo viên được tìm thấy, nhưng hầu như cũng không có nam Phật tử được phép làm giáo viên. Nhiều nhà quan sát nhận xét rằng những hành giả của Phật giáo Tây Tạng là thuộc về thế hệ sau những hành giả của thiền Zen và Vipassana trong việc đào tạo đầy đủ để trở thành giáo viên. Trong cuộc họp gần đây của các bậc thầy Phật giáo phương Tây, gần một nửa các giáo sư hiện nay là nữ giới, dấu hiệu phong phú cho thấy rằng Phật giáo Mỹ thực sự có thể thực hiện được đầy đủ tiềm năng của nó để giải quyết một số khó khăn lâu dài của Phật giáo.

Mặc dù nghiên cứu, thực hành và giảng dạy là vị trí hàng đầu của sự quan tâm đối với nữ giới Phật giáo, nhiều Phật tử gốc Mỹ thuộc về hành giả cũng có cuộc sống gia đình và do đó điều quan tâm duy nhất của họ là liên quan đến một phần về cuộc sống của họ. Hoạt động này thể hiện những thách thức khác nhau đối với thiền sinh nữ: làm thế nào người ta có thể kết hợp chăm sóc trẻ em với những nhu cầu của thực hành và nghiên cứu? Theo truyền thống, câu hỏi này không được tán thành vì thực tế sự thực tập hầu hết đã được thực thi bởi đàn ông, những người phụ nữ thực hành nghiêm túc hầu như luôn luôn là nữ tu, với ý nghĩa không có con.

Nhìn chung, các cộng đồng Phật giáo gốc Mỹ đã đáp ứng vấn đề hòa hợp việc chăm sóc con cái và việc thực tập mà không bỏ rơi các bà mẹ một mình. Thông thường, những Phật tử làm cha đảm nhận trách nhiệm chăm con cái đáng kể. Các trung tâm tu học thường cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em trong thời gian các chương trình hoạt động để cha mẹ có thể tham gia đầy đủ hơn. Nhiều cha mẹ nhận thấy không đầy đủ các yêu cầu của họ và mong muốn được giúp đỡ và hỗ trợ nhiều hơn, nhưng dù sao họ được khuyến khích để tiếp tục thực hành và nghiên cứu một cách nghiêm trọng trong khi họ đang nuôi dạy con cái, thay vì chờ đợi cho các trẻ em lớn lên trước khi trở lại thực tập tu học cho chính bản thân. Sự cố gắng này kết hợp việc nuôi dạy trẻ em với các nhu cầu của sự thực hành và nghiên cứu sâu hơn là một thử nghiệm Phật giáo trọng đại. Vào đầu thế kỷ 21, điều này vẫn còn để thấy được rằng thí nghiệm sẽ tiến hành như thế nào và liệu nó sẽ tồn tại từ thế hệ này sang thế hệ khác.

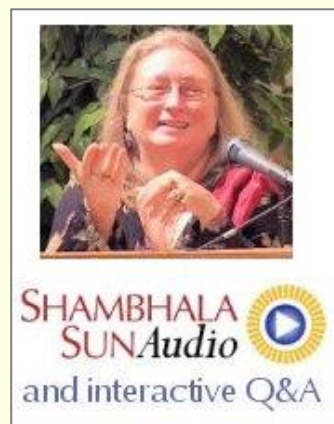
Một vấn đề gặp phải khác bởi các Phật tử gốc Mỹ là những người có cuộc sống gia đình là làm thế nào để nuôi dạy trẻ em Phật tử trong một nền văn hóa không phải Phật giáo. Phật tử người Mỹ gốc Á

cũng gặp phải vấn đề này, nhưng tình trạng của họ là khác nhau. Ít nhất con cái của những người gốc Á có nhiều bà con thân thích Phật tử và gắn liền với cộng đồng Phật giáo hơn. Phật tử gốc Mỹ thường sinh hoạt với những người không phải Phật tử và hầu hết thân nhân của họ cũng không phải là Phật tử. Hơn nữa họ không có được sự trưởng thành như những Phật tử châu Á, Phật tử gốc Mỹ có một ít tư tưởng về cách thể hiện sự tu tập của họ, mà không phải là làm thân với những đứa trẻ đặc biệt với con cái của họ. Cộng đồng Phật giáo lớn hơn đôi khi có tài trợ cho trường học với mục đích chủ yếu dành cho con cái của họ, và nhiều trung tâm cố gắng kết hợp một vài cơ sở giáo dục Phật giáo với việc chăm sóc trẻ em trong suốt thời gian thiền tập dành cho người lớn.

Như chúng ta đã khảo sát các vấn đề quan trọng đối với nữ giới Phật giáo, điều này rất dễ dàng để thấy lý do tại sao mọi người có ấn tượng kịch liệt khác nhau đối với Phật giáo. Sự thể hiện rõ nét của Phật giáo như đã được thấy trong bối cảnh văn hóa của châu Á là đặt nặng sự thống trị thuộc về đàn ông, vì vậy mà nhiều phụ nữ đã không muốn đi vào Phật giáo bởi vì đối với họ rõ ràng Phật giáo là một tôn giáo phân biệt giới tính. Những người khác đã khám phá Phật giáo với tư cách cá nhân đã thấy được rằng Phật giáo rất chú trọng đến sự giải thoát, cho nên mà họ dành phần lớn cuộc đời của mình để nghiên cứu và thực hành nó.

Nghịch lý thay, cả hai ấn tượng là chính xác. Phật giáo đã là hoàn toàn bất lợi cho nữ giới, nhưng Phật giáo có thể cung cấp tự do, nhân phẩm, và hòa bình cho nữ giới. Tất cả phụ thuộc vào cách mà Phật giáo được ứng dụng, và phần lớn phụ thuộc vào các sáng kiến, can đảm và trí tưởng tượng của nữ hành giả, đặc biệt là những người tiên phong một cách bình đẳng và không còn định kiến lệ thuộc về giới tính đối với sự hiểu biết và thực hành Phật Pháp. Những nữ Phật tử gốc Mỹ này thực hành con đường trung đạo, họ chẳng quan tâm đến sự tồn tại của giới tính trong Phật giáo hoặc chán ghét sự phân biệt để rồi bỏ đạo. Chúng ta cần phải đi trên con đường trung đạo vì thời gian đã và đang tới. Đừng có ngây thơ cho rằng chế độ gia trưởng trong Phật giáo sẽ biến mất để tốt hơn trong một giai đoạn ngắn của thời gian, vị trí gia trưởng trong Phật giáo đã xuyên suốt chiều dài lịch sử của chính nó.

(*) Rita M. Gross là tác giả của cuốn sách nổi tiếng, Phật Giáo Đẳng Sau Chế Độ Gia Trưởng: Lịch Sử Tranh Đấu Nữ Quyền, Phân tích, và Tái Thiết Phật Giáo và nhiều cuốn sách và bài viết khác. Bà ta là một giáo sư kỳ cựu dưới sự hướng dẫn của Lạt Ma Khandro Rinpoche, và học hỏi với Lạt Ma Sakyong Mipham Rinpoche.



TN. Tịnh Quang chuyển dịch, theo: www.shambhalasun.com/Archives/.../HowAmericanWomen.htm



NGHE EM NÓI MUỐN TỰ TỬ

(NHẬT KÝ GIÁO DƯỠNG TUỔI TRẺ)

Tâm Thường Định

Có những lần làm việc thiện nguyện ở trại tù về hay những ngày có nhiều tâm trạng ở trường học khi làm việc cùng tuổi trẻ, chúng tôi thấy có những việc cần trình bày hầu tìm một lối giáo dưỡng chung cho tuổi trẻ chúng ta. Tuy vậy do thời gian không cho phép, và cứ mãi loay hoay theo cuộc sống, nên rồi mọi việc cứ dần trôi qua.

Nay, cảm thấy có sự cần thiết trong quá trình cải cách giáo dục, và vì lợi ích chung của cộng đồng, chúng tôi xin mạn phép chia sẻ những gì thấy biết. Mong tất cả quý độc giả hoan hỷ và chỉ giáo.

Tháng một năm nay, trời California rất lạ, không có mưa, nắng ấm trời xanh màu ngọc bích và đẹp một cách thơ mộng, với tôi đất trời luôn bình an vì thấy,

Ngựa hoang trên đồi cao
Gặm sương mai trên cỏ
Mây trắng bầu trời xanh
Thênh thang và vô tận.

(Wild horses on the rolling hills
Enjoying the fresh dew on green grass
A floating white cloud, the vast blue sky
Freely and endless).

Thế mà một buổi trưa đẹp trời một nữ học sinh tuổi "teen" đến thổ lộ: "Thầy ơi, em đã thử giết em (tự vận) bằng cách uống thuốc quá liều, mà không chết. Em còn sống đây mà lòng còn đầy phiền não." Tôi nhìn em, lắng nghe và chia sẻ nỗi niềm tuyệt vọng của em. Em tâm sự tiếp, "Em biết Thầy đang thực hành đạo Phật và dạy cách tham thiền trong đó có chị em và đã giúp chị nhiều, nay chị em đang học đại học. Em lén lỏi, em phải làm sao đây? Thầy chỉ cách em nghe!"

Tự nhiên em nhắc lại vết thương lòng của tôi, nghề giáo ở Mỹ, vì trong cuộc đời làm giáo bao lâu nay, đã có 3 em quyền sinh, hai em tự bắn chết và một em tự treo cổ. Vì thế, tôi không những dạy các em khoa học như hoá hay sinh vật ở trường, mà còn dạy kỹ năng sống (life-skills), cách hành xử và giá trị đạo đức cho các em. Học sinh/sinh viên ở tuổi teens, là một tuổi rất phức tạp, có nhiều áp lực từ bạn bè, gia đình và xã hội (trong đó có phần truyền thông và xã hội đóng góp phần lớn). Mỗi thứ Hai, tôi đều chia sẻ với các em những giá trị cốt lõi, có tính nhân văn, nhân bản cho các em qua những mẫu chuyện hoặc văn thơ.

HÃY TÌNH DẬY

Hừng đông, vạn vật bắt đầu thức dậy
Gió hú trong cối văng
giữa sự tĩnh lặng của cõi trần
Đại dương muôn đời hùng vĩ
Sóng xô bờ bọt trắng như mây
Biển mênh mông sóng vỗ ngất ngây
Biển sâu rộng như tình Cha ngất ngây
Biển êm ả, mênh mang, vô tận

Và dạt dào như tình Mẹ đang đầy.

Nhìn ra biển, bao la và vời vợi
Ta thấy mình bé nhỏ, hạt cát lơ lửng
Ta dòng suối ngọt đang chảy về biển lớn
Biển từ bi, biển trí tuệ, biển chân như
Cuộc sống vốn miên trường thay đổi,
như mưa hôm nay và nắng gắt hôm qua
Ồi đời sống có thịnh suy, vui buồn, sướng khổ
Giọt vô thường bọt biển mây chiều
Nhưng may quá, chúng ta có tất cả
điều kiện tự do hạnh phúc bao la
Từ bước chân, hơi thở đến mắt ngà
Từ khối óc, trái tim đến đôi bàn tay lạnh mạnh
Từ hy vọng, vỗ về và động viên của bạn bè gia

thanh

Và ân tình, bảo bọc, un đúc của Mẹ Cha
Từ tổ tiên truyền thống nôi giống sơn hà
Ta phải sống để nuôi dưỡng tình thương và hiểu

biết

Ta phải sống để nuôi dưỡng lòng từ bi và dũng

cảm

Phải làm lành, tránh dữ, giữ sạch tâm
Ta phải sống để cuộc sống tinh anh
Ta phải sống để làm đời thêm đẹp
... Hãy yêu thương và hãy sống cho tha nhân.

Wake Up: THE AWAKENING FROM WITHIN

At dawn, everything is just about to wake up
The wind howls in the stillness of this earthy

place

The ocean is forever powerful
The waves crash into the shore,
The foams are as white as the clouds.
The ocean is vast, immense and sacred
It is as deep and wide as the love of our father
It is vast and limitless as the love of our mother
Looking at the ocean, I realize how tiny we really are

ally are

We are but a small stream, flowing into the big

sea

A sea of compassion, a sea of wisdom and a sea of awakening

Life is beautiful and ever-changing,
Like today's rain following yesterday's sunshine
Life is a constant change and as fragile as a drop of dew,

drop of dew,

as sea foam or as evening clouds
But we are lucky because we have
all the basic conditions for happiness
From your feet, your breath, your lips to your

eyes

From your brain, your heart, your mind to your healthy hands

From the hope and encouragement of your friends and family

From the everlasting care and love from your parents and ancestors,

Embedded with much pride, virtues and traditions

We must live to nourish our mind and heart

We must live to cultivate understanding, compassion and courage

We must live to make this world a better place for all.

Trở lại câu chuyện trên, các em tuổi teens rất nhạy cảm, đa dạng, dễ dàng mắc phải những cảm xúc và dễ bị áp lực từ bạn bè. Các em cũng có thể có những bệnh trầm cảm (depression), có nhiều áp lực từ học đường, bè bạn, gia đình, xã hội, và cũng có những lối suy nghĩ rất tiêu cực như quyền sinh chẳng hạn.

Trên thực tế, ở tuổi đại học, tự vận (quyên sinh) đứng thứ hai trong danh sách tử vong ở các trường đại học tại Hoa Kỳ. Tôi cũng đang cố gắng mang chánh niệm vào các học đường. Có lần, sau khi em học sinh nữ tự bắn mình, tôi đã nói với cả lớp là chúng ta sẽ đi bộ trong yên lặng quanh hành lang của trường để gởi năng lượng tập thể cầu nguyện cho nạn nhân được siêu thoát và giúp xoa dịu vết thương lòng của các học sinh và bạn bè của nạn nhân.

Tôi chỉ cho các em chánh niệm bằng cách theo dõi hơi thở của mình và đi thiền hành. Các em có quyền không thực hành đều tôi khuyên, nhưng phải ở lại trong lớp yên lặng. Chỉ có vài em chọn ở lại, phần lớn đã làm việc đó một cách tự nhiên và trân trọng. Các em và tôi yên lặng, từ tốn đi quanh hành lang của trường rất nhẹ nhàng và thanh thản. Sau đó, chúng tôi đã nói về sự sống và sự chết. Những điều rất quan trọng như thế này, trong những gia đình Việt Nam của chúng ta nên thảo luận chẳng hạn như việc hiến mô, tạng cho y học, việc tương lai hậu sự, giữa sống và chết v.v... mà thông thường theo quan niệm của mình là kiêng cử. Chúng tôi đã trình bày và thảo luận được điều đó, và cảm thấy có sự triển vọng để hiểu và cảm thông cho nhau.

Nói tóm lại, chúng ta cần biết các em có những nhu cầu, ưu tư, phiền toái riêng của tuổi teens. Tất cả mọi vấn đề đều có cách giải quyết, nhưng chúng ta phải đặt nó trong điều kiện và hoàn cảnh tình tảo, yêu thương và hiểu biết. Trong cộng đồng chúng ta đang ở, có rất nhiều phương tiện trợ giúp, vì vậy hãy mạnh dạn dùng tới khi cần. Cá nhân chúng tôi không muốn thêm một em nào nữa phải tự tử như thế. Chúng ta cần phải gần gũi, nâng đỡ, bồi dưỡng, và hướng dẫn các em.

Thôi thì xin hẹn kỳ sau. Breathe and Smile. Thở và cười bạn nhé!

Resources - Phòng chống tự tử.

1. National Suicide Prevention Lifeline (<http://www.suicidepreventionlifeline.org>)

1-800-273-TALK (8255)

2. Suicide.org - Suicide Prevention, Awareness, and Support

1-800-SUICIDE (1-800-784-2433) or

Text Telephone: 1-800-799-4TTY (4889)

Thơ Song Ngữ

của **BẠCH XUÂN PHÊ**

LỜI NHẮN TÌNH THƯƠNG

Có ai về bên đó

Cho tôi gởi đôi lời

Buồn chi cơn lặn đạn

Vui chi kẻ đôi lòng

Giận chi đôi mắt trong

Hồn chi người quen mặt

Bạn tốt cho hạnh phúc

Bạn xấu bài học đời

Vui buồn vò trăm mối

Kỷ niệm nào khôn nguôi

Đừng hứa khi đang vui

Đừng trả lời khi giận

Đừng quyết định khi buồn

Đừng cười khi người khóc

Đừng than phiền trách móc

Cuộc sống nhẹ nhàng hơn

Có ai về bên đó

Cho tôi gởi đôi lời

Phủ du cười cát bụi

Ngậm ngùi miền tử sinh.



A MESSAGE OF LOVE

Where are you/we heading?

May I send a few words?

Don't be sad in the uncertainty

Don't cultivate joy with the hungry heart

Don't get mad with the young

Don't war with the familiar faces

Good friends bring us happiness

Bad ones give us life lessons

Happy and sadness are intertwined

Celebrate and cherish all occasions

Do not make promises when you are happy

Do not be reactive when you are angry

Do not make decision when you are sad

Do not laugh when others cry or mad

Do not be angry or rebuke

Life will be easier

Where are you/we heading?

May I send a few words?

Smile at life, which is ever-changing

And not too much pity of life and death itself.

ĐẾN PHẬT ĐÀI QUAN ÂM — Tp. Bạc Liêu

Tuệ Như

Cuối năm có dịp đi một vòng từ An Giang đến Bà Rịa – Vũng Tàu, ghé qua Long Thành (Đồng Nai) rồi dừng chân tại Saigon, quận 4 để đón giao thừa tại đạo tràng Từ Quang. Nơi đây vào những ngày tháng bình thường rất ồn náo về việc mua bán, người xe ầm ĩ, nhưng đến những ngày áp Tết, nhất là ngày 29 hoặc 30 Tết thì khu vực này bỗng dưng thay đổi lạ, êm lặng nhẹ nhàng như một khu phố đạt chuẩn văn hóa thật sự. Hỏi ra mới biết phần đông là số người du cư từ các tỉnh miền xa cũng như có một số người thường trú tại chỗ, họ trở về quê nhà để kịp lo cúng rước Ông Bà, đoàn tụ gia đình, thăm viếng cha mẹ cùng bà con thân thuộc, bạn bè trong 3 ngày Tết cổ truyền, một tập tục lễ hội văn hóa lớn mà mọi người Việt ai ai cũng biết đến.

Giờ giao thừa đã điểm, không riêng tại đạo tràng này mà hầu hết tất cả những đạo tràng gần xa trong và ngoài khu vực đều vang lên âm thanh trầm bổng của tiếng kinh cầu nguyện cùng hòa vào tiếng chuông mõ nhịp nhàng lan xa rồi nghe như lắng sâu vào tận cuộc sống chốn thành phố đầy bon chen và biến động không ngừng này. Giây phút giao thừa trôi xa, trôi xa và hương khói, trầm xông cũng cạn dần theo với những bước du xuân tàn đêm. Đã quá 2 giờ khuya rồi, bây giờ trả lại sự yên tĩnh cho đạo tràng.

Sau 2 ngày Tết, tôi lại có duyên xuống Tp. Bạc Liêu, một tỉnh áp cuối của đất nước, lại cũng đến một ngôi đạo tràng của quý sư Khất Sĩ, nơi đây phong cảnh thoáng đãng mát mẻ của ngoại ô thành phố nằm bên cạnh bờ biển phía Nam, cây cối xanh màu che tán rộng. Ở đâu với những ngày này, nơi có thờ phụng, lễ bái cầu nguyện ảnh hưởng đến đời sống tâm linh là thấy người đến đi liên tục có khi vồn vã tập nập. Chứng tỏ rằng: một đất nước đã thấm sâu niềm tin, sự ngưỡng vọng cầu xin ban phước lành, bình an, may



mắn là chủ yếu, ngoài ra còn nhiều lễ hội khác trong năm như nhớ ơn các vị Thần Hoàng, các vị Khai Quốc Công Thần, Danh Tướng, những ngày đại chiến thắng, v.v... Nhưng cũng không ngoài những ơn nghĩa, phước lành quan thiết về cuộc sống con người.

Được sự trụ trì giới thiệu về “Phật Đài Quan Âm” hiện tọa lạc tại phường Nhà Mát thuộc Tp. Bạc Liêu, trước đây nghe ngư dân địa phương đồn rằng: Khi tượng Bồ Tát được tôn trí bên bờ biển, thì những tàu thương buôn, ngư dân đánh bắt xa bờ mỗi khi đến với sự thành tâm chí kính cầu nguyện đều có sự linh ứng, vượt thoát tai nạn, từ đó tiếng đồn mỗi ngày một rộng xa, hiện nơi đây cát bồi thành mặt bằng ra hơn 1km, dân thập phương đến lễ bái cầu nguyện rất đông vào những ngày lễ hội và kể cả những ngày bình thường cũng không ít đoàn người hành hương từ các tỉnh, thành trong nước đến chiêm bái cầu nguyện.

Trên chiếc xe Lambro hình thức giống kiểu xe “túc túc” của người Miên hay người Thái Lan, xe đi khoảng 7-8 km đường là đến khu vực Tượng Đài Bồ Tát, thấy cảnh người xe tập nập, trên tay có lọn nhang, vài nhánh

bông, ít bánh trái rồi họ bày trước Tượng Đài uy nghiêm từ mẫn, trông cái cảnh kẻ đứng người quì tới lui lổ nhổ chấp tay cầu xin... Khi ấy, tôi cũng lặng lẽ trong dòng người ngược xuôi đó, nghe quanh từng nhóm người, có người lầm bầm tiếng được tiếng mất, nhưng cũng có người phát âm rõ mồn một. Nói chung, cũng không ngoài việc cầu xin ban ân nhò phước cho tự thân, gia đình, cho việc làm ăn mua bán, cho bao sự nghiệp lợi danh, cho tai qua nạn khỏi, vạn sự kiết tường như ý, v.v... Ghé mắt trông qua “cây vàng, cây bạc” (hình thức đón lộc đầu năm) thì ôi thôi tả tơi, cảnh ngọn xác xơ ! cũng chỉ vì lòng người tham cầu ích kỷ. Thấy cảnh tượng ấy mà chợt nhớ đến lời Phật dạy cho cư sĩ Cấp Cô Độc: “*Này gia chủ, vị Thánh Đế tử muốn có Thọ Mạng cần phải thực hành con đường dẫn đến thọ mạng. Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến thọ mạng, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được thọ mạng, vị ấy nhận lãnh được thọ mạng hoặc Chư Thiên hoặc loài Người... muốn có Dung Sắc... muốn có An Lạc... muốn có Tiếng Tốt... muốn có Thiên Giới cần phải thực hành con đường dẫn đến Thiên giới. Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến Thiên giới, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được Thiên giới...*” (Tăng Chi Bộ Kinh 2, III, 43, 380-381)

Ta thấy, nhìn về Đức Phật cũng như qua lời dạy của Ngài luôn thiết thực qua từng hành động có tốt đẹp hay không tốt đẹp để đưa đến kết quả có hạnh phúc yên vui hay bất hạnh đau khổ. Như vậy, chính hành động là nguyên nhân, là động cơ quyết định đưa đến một hiện tượng sống tùy thuộc mà con người là chủ nhân hơn hết.

Tuy nhiên, với sự huyền biến phổ hóa chúng sinh, từ đại nguyện trợ niệm của Chư Phật và chư Bồ Tát, nên có sự hiện hóa đại bi tâm vào đời để cứu giúp chúng sanh:

“*Phổ môn thị hiện / Cứu khổ tâm thinh*”

Từ bị thuyết pháp / Độ khổ mê tình..."

Sự hiện hóa của Bồ Tát Quán Thế Âm là thể hiện tấm lòng từ bi của đại nguyện độ sanh, khi nghe tiếng khổ của chúng sanh mà thị hiện cứu khổ, cứu nạn tạm thời cái khổ ngặt lúc ấy, tạo niềm kính tin để chúng sanh nhờ đó biết tu nhân tích đức, làm lành lánh dữ, trì trai giữ giới, tỉnh thức biết rằng: Không thọ dụng của cải phi pháp và cũng không cố tâm tạo ra những của cải phi pháp, ấy là nhân tố phát sinh cuộc sống chơn chánh cao thượng, thuận theo pháp của bậc Thánh. Đồng thời, hành thâm các pháp Ba La Mật nhằm mục đích tăng trưởng các công đức lành do có nhận thức và từ bỏ được sự nguy hại của Tham - Sân - Si, chấm dứt cuộc sống trầm luân sinh tử. Qua lời dạy của vị Tổ sư: "Đức tin cũng giúp ích cho người kém trí được chút ít, nhưng chẳng quý bằng pháp bảo đạo lý, chơn lý, triết lý, trí tuệ... kẻ nào thấu được ý pháp của chư Phật, tôn thờ giáo lý để tự thật hành là quý báu ích lợi hay cao hơn hết..."

Nếu có thật hành tu tập đúng với chánh pháp do Đức Phật đã dạy thì tự thân và mỗi người sẽ vượt thoát khổ nạn, được nhiều an lành, đối với xã hội cũng sẽ được bình yên, không có nạn giết

hại thù hằn, trộm cướp, lường gạt, nghèo khổ, bệnh tật, tai nạn, v.v... chính đó là Phổ Môn, là pháp phát nguyện mở cửa lòng Từ Bi, Trí Tuệ của Phật và Bồ Tát.

Ở Việt Nam, có hình tượng Bồ Tát nghìn mắt nghìn tay "Thiên Thủ, Thiên Nhãn", một tư duy kiến trúc thượng tầng, đích thực vào đời phổ hóa độ sanh được ngang qua nghìn cái thấy, nghìn việc làm đúng đắn chánh chơn. Nhưng điều ấy đâu phải chỉ đơn phương, mà phải được hành dụng tương ứng giữa "Năng nguyện và Sở cầu" (từ nguyện lực cứu khổ và người bị khổ). Càng nhận biết rõ hơn về việc cứu khổ là cứu giúp tạm thời cái khổ ngặt để rồi quy hướng phát tâm bồ đề, nhận biết tội phước, nhân quả trả vay, không còn tạo tác khổ nhân nên không bị thọ khổ quả, chỗ đâu phải việc linh ứng qua sự cầu nguyện là để được chấm dứt khổ đau, vì mục đích tu hành của người đệ tử Phật là cắt đứt dòng sanh tử, chỗ việc cảm ứng linh nghiệm cho nhu cầu ước vọng phạm tâm, để rồi sau đó lại trở về với thói đời thường tình ác quấy tạo thêm nghiệp tội với chúng sanh thì đâu phải là bốn hoài của Phật hay Bồ Tát. Tuy nhiên, dầu sao cũng có phần ích lợi bước đầu

cho người có biết tôn sùng lễ bái, kính ngưỡng từ phía phần đông quần chúng.

Riêng phần tôi suy nghĩ: Nếu như mọi người, trong mỗi chúng ta có nhận thức và có tu tập qua lời Phật dạy:

*"Không làm mọi điều ác
Thành tựu các hạnh lành
Tâm ý giữ trong sạch
Chính lời chư Phật dạy"* (PC.

183)

Biết và thực hiện những điều tốt đẹp ích lợi "Như pháp" cho ta và người, giữ tâm ý chánh niệm trong mỗi lúc, thì ở nơi đâu không là "Quán Âm sức tri diệu / Năng cứu khổ thế gian..."

Hay được "Tám nạn tiêu diệt / Bốn biển an bình"

Xe đưa đoàn về lại đạo tràng, ánh nắng đã dịu hẳn xuống và rót vàng lên mái chùa trầm mặc nghiêng bóng dưới tán cây xanh, nghe tiếng chim chiều thanh thoát với từng tiếng chuông gia trì từ trong bửu điện ngân vang chậm chậm, như từng giọt cam lồ tịnh thủy rơi rơi vào cõi đời muôn trùng mê mông.

*Thạnh phố Bạc Liêu
MẠC PHƯƠNG TỬ*



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CHẢ LỰA CHAY

Vật liệu:

- 2 gói tàu hũ ky đông lạnh (gói 8.oz)
 - 1/2 muỗng café muối
 - 1/4 muỗng café tiêu sọ (tiêu trắng)
 - 1 muỗng café bột nêm nấm
 - 1/2 muỗng café đường (option)
 - 1/2 muỗng café baking soda
- 3 lit nước sôi.

Cách làm:

Tàu hũ ky để tan đá, ngâm vào nước nóng độ 1 hr, rửa 2 lần nước cho sạch, vắt ráo.

Nấu nước sôi cho muối và baking soda, bỏ tàu hũ ky vào sôi 5 phút rồi đổ vô cái rổ lót tấm vải, quần chặt lại dẫn đồ nặng bên trên, để ráo nước khoảng 2 hrs, mang bao tay bóp nhỏ tàu hũ ky, cho bột nêm, tiêu, nêm cho vừa ăn.



Cuốn như đòn bánh tét:



Gói chả:

Trải plastic wrap bên ngoài bên trong lá chuối, gói như đòn bánh tét, cột bằng dây thun hay dây nylon cũng được, rồi lấy cây tăm đâm vài chỗ ở đòn chả để nước thoát ra, bên ngoài gói bằng giấy foid, bắc xúng nước sôi, hấp 1 hr là chả chín, để vài giờ cho chả nguội cho vào tủ lạnh ngày hôm sau ăn mới ngon.



Chân Thiện Mỹ (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Thiên thần vẽ ước mơ

LAM KHÊ



Bé Na ngồi học bài bên hiên chùa khi trời mới bắt đầu đổ mưa. Nó nhìn không chán mắt những giọt mưa chảy dài xuyên qua kẽ lá. Những chiếc lá xanh lấp lánh sắc màu pha lê mà cô Diệu lại bảo đó là những giọt ma ni thẩm nhuận cây cỏ.

- A! Bé Na vẽ gì mà ngoan ngoãn vậy ta.

Cô Diệu đứng sau lưng bé từ lúc nào.

Na quay lại cười:

- Dạ... con vẽ... Vẽ cảnh trời mưa...

- Vẽ trời mưa? Cô bật cười và nhớ là Na thường mơ ước trở thành họa sĩ. Con bé luôn có những ý tưởng ngộ nghĩnh. Nó nhìn mưa để tập vẽ.

Na ngọng nghịu giải thích:

- Con vẽ bằng ý tưởng và mắt nhìn thôi. Vẽ mưa khó quá, thưa cô. Con chỉ mới học vẽ thôi mà.

Cô Diệu ngồi xuống bên cạnh: -Ừ! Vẽ mưa thì không dễ chút nào. Con vẽ được qua ý tưởng là hay lắm rồi. Học vẽ là học mơ ước đấy, cô họa sĩ tí hon à.

Na ngược đôi mắt trong veo nhìn cô. Ngoài đôi mắt ra, cả thân hình và gương mặt con bé nếu

không bị tật nguyên dị dạng thì có lẽ cũng cao ráo xinh xắn như mẹ. Na chỉ mới hơn mười tuổi. Lứa tuổi thơ ngây đã chớm có những ưu tư nghĩ ngợi.

- Vẽ ước mơ là sao hả cô?

- A! Vẽ ước mơ là vẽ ra những điều tốt đẹp mà mình mong muốn. Ước mơ cũng giống như bức tranh đẹp chưa thành hình vậy.

- Như vậy thì con có nhiều ước mơ đẹp chưa thành hình lắm đó. Chẳng nào học vẽ khá hơn, con sẽ vẽ ra hết những ước mơ của mình.

Cô Diệu cười gật đầu:- Mà Na ước mơ điều gì?

Con bé chớp mắt nhìn xa xăm. Nó đang thả hồn theo những mộng tưởng:

- Con mơ ước... làm sao cho bé Ni biết đi biết nói, để ba mẹ đỡ vất vả, để chị em con cùng nhau vui chơi... đi học. Con cũng ước mơ sau này ba làm nhà ở gần chùa... để con được nghe tiếng quý cô tụng kinh.

Ngừng một chút, con bé lại trầm giọng:

- Mỗi đêm con qua chùa tụng kinh lay Phật, con cầu Phật... cầu Bồ Tát gia hộ cho em Ni... cho ba mẹ. Con ước mơ sao mình có thể đánh đổi cả tay chân và giọng nói này... để em Ni cùng được đến trường.

Con bé luôn có những ý tưởng lớn lao hơn cả phận đời bé nhỏ của nó.

- Nếu như cô có được chút thần thông, cô sẽ biến những ước mơ của Na thành hiện thực. Nhưng cô biết Phật và Bồ Tát đã chứng giám cho lòng thành của Na rồi. Nếu kiếp này...

Bé Na đã chạy về bên nhà. Tiếng mẹ gọi làm con bé phải bỏ dở những ước mơ mới vừa phác họa. Cô Diệu đôi mắt nhìn ra đài Quan Âm phía trước. Ước mơ tươi đẹp luôn nằm trong không gian chật hẹp của chữ "nếu" chẳng bao giờ thành câu thành chữ.

... Gia đình Na dọn về ở nơi căn nhà trống sát bên đất chùa. Nhìn cặp vợ chồng trẻ cùng hai đứa con tật nguyên, mọi người đều ái ngại thương cảm. Nhưng vợ chồng nhà ấy lại không tỏ ra mặc cảm tự ti khi đón nhận sự thương hại ấy. Tính cách của họ vốn rất vui vẻ dễ chịu, nụ cười luôn nở trên môi. Cô Diệu chưa từng nghe họ nói lời buồn phiền hay oán trách số phận. Người mẹ có gương mặt thật đáng yêu. Bé Na giống mẹ cả tính cách lẫn nụ cười ấy.

- Sanh đứa con đầu lòng bị dị tật, đứa thứ hai ngỡ sẽ lành lặn. Ai ngờ... Nếu không đi chùa, không nghe quý thầy quý sư giảng kinh thuyết pháp, chắc vợ chồng con không bình tĩnh chấp nhận nghiệp báo của mình để vui sống đến ngày hôm nay đâu cô ạ.

Bé Na sanh ra đã không được như những đứa trẻ bình thường, có điều con bé lại rất thông minh. Cơ thể dị dạng, giọng nói ngọng nghịu, ba mẹ tưởng con không thể đi học. Nhưng khi thấy bạn bè đồng lứa đến trường, Na cũng nằng nặc đòi đến lớp. Nó đang học lớp bốn. Học khá giỏi môn văn và có năng khiếu mỹ thuật, thích vẽ với lung tung. Bé Ni thì bị liệt bẩm sinh, không đi đứng cũng không nói được. Nó đã sáu tuổi, chỉ nằm một chỗ. Ấy vậy nhưng con bé cũng hay đòi mẹ bế sang bên chùa nghe kinh. Người mẹ đặt Ni ngồi yên trong lòng, chấp tay khấn Phật, miệng lầm rầm khẩn nguyện. Không nói được, con bé chỉ biết bày tỏ cảm xúc qua ánh mắt nhìn và đôi tay động đậy.

- Người ta bảo do di truyền, do nhiễm chất phóng xạ, nhưng hai vợ chồng con đã đi xét nghiệm các nơi có phát hiện gì đâu. Đây là nghiệp lực mà chúng con đã tạo ra nhiều đời nay phải gánh chịu lấy hậu quả. Chỉ tội cho hai đứa nhỏ. Chúng quá bé bỏng thơ ngây, chưa từng hưởng được chút hạnh phúc trọn vẹn một con người.



Xóm làng miền quê phát triển thành thị trấn, nhà cửa đất đai của anh chị cũng nằm trong khu quy hoạch giải tỏa. Thời gian này chị thường đưa hai con lên chùa lễ Phật. Ni sư trụ trì đem trái cây cho hai bé và ngồi lại chuyện trò thăm hỏi. Biết chị đang hỏi thuê nhà trong thời gian chờ đợi cấp đất trong khu định cư mới, Sư nói:- Sát bên chùa có ngôi nhà tình nghĩa của người chủ chùa đã mất hiện bỏ trống. Gia đình con dọn đến đó ở tạm, khỏi phải thuê nhà. Ở gần chùa nghe kinh cho tâm tư nhẹ nhàng thư thái. Hai đứa bé cũng có duyên lạ Phật cầu Phật gia hộ.

Anh chị mừng rỡ con cái về ở trên đất chùa. Cuộc sống của gia đình có thêm niềm vui và những bận rộn mới. Sáng ngày chồng đi làm, chị ở nhà lo cơm nước, rảnh rỗi thì bế bé Ni qua chùa nghe Ni sư nói chuyện, thuyết pháp hoặc phụ với quý cô lau chùa quét dọn. Tối đến, vợ chồng con cái lại kéo qua chùa tụng kinh lễ Phật. Cuối tuần, chồng chị sang chùa chẻ củi, tưới cây trồng kiếng... phụ quý cô các công việc nặng nhọc. Còn Bé Na, đi học về là có mặt ở chùa. Ngay việc học bài làm bài, nó cũng cầm một chỗ phía trước hiên. Na thích nghe quý cô tụng kinh. Thịnh thoảng con bé cũng huyền thuyên đủ thứ chuyện mà nó lượm lặt đâu đó trong lớp học. Giọng nói ngọng nghịu lại biết pha trò của Na đôi lúc cũng khiến quý cô phải ôm bụng cười ngất.

Một buổi sáng con bé chạy sang chùa thông báo một chuyện hệ trọng:

- Thưa Sư phụ- Nó gọi Ni sư trụ trì là sư phụ như ba mẹ. Lúc nãy con ngồi đọc truyện Phật của cô Diệu đưa cho. Mỗi lần con ngưng đọc là Bé Ni... nó lại la ư ớ. Con đọc thì bé im lặng chăm chú nghe. Sư phụ! Ni còn nghe được cả tiếng chuông bên chùa nữa đây.

Ni sư xoa đầu Na rồi gật gù nói:- Ở gần chùa được nghe kinh cũng giúp bé Ni phát triển đôi chút kỹ năng hiểu biết. Dù bệnh tật không nói được nhưng tính nghe của nó vẫn không mất. Lúc nào con bận không đọc được thì bảo mẹ mở băng thuyết pháp niệm Phật cho em nghe.

Bé Na nhanh nhẩu thưa:- Dạ... Ni cũng thích nghe niệm Phật lắm ạ.

Ba mẹ bé Na có lẽ là người vui hơn cả. Niềm vui khi thấy đứa con gái nhỏ tật nguyên có chút biểu hiện về niềm tin Phật pháp. Chỉ bấy nhiêu đó thôi cũng khiến

bạc làm cha mẹ cảm thấy hạnh phúc lắm rồi.

- Con bé, cứ tối tối nghe tiếng chuông là đòi mẹ bế qua chùa. Mỗi lần mẹ nó bận công việc chưa kịp tắm rửa thay đồ, vừa nghe tiếng Đại hồng chung là con bé ư ớ rồi khóc thét lên. Cảm niệm hồng ân chư Phật, chư Bồ tát gia hộ cho con bé. Chúng con thật không biết nói gì hơn.

Na thích theo cô Diệu. Cô còn trẻ nên con bé thấy dễ gần gũi nói chuyện. Ngồi với cô là nó mặc sức lú lo:

- Con nghe sư phụ nói, một người đi tu thì cả nhà cùng có phước. Mai một lớn lên con cũng sẽ đi tu cạo đầu mặc áo như cô Diệu vậy đó.

Không muốn làm tổn thương ước mơ thánh thiện của nó, cô Diệu nhẹ nhàng nói:

- Bé Na ở gần chùa, được nghe pháp, sớm chiều nghe tiếng kinh tiếng mõ, biết niệm Phật tụng kinh và ưa thích làm điều lành việc tốt. Như vậy cũng là gieo nhân tu phước rồi, đâu cần phải cạo tóc ở chùa. Na ngoan và cố gắng học giỏi là trả ơn cho ba mẹ rồi. À! Cô nghe Na từng mơ ước làm bác sĩ để chữa bệnh cho em Ni mà, phải không?

- Là con chỉ mơ ước thôi. Con ước mơ nhiều thứ lắm. Ước mơ đi tu. Ước mơ học giỏi làm bác sĩ. Ước mơ làm họa sĩ vẽ tranh. Mà cô ơi! Con nghe ba mẹ nói chuyện. Người ta sẽ cấp đất bồi thường tiền để làm nhà. Vậy là mai một con không còn được ở gần chùa để nghe quý cô tụng kinh nữa. Em Ni không còn nghe tiếng chuông đòi qua chùa lạ Phật. Bây giờ thì con chỉ ước mơ được ở gần chùa, gần sư phụ và gần cô Diệu mãi mãi.

Cô Diệu phì cười:

- Ước mơ nhiều nhưng đạt được cũng chỉ giới hạn thôi, cô bé à. Nếu con có tâm đạo, biết hướng thiện thì ở đâu cũng thành người tốt cả. Nơi mà ba mẹ con sắp cất nhà cũng không xa chùa lắm. Ngày nghỉ học, Na theo ba mẹ tới chùa thăm sư phụ thăm quý cô là tốt rồi.

... Mưa tạnh. Cô Diệu ra vườn hái rau. Ngang qua nhà bé Na, cô dừng lại. Con bé ngồi bên giường đọc truyện Phật cho em nghe. Bé Ni nằm, đôi mắt nhắm thiếp nhưng môi nó cứ mấp mấp như ý nói mình đang lắng nghe. Con bé mấy hôm nay bị bệnh. Căn bệnh lý kéo dài làm nó suy kiệt nhanh chóng. Anh chị vừa



đưa con từ bệnh viện về. Hôm con bé đổ bệnh đã có tiếng xầm xì:

- Những đứa bé như nó thường không sống lâu đâu. Đi sớm cũng là nhẹ nghiệp cho nó và cả bố mẹ.

Anh nghe nói thì tỏ ý không vui:

- Mặc họ muốn nói sao thì nói. Còn chạy lo thuốc thang được lúc nào thì con ráng lo cho nó. Nhìn con đau đớn cha mẹ nào chẳng xót xa.. chỉ mong cho nó chóng khỏi lành bệnh.

- Cô Diệu ơi!

Bé Na kêu lên khi nhìn thấy cô:

- Gì thế, bé Na?

Bé Na cầm vội tờ giấy chạy đến đưa cho cô:

- Con đã vẽ được ước mơ của mình rồi nè...

- À! Cô Diệu nhìn vào tờ giấy. Na vẽ hai đứa bé dắt tay nhau đi học. Phía trên là ông mặt trời đỏ rực. Đường đến trường có nhiều hoa và cỏ dại. Khung cảnh ban mai tràn đầy sức sống trong tiếng hát vui đùa của trẻ thơ.

Na ngập ngừng... ấp úng:

- Là... con vẽ đó. Hai chị em Na và Ni cùng dắt tay nhau đi học. Con dẫn em đến trường. Rồi con sẽ vẽ chùa... vẽ Sư phụ và cả cô Diệu nữa chứ... Chiều chiều hai chị em lại cùng ba mẹ đi chùa...

Ồi! Ước mơ của thiên thần bé nhỏ. Nét vẽ đơn sơ, mơ ước bình dị nhưng chứa đựng cả ngàn lời yêu thương dành trọn cho đứa em gái bé bỏng thân yêu của mình.

Đâu là sự thật?

Soạn giả: **THÍCH MINH CHIẾU**
(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Sáng nay, trời mùa xuân quang đãng quá, những mầm non đầy nhựa đang e ấp dưới những nách thân yêu của các kẻ lá, cành cây, muôn chim đang hòa vui, reo hót những bản nhạc mừng xuân, líu lo lãnh lót. Gió xuân lùa nhẹ những làn hương trong sạch của muôn hoa, làm giảm bớt một ít u buồn của những khách trần gian tục lụy, đồng thời gạt vờ những giọt sương còn bám chặt, đè nặng trên mình hoa lá.

Vàng thái dương đã bắt đầu lên, nhả những tia nắng vàng chiếu tỏa khắp không gian, đem lại loài người nguồn sinh lực vô biên, đánh tan sự đen tối của đêm dài đầy sợ hãi.

Thành Xá Vệ đã trở về với những sự náo nhiệt của một đô thị lớn. Khắp các nẻo đường, người đi, kẻ lại lằng xằng nhứt là con đường lớn vô ra của thành.

Ô kìa! Sao những người đi đường họ đứng dừng lại và nép qua một bên đường hết thế kia? Họ còn đứng im ra dáng cung kính nữa! À, thì ra có Đức Phật từ vườn Cấp Cô Độc vào thành hóa trai, đi gần đến họ. Phải, ai thấy Phật mà không cung kính cúi đầu cho được. Bước đi khoan thai, tướng người oai nghiêm, hùng dũng sức sáng của trí huệ cao siêu, dường như không thể tiềm tàng hết trong người phải tỏa phát ra ngoài, thành muôn ngàn tia hòa quang rực rỡ. Đứng xa trông cũng đủ rung động; lựa là phải đứng gần; càng ngắm lâu, càng nép phục.

Đức Phật vào thành, theo đường phố, tuần tự hết nhà này sang nhà khác để hóa trai. Đi như thế ngót một tiếng đồng hồ. Rồi bỗng nhiên Ngài đứng lại trước cổng một ngôi nhà khá sang trọng. Chẳng nói chẳng rằng, Ngài đứng im đấy thật lâu. Cửa cổng vẫn đóng kín và bên trong lặng lẽ tiếng người. Nếu nom kỹ, ta có thể thấy được bên trong vợ chồng chủ nhà và đứa con đang xúm quanh mâm ăn thì phải.

Đức Phật bèn thâm hào



quang và dùng thần lực bay vào.

Tại thành Xá Vệ này, có một ông trưởng giả giàu có vô số thế mà thâm ông lại là người keo kiệt nhất đời, không ưa làm việc bố thí, cũng không giúp đỡ ai bao giờ. Mỗi khi ăn ông sai vợ đóng chặt cửa cổng, không tiếp bất cứ một ai. Hơn nữa, cửa cổng nhà ông ít khi mở; ông rất sợ những vị Sa môn đến hóa trai và nhất là những người ăn mày. Ông keo kiệt đến độ có tiếng khắp đô thành, thì phải biết! Ngày hôm nay, ông nghe sao thềm thịt gà lạ thường, lại thêm thằng con cũng đồng một ao ước như ông. Sau một hồi tranh chấp trong cõi lòng, ông bèn quyết định bạo dạn bảo vợ làm thịt con gà trống tơ.

Khi món ăn làm xong, dọn lên mâm, lên bát, vợ chồng và con đồng nhau hỷ hả. Đang thích thú khen miếng ngon, miếng béo, ép con, mời vợ, ông trưởng giả bỗng giật nảy mình, tiếng động chân của Đức Phật đã đến tận thềm.

- Đàn việt! Ông bà nên cúng dường cho các thầy Sa môn, được phước báo vô lượng. Đức Phật lên tiếng.

Bị quấy rầy, lại thêm keo kiệt, trưởng giả nhà ta đổ cáu:

- Quái trong lúc vợ chồng người ta đang ăn uống, ông lại đến kỳ kèo xin xỏ? Nếu biết sự xấu hổ xin mời ông ra ngay cho.

- Trưởng giả là kẻ còn mê muội, tự mình không biết xấu hổ, chớ ta là nhà tu hóa trai có gì mà phải hổ thẹn.

- Tôi và vợ tôi, con tôi đang ăn uống ngon lành như thế này, vui sướng như thế này, mà ông bảo là xấu hổ à?

- Trưởng giả giết cha để ăn, lấy mẹ làm vợ, nuôi nấng cung cấp cho kẻ oán thù, đã không tự xấu hổ, còn lên mặt trở lại chê ta là nhà tu hành không biết thẹn à?

- Đạo sĩ nói thế nào? Nhà tu hành sao ăn nói kỳ cào thế, tôi giết cha, lấy mẹ hồi nào?

- À, thì ra trưởng giả chưa hiểu gì cả. Con gà trống tơ đang dọn ăn trên mâm kia là cha của ông. Hồi trước vì bán tánh tham lam, keo kiệt, nên nhiều đời phải sanh làm loài gà, ăn bản cố xay để trả nghiệp. Vì nghiệp quả của ông ngày nay chấm dứt, nên khiến ông thềm, con ông lại đổ thức. Vợ ông tuy phải buộc lòng bắt gà làm thịt, chớ khi giết bà ta vẫn đau khổ dữ lắm, bởi đây oan nghiệp nhiều đời còn vương vấn. Đứa con của ông hiện đây, đời trước nó là quỷ La Sát. Còn vợ ông bây giờ, là mẹ ông hồi nhiều đời trước. Vì ái ân sâu nặng chưa dứt, nên ngày nay phải làm vợ ông để trả cho hết tình yêu thương tiền kiếp. Ông vì si mê không thấu biết căn nguyên, nên đành giết cha nuôi kẻ oán cừu, lấy mẹ làm vợ, thật là điên đảo luân thường. Chúng sinh vì nghiệp chướng che ngăn, tạo nghiệp, thọ quả, quay cuồng mãi mãi, sanh tử trôi lăn trong ba nẻo, sáu đường không ngày nào cùng tận. Thật đáng hổ thẹn, đáng thương tiếc biết bao!

- Bạch Ngài phải làm thế nào để có thể hiểu rõ được và bậc người nào mới có thể thoát khỏi vòng khổ lụy của sanh tử, luân hồi, xin Ngài từ bi bảo cho chúng tôi thật muôn phần cảm tạ.

- Này thiện nam tử! Những sự oan oan tương báo, tử khứ sanh lai, lặn hụp nổi chìm như

thế, chỉ những bậc tu hành đã dứt trừ tất cả phiền não mê lầm, chứng đẳng ngũ nhân lục thông mới mong thoát khỏi. Còn ngoài ra đều khó tránh được sự trả vay của nhiều đời nhân quả. Ta này đã quan sát kỹ, thấy trưởng giả nhân tiền căn có gieo hột giống Phật vào thức điền, dù trải bao nhiêu kiếp luân hồi đến trả oạn khiên, nhưng phước báo vẫn không mất. Ngày nay nghiệp quả trả xong, căn lành thuần thực, nên ta khuyên trưởng giả hãy phát tâm cho mạnh mẽ tinh tấn tu hành kéo ngày sau khó thoát.

Kỳ diệu thay! Lời của Đức Phật vừa thốt xong như liều thuốc trị bệnh, ông trưởng giả sợ tháo mồ hôi, tóc lông đều dựng đứng. Phật liền hiện oai thần cho ông nhớ lại những tội khiên tiền kiếp.

Bấy giờ ông trưởng giả hết sức ăn năn lay Phật để sám hối những tội khiên ông đã tạo và phát nguyện tu hành, mong thoát khỏi những tội nghiệp do ngu muội tạo ra, tánh bốn xén bỗng nhiên tiêu tan mất.

- Lay Ngài, nhờ thần lực của Ngài phá tan những lớp mây mờ trong đầu óc của con, ngày nay con mới thấy rõ đâu là sự thật. Bấy lâu nay, con tưởng những cái gì xung quanh con, nào vợ, nào con, nào của cải, đều là chân thật của con, nên con mới lần tiếc từ đồng. Xét ra con vì nghiệp chướng ngăn che, càng nhận thấy càng chìm, nên càng mê muội, lấy giả làm chân, cho hư là thật. Ngày nay con đã rõ ra thì sự đã rồi, mong nhờ ơn Ngài giải thoát giùm con. Con thật muôn phần cảm tạ.

Đức Phật nhận lời thâu ông vào hàng đệ tử. Ông xin thọ 5 giới của Phật, tu hành chứng đẳng quả Tu Đà Hoàn.



GỬI NHỚ

*Khơi xa gọi nhớ rừng già
Sóng triền miên vỗ ngân nga nhạc buồn
Chia lìa từ lúc mới thương
Gửi sóng ra biển trầm rừng hương bay.*

SÓNG LÒNG

*Phập phồng sóng vỗ mùa đông
Dập dồn sóng lớn rung lòng ai đau
Thương vai áo mẹ bạc màu
Tay cha thô ráp dãi dầu nuôi con!*

BAO GIỜ?

*Nảy bung một nụ yêu tình
Trắng trong trang sách nguyên lành băng khuâng
Nụ cười hòa lệ rung rung
Nay là thủy. Bao giờ chung? Im lìm.*

NHÂN VÀ CHIA

*Cuộc đời nghiệt ngã nhân đôi
Âm thầm năm tháng nằng, tôi chia đều
Yêu nhau thấy nhẹ tênh hèn
Ghét nhau thấy quá chán phèo đau thương!*



thơ **VĨNH HỮU**

Dòng nước đôi bờ

ẤN KIÊN

Dòng nước đôi bờ là con đường đang đi, dấu chưa tới cứ đi. Đi trong nỗi niềm khát vọng mang theo chút ít chất liệu được pha chế và cô đọng để xây dựng tình đời, có đó mất đó. Vươn vai với nhịp thở, đất là nền tảng của đôi chân và đôi chân là phương tiện có xa cũng có gần.

Với hoài bão ôm ấp đôi lúc với cảm nghĩ như đường lộ xe chạy ngùn ngụt không dứt, chân chen chân, giẫm lên nhau cố đuổi bắt những ý nghĩ mơ hồ không thực tế nhưng chẳng mấy ai toại nguyện kiếp sống chẳng.

Đôi bờ là hai bờ khác biệt nhưng không riêng biệt. Bờ bên này ngó qua bờ bên kia cách một dòng sông nước chảy; bờ bên là nhóm lửa được un đúc khói tỏa mịt mờ che lấp chân trời cây cỏ và dấu chân người đang đi. Ngọn lửa tàn người thấy người đã để lại dấu vết màu đen, đất loang lổ hoang tàn xơ xác đổ nát. Chẳng bao lâu, vùng đất này đã sống lại với những giàn hoa thiên lý chùm hoa tuy nhỏ nhưng hương thơm ngào ngạt, dây leo lan tỏa được tưới tắm tro tàn còn lại. Còn bờ bên này ruộng lúa ngô khoai, có cỏ ven sông thỉnh thoảng thẳng chân đuổi cánh, kiếm mồi nuôi con; không khí trong lành gió nồm thổi mát dịu thoảng qua mùi mạ non được chăm sóc, lưng oằn nặng gánh; trâu cày hì hục ngoan ngoãn bước đi, lắng nghe tiếng hò trâu thương mình thương chủ.



Đôi bờ là dòng sông không ngăn cách ghi lại nỗi niềm của ngọn đèn dầu hỏa le lói giữa đêm thâu đang đối diện với cõi không màn đêm đầy đặc. Dầu thể nó cũng có ánh sáng cho ta phân biệt cái này khác cái kia. Hoặc thăm nghĩ hai bờ là dòng sữa mẹ được ấp ủ tháng ngày đã thoát thai có hình hài có hoa có nhụy, nhụy kết trái, hoa nở cảnh thêm đẹp mắt, ngắm hoa như nhìn lại mình, nhẹ nhàng cảm giác lâng lâng tình tự gần bó. Thực thể được như thế khác gì con thuyền xuôi mái trên dòng sông lai láng sóng vỗ mạn thuyền, luân chảy khắp nơi giữa thiên nhiên như muốn ngàn con sông lớn nhỏ âm thầm và lặng lẽ chuyên chở ra biển hòa chung nước với nước qua những cầu lục bát chân thật hồn nhiên.

*Trời cao trong vắt sao băng
Sông Ngân màu trắng đêm
trăng nhớ ngày*

Hoặc
*Sông qua con nước thêm
bèo*

*Phận bèo, bèo biết eo xèo
đón đầu*

Dòng sông như dòng người. Dòng sông có nước, dòng người có đôi tay với tầm nhìn hiểu biết. Dòng sông cố định, thế nhưng nước không cố định, nước dễ uốn nắn nước có khả năng thoát khỏi vũng ao tù ứ đọng. Nước có mặt khắp nơi, tỷ như sa mạc khô cằn nước cũng có mặt. Nước là nguồn lợi chuyên chở khắp hang cùng ngõ hẻm để đáp ứng sự sống con người. Nước là niềm vui rộng lớn làm thỏa mãn khi cơn khát. Với thực tế con người chết vì đói những năm xưa, chưa bao giờ chết thiếu nước. Sự sống con người không có nước chết khô nhiều hơn chết đói.

Nước trầm lặng vô tư biết cười biết nói biết nóng biết lạnh. Nước không thổi trào trước bạo lực, nước không ngã gục trước đam mê, nước mãi mãi với thời gian, người đầu nước đó. Chiến tranh các nước ưa gây bạo loạn

đã làm băng hoại dòng nước và làm ô nhiễm không khí thiên nhiên. Quả đất còn may, vẫn minh con người đã khống chế với ý chí giữ gìn và bồi dưỡng dòng nước sạch để con người sống sót. Nước thăm hỏi chính mình. Sóng là nước, nước trở lại sóng và tan ra. Biển sóng đêm ngày vỗ dào dạt. Trời xanh mây trắng, biển có sóng chúng ta có con đường đang đi. Đi trong hoài niệm đi trong đau thương mất mát. Nước mang đầy ý nghĩa như thế, quả đúng vậy vì thực tế đã chứng minh nước có bao giờ chảy ngược trái đạo lý lẽ thường mấy ai nghĩ tới bởi vì nước rẻ hơn bèo, sở dĩ chúng ta trả tiền hàng tháng công người chuyên lo cho ta một ly nước trong sạch. Nhìn xa lượng nước Lake Lanier thuộc tiểu bang Georgia /Atlanta là trọng tâm nguồn nước cung cấp đầy đủ tới mọi nhà và vùng phụ cận. Dừng chân mời bạn ghé qua dòng sông hữu tình, hữu ích đó, tắm sạch bụi tội thỏa thích trong biển nước thích thú vô cùng không tốn một xu nào.

Nước là nguồn cảm hứng vì nước đã cứu mang nặng nề trong niềm hạnh phúc vô biên. Có nước có người, nước hòa đồng loang tan mát dịu mỗi bữa cơm chiều sáng tối với giấc ngủ bình yên. Một ly nước trên dòng sông với cảm nghĩ đưa ta trở về với mùa xuân, mùa của yêu thương, chim ban mai rũ cánh bay cao rồi la đà trên mặt sông với giọt nước đầy bay xa. Quả đất có mặt, biển cả, sông ngòi, núi đồi có mặt. Nước chân tình. Biển xôn xao. Sông ngòi ao hồ phong cảnh đẹp mắt muốn ngắm nhìn, chân chẳng muốn bước đi. Bức tranh thiên nhiên toàn cảnh vĩ đại bút mực nào tả cho hết lại thêm sức sống con người tô đậm vẻ đẹp đó và làm nảy nở mặt đất giàu có về tinh thần sáng tạo và văn minh vật chất. Nước là hơi thở của con người là sự sống tuyệt đối là hạnh phúc rộng lớn vì điều vô cùng tận. Nhà Phật đã phong phú hóa nước là biểu tượng cho tình

thương. Người con Phật biết ơn Phật cúng dường Đức Thế Tôn một ly nước lạnh mát với chừng ấy nói lên lòng bao dung độ lượng của Ngài đã dày công giáo hóa chúng sinh với những bước đi tập tễnh biết nhận ra lẽ phải và biết tôn trọng lẽ phải, không lấn áp, biết nhân nhục, biết hy sinh và thông cảm với tha nhân. Đức Phật là hiện thân của Từ bi và Giác ngộ.

Người viết cảm nghĩ họa theo bài vận sau đây:

*Lửa, nước chạy rất mau
Đất, cây tình thâm giao
Hoa, nước đẹp trắng sao
Người cao, nước không cao
Dường nước như dường*

người

*Nước chảy một dòng xuôi
Có nước cá lội bơi
Đất buồn nước không nguôi.*

Hoa xuân trong mỗi chúng ta, mỗi năm mỗi tuổi, xuân đang đi và xuân để lại cỏ cây sinh sôi phát triển, hoa dọc đường hương thơm dễ chịu, thời tiết thanh lương màu áo anh màu áo chị nở rộ ngập lối đi. Tất cả mùa xuân mang lại cho chúng ta một vẻ đẹp niềm vui lớn đón xuân và gần gũi với người thân hơn thế nữa nhân

dịp vui Tết cổ truyền con cháu được thừa chuyển thăm lặn với Tổ tiên Ông bà ngắm đẹp hoa nở trong những ngày trầm hương xông tỏa lễ nghi nổi lại với lời nguyện an lành.

Nhà nhà ai nấy rộn rã. Ra đường cũng thế, đông tăn, xuân đến. Trục lộ giao thông hoa cỏ đại vương đường nó mọc theo ý nó, vươn mình đứng dậy trở hoa nhìn chung đủ màu sắc, tuy vàng vọt nhưng cả một đám hoa trông cũng xinh, người qua đường thoảng qua đôi chút ngậm nó với cảm nghĩ Trời mưa chúng thường tồn tại. Mưa rơi hoa tàn cứ thế tiếp tục không bao giờ dứt.

Tạ ơn Trời đất. Thiên nhiên có đủ nhân tố đã để lại những dòng sông đầy tình nghĩa, nước sông thấp, bờ đề cao, bảo đảm chức năng ẩn chứa sự sống của nhân loại. Vận hành quả đất không ngừng nghỉ. Người xưa đi tìm kiếm quả đất quy luật quay vòng. Và người nay đang phát huy cái hay vẻ đẹp và nghĩ nhiều hơn ở hiện tại. Quả đất đã ôm con người vào lòng với biết bao nhiêu không kể xiết. Cho ta chỗ đứng nhìn mỗi mắt lâu đài biệt

thự. Biển cả cá tôm đầy chợ. Ruộng đồng dư thừa lúa gạo, lương thực vận chuyển không ngừng. Mặt đất cảnh đẹp thái bình sự sống con người được bảo vệ hạnh phúc ấm no. Con người cổ mặt trên hành tinh này là vận may lưu luyến mặt đất mấy ai rẽ lối...

Với những dòng chữ chân tình mộc mạc qua câu văn dễ nghe thấm đẫm "Đường mòn nhân nghĩa không mòn." Thọ mệnh phúc đức là con đường sống an vui thảo gỗ; vui nhiều hơn khổ là bước tiến là hiện diện trong đời sống thực tại—nương nhờ vào đối tượng thực tại lấy con người làm chủ là đối tượng của mình để dung hòa kết hợp cùng một dòng nước luân lưu xuôi chảy để thừa hưởng những gì mặt đất có người có. Nói khác hơn, chân lý của hướng đi với tâm hồn xây dựng ngôi nhà đẹp để có nền móng vững chắc có sức chịu đựng lâu dài, vừa ở vừa tu bổ, mở mang có lối chôn để ngó cảm nhìn giọt nước đã có sẵn trong mỗi chúng ta.

Ấn Kiên

Cuộc đời Đức Phật



Dản sinh



Xuất gia



Tịch diệt



Thành đạo



CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

Photos by Đặng Đức Cường

GIẢI TRÍ TUỔI GIÀ

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Giải trí là làm những việc nhẹ nhàng nào đó để đầu óc thư giãn, cơ thể bớt mệt mỏi, tinh thần được thêm phần thoải mái, vui vẻ.

Đây là một phần trong các hoạt động của đời sống, đặc biệt là với quý vị tuổi cao. Lý do là ở tuổi này các bác đã về hưu, sau một thời gian dài gây dựng gia đình, phục vụ cộng đồng, xã hội, các bác sẽ có nhiều thì giờ rảnh rỗi. Các bác cần tham gia vào một thú tiêu khiển nào đó để khỏi rơi vào cảnh "Ngồi buồn mà trách ông Xanh" hoặc "nhàn cư vi bất thiện" cũng như để duy trì tình trạng sức khỏe tinh thần và thể chất lành mạnh.

Con cháu nên đặc biệt lưu tâm tới vấn đề này, vì cha mẹ già thường hay trở lại tâm trạng của một đứa bé, hành động bất thường, vui đấy buồn đấy, đôi khi hơi cứng đầu, không chịu nghe ý kiến người khác. Con cháu cũng nên để ý rằng không phải già là không còn các thú tiêu khiển lành mạnh.

Trước đây các cụ ta vẫn nói về hưu là thời kỳ quy ẩn, vui thú điền viên. Các cụ thư giãn với công việc trồng hoa, nuôi chim, làm cây cảnh hoặc "ngao du sơn thủy" thăm viếng bạn bè, quyến thuộc gần xa. Các cụ gặp nhau đánh cờ giao lưu, trà dư tửu hậu, bàn chuyện năm châu bốn bể.

Ngày nay lại còn nhiều thú tiêu khiển khác mà quý bác có thể làm, như là:

- Tiểu công nghệ tạo ra các sản phẩm nhỏ bé nhờ bàn tay khéo léo kinh nghiệm của các bác, như đồ chơi trẻ em, đồ gốm, vật dụng bằng gỗ... Các đồ chơi này có thể là nguồn lợi tức thêm cho ngân sách gia đình hoặc mang bán để gây quỹ từ thiện, giúp người nghèo khó. Hiện nay, có nhiều lớp hướng dẫn để các bác làm công việc này.

- Học vẽ, sử dụng máy vi tính, học chơi một nhạc khí nào đó hoặc tham gia nhóm ca hát tại cơ sở tôn giáo, tổ chức nhân dân. Ở tuổi cao, sử dụng máy vi tính giúp ta tìm đọc nhiều loại sách quý mà không cần tới thư viện, hiểu biết diễn biến nhiều sự việc xảy ra khắp nơi trên thế giới, giúp ta liên lạc với bạn bè qua những lá thư điện tử.



- Tập luyện dưỡng sinh với nhiều phương pháp khác nhau, nhưng có chung mục đích là thư giãn tâm hồn, tập trung tư tưởng, giữ tâm thân an lạc, loại bỏ nhiều ý đồng thời cũng áp dụng các cử động để tăng cường sức mạnh cơ bắp, uốn chuyển trơn tru xương khớp.

- Khiêu vũ, múa đôi cũng đang được nhiều bác ưa thích, vừa để thư giãn tâm hồn trong điệu nhạc và cũng dẻo dai đôi chân, uốn chuyển thân hình, giảm béo, hạ huyết áp, đường huyết, cholesterol.

- Tham gia các công tác từ thiện giúp đỡ người có nhu cầu, thăm viếng bệnh nhân tại bệnh viện hoặc các vị lão niên khác chẳng may kém sức khỏe đang sống tại nhà người già, viện dưỡng lão.

- Tổ chức tham quan di tích lịch sử, phong cảnh quê hương hoặc du lịch xứ lạ để biết thêm phong tục tập quán đất nước quê người.

- Tình nguyện tại trường học để truyền đạt kinh nghiệm đời sống, việc làm cho con cháu cũng như kể lại nguồn gốc lịch sử tiền nhân, duy trì văn hóa, truyền thống hào hùng dân tộc.

- Làm vườn, trồng cây cảnh, vun tưới mấy luống rau thơm cũng là thú tiêu khiển thanh nhả, thoải mái mà lại tạo thêm phong cảnh đẹp mắt cho ngôi nhà mà đôi vợ chồng già đang ở.

- Người có tâm hồn văn học nghệ sĩ thì làm thơ, viết sách, học đàn học hát ca vui ngày tháng với bạn bè, quyến thuộc. Phát minh karaoke vào cuối thế kỷ vừa qua đã giúp con người giao lưu với con người một cách cởi mở, vui nhộn qua việc vô tư "hát cho nhau nghe" dù hay dù dở, miễn là cùng vui.

- Rồi lại còn đi câu cá, đánh cờ, chơi domino, ô chữ và nhiều thú vui nhẹ nhàng bổ ích khác.

Một giải trí mà ngày nay nhiều lão niên cũng hay tham dự là lui tới các sòng bài, casino.

Mấy bác lý luận là tới các sòng bài là có cơ hội gặp gỡ người này người khác hàn huyên cho vui, đồng thời cũng kéo máy tập tay, chơi bài luyện mắt, ăn uống tự do không tốn tiền và coi văn nghệ "chùa". Đây cũng là giải trí tốt, nếu khách làng chơi giới hạn được thời gian chơi, số tiền sẽ mất, không đam mê cay cú "thua me gỡ bài cào" đến nỗi rơi vào tình trạng mà cổ nhân thường nhắc nhở là "Cờ bạc là bạc trắng Bần."

Tuổi già trí óc thường cũng hay xáo trộn, nhớ trước quên sau, ù lì trì trệ. Nếu không năng dùng tới các chức năng cơ thể thì e rằng sẽ rơi vào tình trạng "thối lui," cô lập rồi buồn phiền, gắt gỏng, biếng ăn mất ngủ, sức khỏe suy dần. Cho nên, hãy lấp đầy khoảng trống thời gian với các sinh hoạt trò chơi hữu ích để tránh nhàm chán mà lại có lợi cho sức khỏe.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
Texas-Hoa Kỳ
www.bsnguyenyduc.com

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



SẮC TƯỚNG

Gã được vốn có chút thông minh, được bạn bè tôn quá khỏi đầu nên sanh ngạo mạn, đụng đâu cũng chê bai. Thấy người đi chùa lễ Phật, tỏ tượng, đúc chuông... gã bảo vin vào bài kệ "Sắc tướng" nói:

- Sắc tướng là hình thức, là mê tín. Phật ở trong tâm!

Hòa thượng bèn hỏi:

- Anh có kính, có thương cha mẹ không?

- Thừa thầy tất nhiên là có!

- Vậy anh làm như thế nào?

- Thừa thầy Cha mẹ sống thì phụng dưỡng, vẫn an. Cha mẹ qua đời thì kính cẩn phụng thờ.

- Anh đã hiểu vậy sao còn buông lời mê muội vậy!

Gã lặng cả người lí nhí:

- Bạch thầy con xin sám hối.

GÀ RỪNG - GÀ NHÀ

Chú gà may mắn thoát khỏi lồng chạy vào rừng. Cảnh trí mới quá làm chú ngỡ ngàng. Gặp gà rừng chú hỏi:

- Ở đây ăn cái gì, sống làm sao?

Gà rừng nói:

- Ăn hạt cây rừng, uống nước suối, tự do rong chơi, muốn gáy thì gáy.

- Eo ôi tự do thế này ư? ở nhà chủ cho ăn, bảo gáy khi cần thôi.

Gà nhà trả lời và chú nhất định quay về. Hôm sau chú chợt nhớ rừng bèn gáy vang. Chủ nhà giận dữ quát:

- Con gà nhiễm thói gà rừng, phá vỡ luật lệ.

Nói xong bèn lôi ra giết thịt.

SANH DIỆT

Hòa thượng hành thiền trên núi thấy chú thỏ mắc bẫy bèn gỡ ra.

Người thợ săn giận hỏi:

- Sao lại thả con thỏ của tôi?

- Anh có gia đình không? Hòa thượng hỏi lại.

- Tất nhiên là có.

- Vậy khi cha mẹ hay vợ con anh mắc nạn anh có đau buồn không?

- Tất nhiên là đau buồn.

- Con thỏ nó cũng có gia đình,

khi anh giết nó ăn thịt thì diệt thẳng sanh. Nếu anh tha mạng nó thì sanh thẳng diệt.

Gã thợ săn không vui nhưng cúi đầu ngẫm nghĩ.

HƠN CẢ BẢO HOÀNG

Ngày hắc công tử lên làm quốc chủ, thiên hạ bàn tán xôn xao.

Chú Bảy khai mào:

- Trời! bộ hết người sao chọn hắc công tử.

Chị Hai Neo (nail):

- Sao bỏ phiếu cho anh bảy Chà Và (hình trên cây kem Hynos) vậy cả?

Bác ba HO than vãn:

- Bộ hết thời sao chọn hắc công tử làm quốc chủ?

Thời gian qua nhanh. Hắc công tử làm ngon ơ việc quốc gia: Luật sức khỏe thông qua, đưa quốc gia thoát vũng lầy Iraq-Afghanistan, kinh tế tăng trưởng, thất nghiệp giảm, giá dầu hạ... bàn dân thiên hạ thở phào.

Vậy mà dân Mít nhà ta vẫn âm ức hắc công tử hoài.

ÁO GẮM VỀ LÀNG

Tình dậy sau khi dạt vào bãi, gã bằng hoàng như vừa thoát khỏi địa ngục. Vợ con bị cướp biển hiếp và bắt đi, bạn bè bị bắn hoặc ném xuống biển, tàu bị nhấn chìm. Gã thề sẽ không bao giờ quên những đau thương khiến gã phải ly hương. Đất mới dễ sống cộng với cần cù và may mắn, gã trở nên giàu có. Rồi gã về thăm cố quận, vùng tiền ăn chơi nổi tiếng đến độ mấy cô gái bán bar trạc tuổi con gã ngày xưa phải trầm trồ:

- Nhất muối tiêu nhì Việt kiều.

Vài bạn cũ nhắc chuyện xưa, gã biền hộ:

- Quá khứ cho qua, sống với hiện tại mà. Mấy người lạc hậu quá, ghen tị với tôi hả?



Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

LỜI GIỚI THIỆU CỦA BAN BIÊN TẬP:

Phương Trời Cao Rộng là tên gọi chung của bộ truyện dài gồm 5 tập: *Phương Trời Cao Rộng*, *Bụi Đường*, *Ngõ Thoát*, *Cởi Trói I* và *Cởi Trói II* của nhà văn Vĩnh Hảo. Truyện được khởi viết cuốn đầu tiên (*Phương Trời Cao Rộng*) từ năm 1993 và hoàn tất cuốn sau cùng (*Cởi Trói II*) vào năm 1997. Tác phẩm được viết theo lối tự truyện, với nhân vật chính xuất gia làm chú tiểu ở Phật học viện Hải Đức, Nha Trang, đầu thập niên 1970. Qua cuộc đời của nhân vật chính này, nếp sống và lý tưởng của người xuất gia từ lúc hành đầu cho đến khi trưởng thành được vén mở. Tác phẩm cũng cho thấy sự phấn đấu gian nan của một tăng sĩ, đối với nội tâm cũng như ngoại cảnh, để bảo vệ lý tưởng và chí nguyện xuất trần cao đẹp của mình. Sau hơn 5 năm nguyệt san Chánh Pháp lưu hành, với sự đề nghị và thôi thúc của nhiều tôn đức, văn thi hữu và độc giả, Ban Biên Tập và nhà văn Vĩnh Hảo quyết định khởi đăng tác phẩm *Phương Trời Cao Rộng*, kể từ số 38, tháng 01.2015. Tác phẩm gồm 15 chương, sẽ được lần lượt đăng mỗi kỳ nối tiếp nhau; chương nào dài sẽ phân làm 2 kỳ. Bộ truyện dài này đã được xuất bản từ 1993 – 1997, và cũng đã được phổ biến trên website www.vinhhao.info từ lâu; nhưng nhiều độc giả không có cơ hội mua sách và đọc truyện trên mạng, do đó, Chánh Pháp trích đăng nơi đây là để gửi tặng những độc giả ấy. Trân trọng.

CHƯƠNG HAI

Cách nhà tôi hai căn là ngôi chùa sư nữ Vạn Thạnh. Tôi và bảy em bốn đứa cũng thường đến chùa tụng kinh Pháp Hoa vào mỗi tối. Từ lúc này ý muốn xuất gia, tôi càng đến chùa thường xuyên hơn. Tôi đến vào buổi sáng sớm để giúp các sư cô lau chùi điện, quét sân. Rồi mỗi tối thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu, từ sáu đến bảy giờ, tôi lại được sư cô trụ trì cho tham dự lớp học giáo lý dành riêng cho các tiểu ni. Lớp học vốn vẹn có mười người mà chỉ mình tôi là con trai, lại là tục khách. Vậy mà cuối tháng cộng số điểm, tôi được xếp hạng nhất. Sư cô trụ trì lấy đó làm buồn, rầy la các tiểu ni sao học dở để cho tôi là người ngoài chùa vào lại đứng đầu. Các tiểu ni lớn tuổi hơn tôi có hai cô cỡ mười sáu, mười bảy tuổi đã cạo nhẵn tóc, chít khăn rồi thì chỉ cười cười, không tỏ vẻ gì là tự ái. Một cô còn khuyến khích tôi học giỏi để sau này đi tu dễ được chấp nhận. Riêng các tiểu ni cùng lứa hoặc lớn hơn tôi chừng một, hai tuổi thì lại đổ kỵ, đâm ghét tôi, cho rằng vì tôi mà các cô bị la. Cũng không trách các tiểu ni này được vì dù sao các tiểu ni này tuy đã mặc đồ tu nhưng vẫn chưa được cạo tóc (chắc là mới đi tu). Chỉ có tiểu ni nhỏ nhất chùa, đầu khoảng tám, chín tuổi (trong chùa thường gọi

là Bé, pháp danh Diệu Nguyên, chẳng rõ tên thật là gì) là tiểu ni duy nhất được cạo tóc, để một cái chóp dài vắt qua vành tai (nghe đầu đi tu đã lâu, từ lúc bốn, năm tuổi) là hồn nhiên vui vẻ, có gì chưa hiểu cũng hỏi tôi, coi như chuyện tôi hơn cô ấy là thường vì ở ngoài, tôi học lớp cao hơn, mà tuổi đời tôi cũng lớn hơn nữa. Thấy sự có mặt của mình làm cái gai cho các tiểu ni kia, khiến lớp học mất hòa khí, tôi xin nghỉ học. Nhưng tôi vẫn đến chùa thường xuyên để tụng kinh Pháp Hoa mỗi tối hoặc có mặt tại chùa mỗi cuối tuần để *tổng vệ sinh* (chùi rửa kỹ lưỡng ngoài sân cũng như trong chánh điện và các dãy phòng). Cái tệ nhị không muốn mất lòng người khác không hiểu được tôi học từ đâu mà đã biết áp dụng từ lúc đó. Chỉ một thời gian ngắn ngủi sau khi tôi thôi học giáo lý, các tiểu ni đã vui vẻ trở lại với tôi. Buổi tối, chúng tôi cùng ngồi hai hàng dọc ở dưới thấp (các sư cô lớn ngồi ở bục trên sân bàn Phật) tụng kinh Pháp Hoa, hồn nhiên như những chim non.

Nếu tôi là một cậu bé bốn, năm tuổi, có lẽ tôi được khuyến khích xuất gia ở chùa sư nữ này rồi. Một số các chùa sư nữ đã nhận cho xuất gia những bé trai nhỏ như vậy, nuôi đến tuổi mười hai, mười ba thì đem gởi ở chùa tăng của quý thầy. Nhưng tôi

không thích vậy. Từ khi thường xuyên đến chùa sư nữ, tôi chưa hề có ý niệm là xin xuất gia ở đây. Có nhiều lý do lắm. Thứ nhất, đây là chùa dành cho phái nữ. Thứ hai, nếu “*tu tạm*” ở đây một thời gian rồi chuyển qua chùa sư tăng thì tôi cũng đã quá lứa để được nhận rồi (lúc này tôi đã được mười một tuổi). Thứ ba, chùa gần nhà quá. Thứ tư, chùa nhỏ mà gần nơi thị tứ quá. Khi nghĩ đến chuyện xuất gia, tôi luôn phóng mắt trong đầu mình một ngôi chùa rộng, khoảng khoát, có cây đa hay cây bồ đề thật to, tọa lạc trên núi cao, tách hẳn với thế tục.

Các sư cô lớn và các tiểu ni ở đây đều biết hoặc nghe nói tôi có ý định xuất gia nhưng không ai biết là tôi bị gia đình ngăn cản. Các tiểu ni thì vui vẻ coi tôi như bạn đạo (ít ra cũng đã từng bạn học cùng lớp) hay như người trong chùa, có chuyện gì tiến bộ hay khó khăn trong việc tu học cũng kể cho tôi nghe. Nhưng tôi chỉ lắng nghe, đôi khi góp ý với các tiểu ni mà chính tôi vẫn có niềm riêng tư còn phong kín cho riêng mình, chẳng biết bộc lộ với ai.

Nhằm số tiền để dành đã đủ cho một chuyến xe đò đi xa, trưa hôm đó tôi đến chùa sư nữ xin một cuốn kinh nhật tụng. Nhưng chùa hiếm kinh quá, mỗi tiểu ni chỉ được một cuốn, không ai có dư mà cho tôi. Các tiểu ni bảo tôi hãy

lên xin sư cô trụ trì. Tôi ngại, không dám vì đang giờ nghỉ trưa, sư cô đã đóng cửa phòng. Tôi còn tần ngần đứng ở phòng khách chưa biết làm sao để có một cuốn kinh thì một tiểu ni đến gần, tìm hiểu, hỏi tôi đủ chuyện. Tiểu ni này lớn hơn tôi vài tuổi, tên là Su (hay Xu gì đó). Tôi vẫn thường gọi bằng chị Su.

"Chiều tối đến xin cũng được chứ chờ chi cho mệt. Bộ gấp lắm hả?"

Tôi đáp:

"Dạ, phải nội trong trưa nay."

"Bộ đi tu hay sao mà đòi xin kinh? Mà nếu đi tu thì tu chùa nào chùa đó sẽ cho mình kinh chứ, lo gì phải có trước!"

"Em muốn có kinh để lo học cho thuộc trước khi vào chùa chị Su à!"

"Vậy thì chiều đến xin kinh sư cô, xong nhờ sư cô chỉ cho biết kinh nào cần học trước, gấp gấp gì dữ vậy!"

Tôi nóng ruột quá đành nói thật:

"Em tính trốn nhà đi tu, chị Su à! Chị đừng nói ai biết nghe, chút nữa em về nhà lấy đồ xong là đi luôn, cho nên em mới xin kinh đó chứ."

Chị Su nghe nói giật mình, nhưng cũng tận tình giúp đỡ tôi chứ không có ý can ngăn gì. Chị nói trong tu kinh có một cuốn kinh rách nát, thiếu một số trang nhưng các kinh quan trọng cũng còn đầy đủ không bị mất trang nào. Tôi mừng rỡ xin chị lấy dùm cho cuốn kinh rách đó. Chị ngập ngừng một lúc rồi nói:

"Cuốn kinh đó không phải của chị. Chị thấy trong tủ kinh trên bàn thờ Phật. Chắc là bỏ rồi, nhưng... cũng đâu được quyền lấy ngang như vậy, phạm giới ăn cắp đó!"

Tôi năn nỉ:

"Chị lấy đi rồi đổ hô em ăn cắp cũng được. Ăn cắp gì chứ ăn cắp kinh để tụng đọc thì đâu có sao!"

Chị Su xì một tiếng:

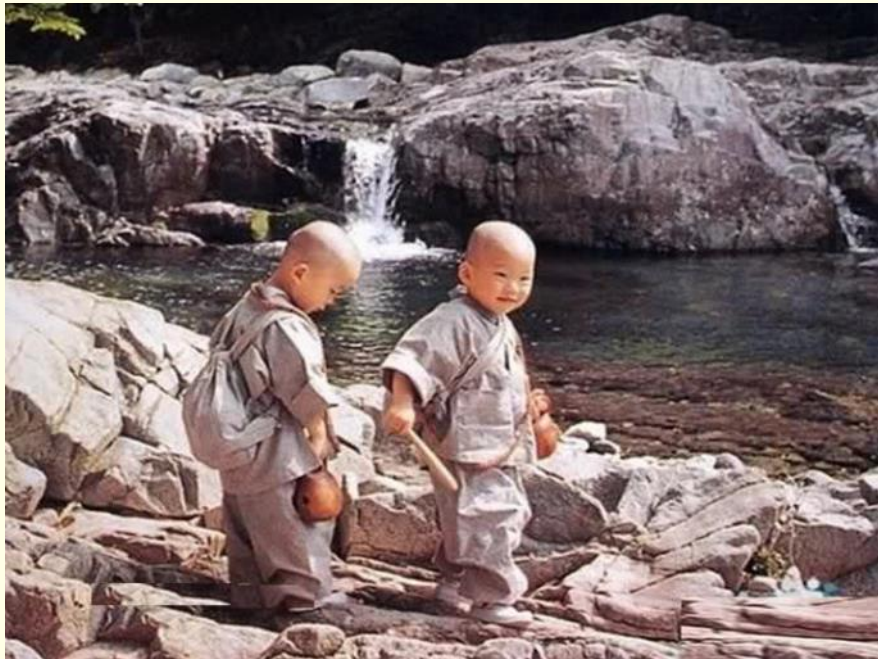
"Em lấy kinh đi mất tiêu rồi thì chị ở đây chịu thôi chứ đổ hô với ai bây giờ."

"Chắc chị lấy kinh đó cũng chẳng ai biết đâu, kinh hư rách rồi mà!"

"Biết là vậy nhưng cũng thấy làm sao ấy, sợ mang tội quá à!"

"Chị lên lạy Phật trước, thưa với Ngài là chị lấy kinh cho em để em học mà xuất gia. Như vậy đâu có mang tội gì chứ!"

Chị Su cười rồi bảo tôi đứng ngoài hiên phòng khách chờ. Chị



lên chánh điện một lúc, trở ra, dúm cuốn kinh rách vào tay tôi, bảo giấu đi. Tôi nhét vào bụng. Chị la lên:

"Mô Phật, kinh mà nhét vô bụng vậy đó!"

"Chứ giấu ở đâu bây giờ?"

"Thôi, thôi, cầm tay cũng được, em đi mau đi."

Tôi cảm ơn chị rồi đi nhanh. Chị ngó theo một lúc rồi bước theo, tiễn tôi ra cổng. Tôi dặn chị đừng nói cho ai biết tôi bỏ nhà đi tu. Chị nói:

"Chị hứa không nói ai đâu. Em đi may mắn nghe. Sau này có thành Phật thì nhớ độ chị với nghe."

Tôi cười rồi vụt chạy về nhà. Giờ này, ba tôi và các anh chị lớn đã đi làm, đi học. Mấy đứa em nhỏ của tôi đến trường buổi sáng, bây giờ đang chơi trước sân. Mẹ tôi ngồi viết gì đó ở phòng khách. Tôi vờ lấy tập học ra học, nhưng thực ra là viết thư để lại cho gia đình.

*"Ba Mẹ thương kính,
Con viết lá thư này để ba mẹ đừng lo lắng cho con. Con đi tu một nơi xa, không ở nhà nữa. Ba mẹ đừng tìm con."*

Thư viết ngắn gọn như vậy. Phần tái bút có thêm một câu "có ngày con sẽ về thăm ba mẹ và các em con". Thăm ba mẹ và các em thôi chứ không đá động gì đến các anh chị, vì ngay lúc viết thư, nhìn ra sân chỉ thấy bảy em chơi đùa chứ có thấy ai khác. Nhìn em út mà lòng tự dưng thắt lại, nước mắt trào ra. Chính lúc ấy mới biết rằng mình thương em cho nên mới thêm là "sẽ về thăm ba mẹ và các em con". Trên phần tái bút, chỗ ký tên, tôi

để mấy chữ "*con bất hiếu của ba mẹ*". Dòng chữ nghe kiểu cách, không biết tôi đã học từ đâu, vào lúc nào. Nhưng bây giờ đem ra áp dụng cho trường hợp ra đi lén lút này, nó khiến tôi ghen ngào không sao ngăn được nước mắt.

Viết xong tôi xếp lá thư, không phong bì, đem vào ngăn tủ quần áo và sách vở của mình, đặt nó trên cuốn tập ở trên cùng. Rồi tôi soạn áo quần, mặc vào người hai lớp áo hai lớp quần để khi đi không cần phải mang *hành lý*. Một áo thun và một quần sọt ở trong, một áo sơ mi và một quần dài ở ngoài. Trời Nha Trang lúc đó đã gần tàn xuân, hơi nóng, nhưng phải chịu vậy thôi. Trong túi tôi có khoảng một trăm năm chục đồng. Một số tiền khá nhiều mà chỉ quyết tâm để dành mới có nổi. Tôi dắt theo một cây bút máy. Cầm theo mấy cuốn tập để ai trong nhà có thấy tưởng tôi đi học. Cuốn kinh rách thì cứ nhét vào bụng mặc dù chị Su lúc nãy đã rầy là không nên. Xong, tôi lau nước mắt kỹ lưỡng rồi đến bên mẹ, hôn bà một cái nơi má.

"Đi học hờ con?" mẹ tôi hỏi mà không ngược mặt lên.

Tôi "dạ" nhỏ một tiếng rồi đi nhanh. Có lẽ mẹ tôi có nhìn phớt tôi một cái, lại tiếp tục viết nên không biết nước mắt tôi rơi như mưa. Ra sân, tôi không dám nhìn bảy em mình lần cuối. Những lần trốn nhà trước tôi không hề khóc. Tôi không ngờ lần này quyết tâm ra đi mà lòng tôi lại thấy đau như cắt. Ra khỏi nhà, đi một khoảng khá xa, tôi mới dám quay đầu nhìn lại ngôi nhà thân yêu lần cuối. Đến gần bến xe đò, tôi vút mấy cuốn tập học vào thùng rác của bến xe. Chưa lúc nào trong

đời tôi thấy hả hê bằng lúc vút bỏ sách vở này. Tôi thấy tôi đã có thẩm quyền, đã có tự do quyết định sự chọn lựa cuộc sống của tôi. Tôi bước lên xe tìm một chỗ ngồi.

Tuyến xe đồ Nha Trang – Ba Ngòi tôi đã từng đi với mẹ nhiều lần để thăm bà Vú và thỉnh thoảng đến dự lễ tại chùa Quận hội ở Đá Bạc nên lần đi này dù là đi xa, tôi cũng không thấy ngỡ ngàng hay sợ hãi gì. Trái lại, tôi còn thấy sung sướng nữa chẳng khác. Có lẽ giây phút sung sướng nhất của một con chim non là khi nó bắt đầu biết bay. Tôi chọn ghế gần cửa sổ để có thể ngắm cảnh trên đường đi. Tài xế đến thu tiền, tôi móc tiền ra trả một cách “người lớn”. Tiền vé là sáu chục đồng, mất một nửa số tiền tôi mang theo. Nhưng không sao, tôi nghĩ bụng. Nếu một chùa nào có nhận cho tôi xuất gia thì còn bao nhiêu tiền tôi cũng vút hết cho những người ăn xin hay ai đó ngoài đường lượng cũng được. Ở chùa đâu cần xài tiền!

Chuyến xe khởi hành đầu khoảng hai giờ trưa. Tạm biệt Nha Trang. Tạm biệt bãi biển hiền hòa tuyệt đẹp. Tạm biệt trường Sinh Trung, ngôi trường cũ thời tiểu học, ngôi trường mà tôi trải qua năm năm ở đó vẫn không thấy chán. Tạm biệt những đường phố với những vỉa hè tôi thường lang thang. Tạm biệt chùa Tỉnh Hội với Kim Thân Phật Tổ. Tạm biệt chùa Hải Đức với những vị sư hiền lành treo võng đọc sách. Xe lao nhanh về hướng Thành, bỏ thành phố Nha Trang lại phía sau. Qua khỏi Thành (Diên Khánh) thì hai bên đường toàn những núi là núi. Tôi nhìn chăm chăm lên những ngọn núi cao, ước ao có một ngôi chùa trên đó. Nếu mai này đã trở thành một chú tiểu ở chùa rồi, tôi sẽ viết thư về cho ba mẹ biết tin. Chắc lúc đó ba mẹ tôi không còn buồn lo nữa mà sẽ vui lòng để tôi xuất gia theo ý nguyện của tôi. Ba mẹ và anh chị em tôi sẽ tìm đến chùa thăm tôi.

Đang lạng mạn suy nghĩ thì xe từ từ vào bến. Chắc cũng khoảng bốn năm giờ chiều. Tôi hăm hở xuống xe, tìm đường ra quốc lộ rồi hướng về phía Ba Ngòi, nơi tôi tin là sẽ có một vài ngôi chùa đâu đó gần ngã ba Đá Bạc. Bất cứ ngôi chùa nào cũng có thể vào mà xin đi tu được, tôi nghĩ vậy. Định bụng rằng nếu không tìm được chùa nào trên quốc lộ này, hoặc có chùa mà không được phép sư trụ trì cho xuất gia, tôi sẽ đến nhà bà vú nuôi mà tá túc, sau đó nhờ



bà vú nhận làm con để xin phép cho mình xuất gia. Kế hoạch trốn nhà đi tu của tôi lúc đó “quy mô” như vậy.

Đi bộ bốn, năm cây số rồi mà tôi chẳng thấy ngôi chùa nào cả. Tôi nhớ rõ ràng những lần đi chung với mẹ, xe lam chạy ngang khoảng này, có một ngôi chùa nằm phía bên trái như vậy. Vậy mà bây giờ đi bộ hoài huy, vả mồ hôi, ướt đầm cái áo thun bên trong, vẫn chẳng thấy tăm dạng một ngôi chùa nào. Một quá tôi ghé vào một quán nước mía, kêu một ly lớn. Vẫn còn sang! Chưa học được tánh cần kiệm. Rồi tôi hỏi chị bán nước mía:

“Chị à, ở gần đây có một ngôi chùa, sao em đi hoài chẳng thấy, chị biết ở đâu không?”

“Làm chi có chùa ở gần đây em. Chị nhớ có chùa nhưng ở xa lắm, phải đi xe đồ hay xe lam mới tới được. Mà chị cũng chẳng biết đường đâu. Em hỏi người khác đi.”

Hỏi xong, tôi trả tiền rồi lăm lăm bước tiếp. Chẳng muốn hỏi ai. Mình tự do rồi, đi bộ cho tới lúc nào gặp chùa cũng được, đâu có sợ trời tối hay trời sáng. Vậy đó, cũng đâu cũng cổ, cứ cho rằng phải có một ngôi chùa ở trên quốc lộ này, nằm phía bên trái, nên đi hoài, đi hoài cho tới khi trời tối dần. Trong lòng bắt đầu thấy lo sợ. Ở Nha Trang còn biết chỗ này chỗ nọ, không vào chùa thì lên vào trường học mà ngủ hoặc đến nhà bạn bè, thiếu gì. Còn ở đây là Ba Ngòi, chỉ biết có nhà bà vú nuôi. Nhà bà vú phải đi ngược chiều lại. Ba Ngòi là vùng quê, chỉ có một khoảng ở gần nhà bà vú tức ngã ba Đá Bạc là được tạm coi như phố thôi. Mà nhà quê thì ghê lắm. Nhà cửa thưa thớt, nào ma, nào Việt cộng, làm sao dám ngủ bậy ngoài vỉa hè. Cũng chẳng có vỉa hè đâu mà ngủ. Nhà nào nhà nấy nằm thụt vào trong, có vườn, có rào, có chó dữ, ai mà vô ngủ ké được. Tôi đã bắt đầu thấy chùn bước. May sao thấy một cái chùa lờ mờ trong bóng đêm. Đúng rồi, đây là cái chùa

nằm phía bên trái quốc lộ mà tôi đang tìm kiếm. Tôi mừng quá bước vội vào cổng lớn. Bằng qua một khoảnh sân nhỏ, hai bên có trồng dăm ba chậu kiểng, nhưng cửa chùa đóng im ỉm. Chỉ có cửa sổ phía trước là hơi hé ra một chút. Tôi gõ cửa mấy cái rồi đứng chờ một chặp. Thấy bên trong không động tĩnh gì, tôi mới kéo cánh cửa sổ để nhìn vào. Bên trong tối hù. Chỉ ở bàn thờ giữa là có một cây đèn dầu leo lét không soi nổi tượng thờ ngự ở sâu phía trong, sau những bình bông và cổ bông trên bàn. Tự dưng thấy rung mình. Nghĩ rằng đây là một ngôi chùa hoang, định bụng quay lui thì đụng phải một ông già từ đâu bước tới ngó bộ như muốn túm lấy cổ mình. Tôi mới buột miệng la “ó” một tiếng thì ông già đã lớn tiếng:

“Thằng nhỏ này làm gì ở đây mậy? Tính ăn trộm hả? Đây là đình miếu có cái gì đâu mà ăn trộm hả mậy?”

Tôi vội đáp nhanh:

“Dạ đâu có. Con tưởng đây là chùa nên mới vào...”

“Vậy mậy ở đâu tới chứ đâu phải dân ở đây phải không?”

“Dạ, con ở Nha Trang.”

“Kiếm chùa làm gì?”

“Dạ, xin đi tu,” tôi phải trả lời rõ ràng như vậy chứ ụp ụp mở mở thì bị nghi oan là ăn trộm.

“Đi tu?” ông già vừa hỏi vừa nhìn kỹ lại tôi trong bóng tối nhờ nhờ. Chắc thấy tôi ăn mặc cũng khá tươm tất, ra vẻ con nhà chứ không phải dân bụi đời, ông đổi giọng:

“Con muốn đi tu thật hả? Thật tình hay sao mà đi tu vậy?”

Tôi chưa biết trả lời sao thì ông cười nói tiếp:

“Giỡn chơi vậy thôi chứ con đi tu được là tốt đó chứ, nhưng cha mẹ đâu không dẫn đi, lại đi tìm chùa giữa đêm hôm như vậy?”

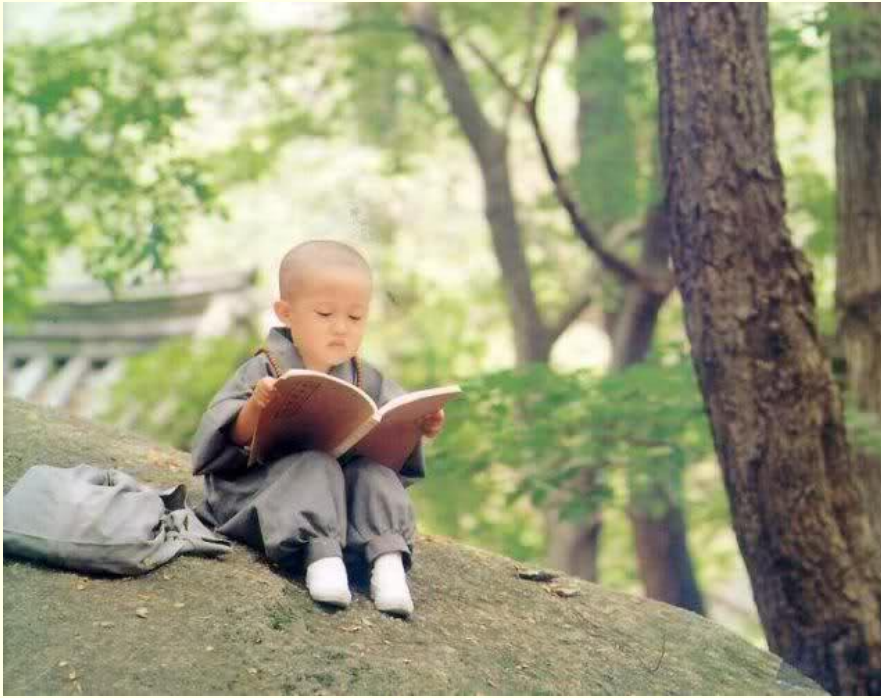
“Dạ... con muốn đi tu... nhưng...”

“Ba má không cho phải không? Phải rồi, đi tu cực khổ lắm con à. Còn nhỏ xíu như vậy sao không lo ở nhà vui chơi mà đi tu làm gì con! Mà con có muốn trốn nhà đi tu cũng chẳng được đâu, chùa đâu có nhận.”

“Sao vậy bác?”

“À, thì cái luật nó như vậy. Đây là cái đình làng, bác ở đây trông coi, bây giờ con muốn xin ở đây với bác, bác cũng đâu dám nhận. Suy ra ở chùa cũng vậy thôi. Con nít con nôi đi đâu, ở đâu cũng phải có phép của cha mẹ chứ.”

“Vậy...” tôi nói đến đó thì rơm



rớm nước mắt, chẳng biết tính đường nào nữa. Ông già thấy tội nghiệp nói:

“Bây giờ đón xe về lại Nha Trang cũng còn kịp. Nếu hết xe thì trở lại đây, ngủ với bác một đêm rồi mai hãy tính.”

Tôi dạ một tiếng rồi cảm ơn ông già, lật đật quay đi. Ngược về hướng bến xe. Nhưng tôi không đến bến xe. Tôi tìm đến nhà bà vú.

Bà vú tên là Nở, có chồng tên là Bộ. Chúng tôi thường gọi bà Vú và ông Bộ. Bà Vú là dân quê, chẳng biết ở tỉnh nào. Có lẽ là Phú yên hay Bình Định. Bà là vú nuôi của anh chị nào đó trong nhà tôi. Tôi sinh sau đẻ muộn không biết trong trường hợp và thời gian nào bà trở thành vú nuôi thân thuộc của gia đình. Chỉ thấy, chỉ nghe trong nhà ai cũng gọi “bà vú” thì gọi theo vậy thôi. Không biết trong năm nào, ba tôi được chính phủ cấp đất ở Ba Ngôi. Thường công và ân tình Vú dành cho bấy con mình, ba tôi biếu miếng đất đó cho vợ chồng của Vú để làm vườn mà sống. Từ hoàn cảnh đi làm thuê, ở mướn, làm vú nuôi, vợ chồng Vú trở thành chủ đất, làm ăn càng lúc càng phát đạt. Cuối cùng xây lên căn nhà ba gian rộng lớn để cho thuê, lại thêm vườn cây ăn trái trên miếng đất cũ hãy còn đem lại huê lợi cho nên vợ chồng Vú đã có thể gác cuộc dưỡng già. Vợ chồng Vú không nên bao nhiêu tình

cảm Vú dành hết cho anh chị em tôi. Lâu lâu Vú mang quà cáp từ Ba Ngôi đến nhà biếu ba mẹ tôi, không quên mang mấy thúng trái cây đủ loại cho anh chị em tôi nữa. Thỉnh thoảng mẹ tôi có dịp đi Cam Ranh hay công việc gì đó cũng dẫn chúng tôi ghé chơi ở lại nhà Vú một đêm, lần nào gặp anh chị em chúng tôi, Vú cũng móc túi áo bà ba, dúm nhanh cho mỗi đứa mấy chục đồng. Ông Bộ không gần gũi và biểu lộ tình cảm với chúng tôi như bà Vú, nhưng ông cũng hiền và vui vẻ mỗi khi anh chị em chúng tôi đến thăm chơi. Hai ông bà đều là những người dân quê mộc mạc, dễ thương, sống đơn giản, bình dị, suốt năm suốt tháng ở nhà, quần quýt bên nhau như đôi vợ chồng son.

Tôi tìm nhà Vú không khó, cũng nằm ngay trên quốc lộ này thôi. Lúc đó ít nhất cũng là bảy hay tám giờ tối. Cũng may là từ khi xây được ngôi nhà đúc ba gian và vùng này trở thành khu thị tứ ngày càng sầm uất, nhà Vú đã bắt được đèn điện sáng trưng chứ không như hồi cách đây vài năm chỉ xài đèn dầu khiến cho khung cảnh nhà quê tăm tối dễ sợ. Tôi vừa đến trước cổng rào đã bị con chó của Vú từ trong cửa sắt chu mõ ra sủa ầm lên. Tôi với tay bấm cái chuông điện mà cứ sợ nó tát. Một lúc thì ông Bộ bước ra, tôi mừng rỡ kêu lên:

“Ông Bộ, con nè!”

“Con nào? À, thằng Hiếu,

thằng Khang gì đó phải không?”

Ông mở cửa đưa tôi vào trong. Bà Vú cũng vừa bước ra, thấy tôi thì vừa mừng vui vừa lo thấy rõ, bà hỏi dồn:

“Có chuyện gì vậy con? Sao trời tối đui mới đến hả con?”

Tôi bịa chuyện nói láo để ông bà cho tôi ở tạm vài ngày rồi tính sau:

“Con sắp đi tu rồi. Thầy ở chùa nói con phải học thuộc mấy bài kinh nhật tụng rồi thầy mới cho xuất gia. Ở nhà ồn ào quá con học kinh không được nên ba mẹ con cho con vô đây xin ông Bộ bà Vú cho con ở một thời gian để học kinh.”

Nghe vậy ông bà mừng lắm, quên luôn là lâu nay có việc gì quan trọng ba mẹ tôi cũng viết thư sai chúng tôi cầm đến chứ đâu có để con nít nói miệng kiểu đó. Bà Vú cứ xuýt xoa khen sao nhỏ mà đòi đi tu hay quá, gia đình phước đức quá. Bà kéo tôi lại ôm hôn, bắt kể cái miệng nhai trầu đỏ lỏi hãy còn dính hai bên mép. Rồi bà bảo thôi đi tắm để bà kiểm cái gì cho tôi ăn. Vú dành riêng cho tôi một phòng ở phía sau gian bàn thờ tổ tiên. Tôi thở vào nhẹ nhõm. Coi như tạm ổn ngày hôm nay, ngày mai tiếp tục tìm cách đến một ngôi chùa nào đó.

Sáng hôm sau, nhân lúc ăn điểm tâm, tôi hỏi bà Vú có biết chùa nào ở Ba Ngôi hay Cam Ranh không. Vú đáp:

“Có chứ sao không. Vú cũng đi chùa mỗi ngày mừng một nê. Để rải rải rồi vú dẫn con đi cho biết.”

Tôi nghe nói vậy mừng lắm. Nhưng tôi cũng chưa dám nói sự thật là tôi trốn nhà. Cũng sáng đó, tôi ra tiệm mua một cuốn tập và một lọ mực về chép cuốn kinh rách. Trong cuốn kinh nhật tụng có hình tượng Đức Phật A Di Đà in mực trắng đen không được rõ nét lắm, tôi cắt ra dán vào một tấm bìa cứng để làm tranh thờ vì nhà bà Vú không có thờ Phật. Tôi lập một bàn Phật không nhang khói trầm hương hay chân đèn hoa quả gì hết, chỉ là bức tranh tượng treo lên vách nơi đầu năm. Cái gối nằm thì làm án kinh. Sau đó, tôi nắn nét chép lại kinh A Di Đà, Phổ Môn và các bài sám nguyện với nét chữ to dễ đọc. Chép một buổi sáng là xong. Buổi tối, tôi đã có thể tụng thời kinh Tịnh Độ bằng cuốn tập tôi vừa chép. Lễ bái cũng đứng trên giường mà lễ bái. Tụng kinh xong tôi đem kinh cất trên bàn viết rồi buông mình xuống mà ngủ. Ban ngày cuốn mừng xong, lại đem kinh đặt trên gối,

gối đặt trước tượng thờ. Suốt ngày đêm, rảnh lúc nào là tụng kinh, lễ bái lúc đó, không biết mệt mỏi. Bà Vú có để ý và cảm động lắm nên soạn mấy cái đĩa cổ nhạc trong đó có tuồng "Quan Âm Thị Kính", rồi bỏ vào máy đĩa cho tôi nghe. Vậy là suốt ngày cứ nghe toàn tuồng tích Phật giáo. Tôi thích đọc kinh hay truyện Phật giáo chứ đâu có thích nghe cải lương hay tân cổ giao duyên. Nhưng bà cứ mở máy thật to, vừa nghe vừa bàn, rồi hỏi, rồi dỗ, khiến tôi phải chăm chú mà nghe để trả lời bà. Bà cũng chịu khó nấu riêng món chay cho tôi ăn từ bữa đầu. Bà chăm chăm quan sát tôi nói năng, tụng kinh. Rồi cứ xuýt xoa, "thiệt dễ thương quá, giỏi quá!"

Đến ngày thứ ba, trong khi đang nằm võng nghe tân cổ nhạc, cũng tuồng *Quan Âm Thị Kính*, bất chợt bà ngưng võng, quay qua hỏi khi tôi đang ngồi học kinh gần đó:

"Bộ ba mẹ muốn cho con đi tu thiệt chứ sao?"

Tôi nhìn qua Vú, ngạc nhiên vì Vú hỏi câu đó:

"Chứ Vú nghĩ con đi tu không được hở?"

"Được chứ sao không... nhưng... vú nghĩ là ba mẹ con không cho con đi tu. Ông bà sợ con đi tu khổ quá làm sao con chịu nổi!"

"Ba mẹ con cũng nói như vậy đó. Nhưng con biết con chịu được mà!"

Vú nằm lặc đầu nhìn trần nhà, ra dáng suy nghĩ một lúc, rồi nói:

"Chùng nào ba mẹ con dẫn con lên chùa?"

Áp úng một lúc, tôi đứng dậy bước đến bên Vú. Tôi quỳ dưới đất vịn vào dây võng của Vú, im lặng một lúc tôi chỉ nói được mấy chữ "ba mẹ không cho con đi tu... con trốn nhà" rồi khóc nức nở. Vú chồm người ngồi dậy, xoa đầu tôi, bảo nín, rồi Vú ôm tôi vào lòng. Tâm trạng của một đứa bé trai ba ngày xa nhà không biết bộc lộ với ai, nay vỡ òa ra trước người vú già bình dân, tình cảm. Thấy tôi khóc mãi và cứ nằng nặc đòi đi tu, đòi Vú giúp cho, Vú hứa:

"Được rồi, được rồi. Nếu ba mẹ không cho thì vú cho. Để vú dẫn con lên chùa Khánh Long tu. Vú có làm công quả ở đó mỗi tháng. Thầy ở đó biết vú mà. Nín đi. Để chọn ngày lành tháng tốt rồi vú dắt con lên chùa xin đi tu. Trời ơi, tội nghiệp quá!"

Từ đó Vú càng cưng tôi hơn, nhưng ông Bộ biết thì muốn tập

cho tôi quen cực khổ bằng cách rủ tôi ra vườn làm ba việc lật vạt như hốt cỏ, hái trái v.v... Ông thường nói khi sai tôi làm một việc gì:

"Tu là phải hành chứ! Hành tức là hành hạ, là chịu cực chịu khổ, là làm việc đó chứ có gì khó hiểu đâu! Tu mà không hành thì làm sao thành Phật được!"

Dù chưa học hiểu được giáo lý bao nhiêu tôi cũng biết ông hiểu sai chữ "hành" đó. Tôi rất khó chịu. Tuy nhiên, tánh tôi không thích nói ngược với người lớn. Cứ im lặng mà tập làm việc thôi. Sau này lớn lên, tôi thấy đôi khi một sự sai lầm không ác ý cũng có cái vẻ rất dễ thương của nó. Bà Vú thì cần nhẫn với chồng, bảo rằng tôi cần thì giờ học kinh cho thuộc để tu, đừng sai tôi làm việc nhiều. Thực ra, lúc ấy tôi không ngại chuyện làm việc. Tôi nghĩ ông Bộ cũng rất có lý khi muốn tập cho tôi làm việc khó nhọc hàng ngày. Ở chùa nào cũng làm việc cực nhọc, ăn uống kham khổ, tôi luôn nghĩ vậy. Nếu không tập quen bây giờ thì mai sau vào chùa làm sao chịu nổi. Tôi vui vẻ làm việc và hăng hái học kinh, chờ ngày Vú dẫn đi tu.

Điều kỳ lạ là trong suốt mấy ngày ở đây, tôi không thấy nhớ nhà. Hàng ngày tụng kinh, học kinh, làm việc, tôi chạy theo sự hăng hái nhiệt tình của mình mà quên bằng đi cái thực tế rằng mình đang trốn nhà và đang làm cho gia đình rầu lo, buồn khổ. Buổi tối trước khi ngủ, thay vì gác tay lên trán suy nghĩ hay nhớ về ba mẹ mà khóc, tôi chỉ ngồi niệm Phật rồi cầu nguyện cho ba mẹ và anh chị em bình an, hạnh phúc. Tâm tư tôi bình thản, nhẹ nhàng, không còn chút âu lo hay nghĩ ngợi gì ngoài nỗi nôn nóng được vào chùa.

Tối ở yên như vậy được bảy ngày. Đến ngày thứ tám, tôi vừa đi bộ vừa niệm Phật ở vườn sau thì bà Vú từ cửa sổ phòng ăn gọi tên tôi, kêu vào có vẻ gấp lắm. Tôi vội bước vào trong thì gặp ngay anh Thu, người anh rể (chồng của người chị họ) từ Nha Trang đi Đà Lạt ghé tạt nhà Vú. Anh ấy là sĩ quan quân đội, cấp bậc đại úy. Nhân dịp anh đi công tác, mẹ tôi đưa địa chỉ nhờ anh ghé thử nhà Vú xem có tôi không. Vừa thấy anh, tôi hơi giật mình, tưởng người nhà đã tìm tới đây, nhưng nhìn lại thấy anh cười vui, còn tới xoa đầu nữa, tôi mới yên tâm. Anh nói ngay:

"Mẹ nhờ anh ghé xem có em ở đây không, có thì kêu em về.



Me nói là ba mẹ và gia đình đều đã vui vẻ chấp nhận chuyện đi tu của em. Vậy em về gấp đi để ba mẹ khỏi lo. Cả nhà đi tìm kiếm em suốt tuần nay đó."

Rồi anh móc túi, dúm vào túi áo tôi năm trăm đồng, bảo cất tiền xe mà về. Sợ tôi không dám về, anh còn dặn tới dặn lui mấy bận, nhắc rằng ba mẹ tôi rất nhớ thương tôi, mong tôi về sớm. Nếu không bận công tác, anh sẽ đích thân đưa tôi về nhà bằng xe jeep của anh. Tôi cảm động, âm thầm cảm ơn anh. Và qua lời kể của anh, đến lúc đó tôi mới chạnh lòng nhớ thương ba mẹ. Anh hỏi tôi có chịu về không. Tôi gật đầu. Anh tin. Bà Vú hình như đã có nói chuyện trước với anh khi tôi còn ở ngoài vườn. Và bây giờ, muốn chứng minh những điều bà nói không phải là nói thêm, bà đưa anh đến căn phòng nhỏ mà tôi dùng làm chỗ tụng kinh, chỉ cho anh thấy cái bàn thờ đơn sơ tôi tự thiết lập trên đầu năm. Giọng kể của bà, tôi nhớ rất rõ rằng nó chứa chan một thứ tình cảm vượt hẳn thứ tình mà lâu nay bà vẫn dành cho anh chị em chúng tôi.

Vú và tôi đưa anh Thu ra cổng rào.

Tối đó, Vú ngồi tèm trầu và nói chuyện với tôi rất khuya. Vú kể nhiều câu chuyện hồi xưa có liên quan đến Phật, đến chùa cho tôi nghe. Đến khi thấy tôi buồn

ngủ thật sự, Vú mới thôi. Vú quên rằng lúc ăn cơm tối, Vú đã nói trước là đêm nay tôi phải ngủ sớm để bốn giờ sáng Vú gọi dậy, theo Vú về lại Nha Trang.

Đúng giờ, Vú gọi tôi dậy đi ngay chuyển xe đầu. Trên xe Vú chẳng nói gì. Cứ ngồi nắm tay tôi, chốc chốc lại xoa đầu. Xe chạy hai tiếng đồng hồ mới đến bến xe Nha Trang. Vú gọi xích lô cho hai vú-cháu đi cho nhanh mặc dù từ bến xe về nhà tôi không xa lắm. Vú và tôi vào được sân, nhưng cửa nhà tôi hãy còn đóng vì chưa tới sáu giờ sáng. Vú bảo tôi gõ cửa, tôi e sợ không dám, đứng nép một bên. Vú nói nhỏ:

“Nhà mình chứ nhà ai đâu mà sợ. Không ai la đánh con đâu. Ba mẹ thương nhớ mong con về không phải để la mắng. Còn mấy đứa kia đâu có ăn thua gì! Vú không để con bị đòn đâu!”

Tôi ngại ngùng gõ ba tiếng trên cánh cửa gỗ thật dày ở trước phòng ăn và gần phòng ba mẹ. Vắng nhà hơn tuần lễ, giờ trở lại, tôi thấy mình như một người khách lạ.

Người mở cửa chính là mẹ tôi. Từ ngày tôi bỏ nhà đi, mẹ tôi không ăn, không ngủ được, cứ thấp thòm chờ tin tôi. Cả nhà túa ra đường đi tìm tôi, nhờ người này, người kia tìm giúp. Ba tôi còn đưa hình tôi cho ty cảnh sát nhờ họ điều tra, nói rằng có thể tôi đang đi lạc. Mẹ tôi thì cũng tin một phần vào lá thư để lại của tôi, hy vọng tôi tìm đến một chùa nào đó, nội trong thị xã Nha Trang này thôi. Bà đích thân lặn lội khắp các chùa để hỏi thăm tin tức tôi. Không thấy tôi ở các chùa Nha Trang, bà vẫn tin rằng tôi đi tu thật sự chứ không phải như các anh chị tôi phỏng đoán. Các anh chị cứ đinh ninh là tôi đi bụi đời, theo những đứa bạn chẳng ra gì ở xóm Lò Heo. Lỡ ra tiếng vào cứ rót mãi vào tai mẹ khiến bà cũng đâm lo ngại, tin rằng chuyện tôi đi bụi đời cũng có thể xảy ra lắm. Rồi bà thao thức mấy đêm liền, canh cánh bên lòng chuyện bỏ nhà lang thang của tôi. Cho nên, tôi chỉ gõ cửa ba tiếng là mẹ vùng dậy, bước ra mở cửa ngay. Có lẽ là tiếng gõ cửa của một bàn tay thiếu niên, nhỏ, yếu ớt khiến bà nhận ra tôi. Cũng có thể vì tâm cảm nhớ thương đòi đoạn của một người mẹ đối với đứa con xa vắng đã đến mức độ chín mùi khiến bà bèn nhảy nhận ra ngay người gõ cửa đó chính là tôi. Thấy tôi, mẹ mừng rỡ, mà cũng có vẻ sững sốt, như đón nhận một sự nhiệm màu có thể đoán trước nào đó. Bà



nắm tay kéo tôi vào lòng, xoa đầu, khóc, không nói một lời. Tôi chỉ biết lặng thinh. Bà Vú nói thay cho tôi mọi chuyện. Cùng ngồi vào bàn khách rồi, mẹ tôi nói với Vú mà mắt nhìn tôi trách yêu:

“Tôi cứ sợ nó đi lang thang không nơi ăn ngủ. Mỗi đêm về tưởng tượng nó ngủ ngoài đường, muỗi cắn, gió chướng lạnh lẽo là lòng se thắt lại, đau như dao cắt. Chẳng đêm nào chợp mắt được.”

Vú chờ mẹ tôi bộc bạch đôi lời rồi, bèn ước hỏi:

“Vậy bây giờ nó về rồi, cô có tính cho nó đi tu không?”

“Dĩ nhiên là phải tính chứ. Tôi có nhắn với anh Thu nếu có gặp Khang thì nói cho biết ý kiến của ba mẹ là đã chấp nhận chuyện xuất gia của Khang rồi.”

Vú xoay qua tôi nói:

“Đó, mẹ hứa cho con đi tu rồi đó. Vậy là yên tâm nghe. Đừng có đi đâu nữa nghe. Ráng học thuộc kinh rồi mẹ dẫn lên chùa. Thôi, bây giờ Vú phải về.”

Vú chào mẹ tôi. Mẹ tôi cảm ơn Vú, đưa Vú ra tận cổng. Tôi cũng bước theo ra tới cửa phòng khách. Khi mẹ tôi trở vào, tôi nghe có tiếng xầm xì ở nhà dưới, bàn tán chuyện tôi. Có lẽ các anh chị tôi đã thức giấc. Hình như các anh chị có lời dạy nghiêm, hăm dọa tôi. Mẹ tôi nghe được, liền bước xuống nhà dưới nói lớn rằng:

“Kể từ hôm nay, em nó thuộc về chùa rồi, có còn ở đây là ở tạm để chờ ngày xuất gia mà thôi. Không cần phải bàn tán hay nói nặng nói nhẹ gì em nó nữa.”

Lần đầu tiên mẹ tôi nghiêm giọng và lớn tiếng bên vực tôi như vậy. Tôi thấy yên tâm, sung sướng biết rằng ba mẹ đã thực sự đồng ý cho phép tôi xuất gia. Giấc mơ đi tu trở thành sự thực. Nhưng mấy tiếng “*đã thuộc về chùa rồi*” cũng đồng thời hàm một ý biệt ly chia cắt nào đó mà cho đến lúc ấy, hình như tôi mới nhận ra được. Tôi muốn thoát ly, nhưng rõ ràng là không thể không đau nhè trong lòng khi biết mình trong nay mai sẽ không còn là một thành viên có những liên đới thân tình và sinh hoạt bình thường với gia đình này nữa. Mẹ dứt lời thì ba tôi bước ra. Ông chuẩn bị ăn sáng để đi làm. Ông đến ôm tôi, nắn nắn đôi vai tôi rồi ôm hôn trên đầu trên trán tôi:

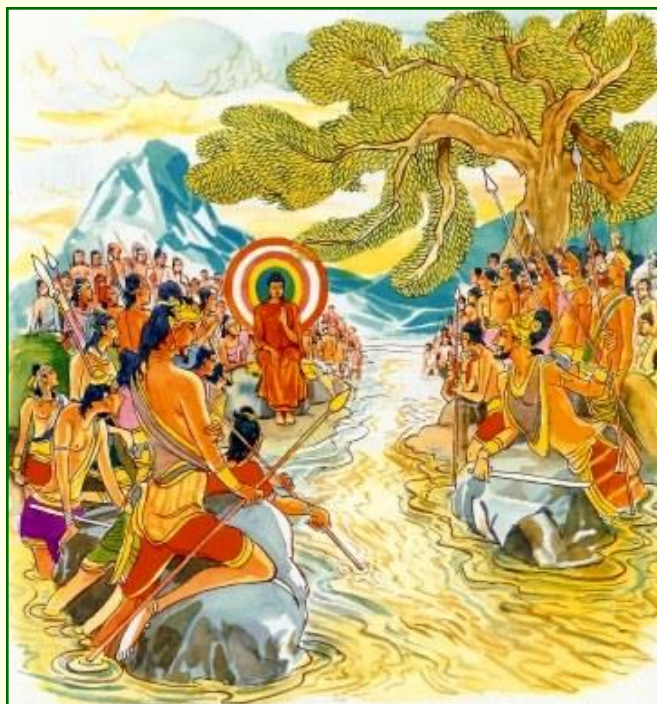
“Con đói bụng không? Uống sữa ăn bánh mì với ba nha?”

Tôi không trả lời câu hỏi của ông mà sung sướng, cảm động nép vào lòng ông thôi. Ba mẹ tôi lúc nào cũng vậy, luôn luôn là bóng mát thân tình để bày con nương tựa. Xa nhà hơn tuần lễ có khi tôi đã cảm thấy thèm nhớ cái gì đó mà không sao nhớ, không sao hiểu nổi. Bây giờ ôm ba, tôi mới thực nhận ra là tôi thèm nhớ vòng tay thương yêu của mẹ cha. Tôi ôm ba, hưởng thụ trọn vẹn tình thương bao la của ông. Trong phút chốc, tôi hầu như muốn quên đi rằng khi chọn con đường xuất gia là tôi đã tự nguyện xa lìa, cắt bỏ đi những liên hệ thiết thân này rồi.

(Đón đọc số sau: Chương 3)

The Story of the Pacification of the Relatives of the Buddha

Dhammapada, Verse 197 to 199



The Buddha uttered Verse (197) to (199) of this book, in the Sakyan country, with reference to his relatives, who were quarrelling over the use of the water from the Rohini river.

Kapilavatthu the town of the Sakyans and Koliya the town of the Koliya were situated on either side of the Rohini river. The cultivators of both towns worked the fields watered by the Rohini river. One year, they did not have enough rain and finding that the paddy and other crops were beginning to shrivel up, cultivators on both sides wanted to divert the water from the Rohini river to their own fields. Those living in Koliya said that there was not enough water in the river for both sides, and that if only they could channel the water just once more to their fields that would be enough for the paddy to mature and ripen. On the other hand, people from Kapilavatthu argued that, in that case, they would be denied the use of the water and their crops would surely fail, and they would be compelled to buy from other people. They said that they were not prepared to go carrying their money and valuables to the opposite bank of the river in exchange for food.

Both sides wanted the water for their own use only and there was much ill will between them due

to abusive language and accusations on both sides. The quarrel that started between the cultivators came to the ears of the ministers concerned, and they reported the matter to their respective rulers, and both sides prepared to go to war.

The Buddha, surveying the world with his supernatural powers, saw his relatives on both sides of the river coming out to meet in battle and he decided to stop them. All alone, he went to them by going through the sky, and stopped immediately above the middle of the river. His relatives seeing him, powerfully and yet peacefully sitting above them in the sky, hid aside all their weapons and paid obeisance to the Buddha. Then, the Buddha said to them, "For the sake of some water, which is of little value, you should not destroy your lives, which are of so much value and priceless. Why have you begun this foolish action? If I had not stopped you today, your blood would have been flowing like a river by now. You live hating your enemies, but I have none to hate; you are ailing with moral defilements, but I am free from them; you are striving to have sensual pleasures, but I do not strive for them."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 197: Indeed we live very happily, not hating anyone among those who hate; among men who hate, we live without hating anyone.

Verse 198: Indeed we live very happily, in good health among the ailing; among men who are ailing we live in good health.

Verse 199: Indeed we live very happily, not striving (for sensual pleasures), among these who strive (for them); among those who strive (for them) we live without striving.

At the end of the discourse many people attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



CẢM TẠ

Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tịnh tài của chư tôn đức Tăng Ni và độc giả đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ẩn phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật-tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp tháng qua:

HT. Thái Siêu \$500, Chùa Tam-Bảo (Tulsa, OK) \$200, Chùa Pháp Hoa (KS) \$300, Lynn S. Huỳnh \$160, Phạm Thị Tam \$60, Lan Huỳnh \$100, Võ Lệ Chi \$60, Ng. T. Kim Hồng \$100, Hoàng Ngô \$20, Ng. Thị Bích Trân \$10, Ng. Thùy Linh \$10, Ng. Thị Tuyết Mai \$10, Hồ Văn Quyền \$100, Tôn Thất Văn \$60, Ng. Hữu Đình \$70, Đỗ Thị Thảo \$50, Robert Pharmacy \$25, Trần Trọng Khoái \$60, Trần Thị Hạnh \$60, Ng. Bửu Ngọc \$100, Connie Hoa Huỳnh \$50... (danh sách còn tiếp tục số sau)...

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Thư Ký Chánh Pháp



YẾM TRỢ CHÁNH PHÁP

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý Phật tử và bạn đọc gần xa,

Để báo Chánh Pháp được duy trì và phát triển trên đường dài, Ban Chủ Trương chúng tôi mong mọi được sự yểm trợ sâu rộng của chư tôn đức và quý Phật-tử qua các phương thức sau:

- Chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu xin đóng góp bài vở, gửi về tòa soạn (nội dung liên quan Phật giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Từ Thiện...)
- Quý Phật-tử có thương vụ xin đăng quảng cáo để ủng hộ
- Quý Phật-tử đồng hương xin phát tâm ủng hộ mỗi vị \$5 một tháng (để trang trải cước phí gửi báo đi khắp nơi)
- Giới thiệu báo Chánh Pháp đến thân nhân, bằng hữu, bạn đạo khác.

Sự yểm trợ của chư tôn đức, văn thi hữu và bạn đọc sẽ giúp cho nội dung báo Chánh Pháp ngày càng phong phú, đặc sắc hơn, giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo dài lâu, góp phần hoằng dương Phật đạo.

Thành thật tri ân chư liệt vị.
Tỳ kheo Thích Nguyên Trí

Tịnh tài xin gửi: CHÁNH PHÁP
11502 Daniel Ave.,
Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.
Tel.: **(714) 638-0989**

Bài vở xin gửi:
baivochanhphap@gmail.com